

NGUYỄN THỊ THẾ

HỒI KÝ VỀ GIA ĐÌNH NGUYỄN TƯỜNG

- NHẤT LINH
- HOÀNG ĐẠO
- THẠCH LAM

Tái bản lần thứ 3



VĂN HÓA NGÀY NAY
xuất bản



- Copyright by VAN HOA NGAY NAY 1996
All Rights Reserved
Printed in the United States of America

- Văn Hóa Ngày Nay Publishing House
100 N. Ross St. # A 120
Santa Ana, CA 92701 * USA
Phone & Fax : (714) 564-9908



Nguyễn Hữu Nhật đọc truyện
của Nhà văn Nguyễn Thị Thế

Cụ bà viết truyện ngày xưa

Ngày nay đọc lại như mưa lệ đời

Cái hay cảm động đất trời

Là vẫn ? hay chính nhờ người tài hoa.

Oslo, 1.7.1996







Ngôi Trưởng Nguyễn Tường Tam chủ trương giành độc lập cho Việt Nam trên căn bản hiệp định Yalta tại Hội nghị Đà-Lạt (1946).







*Nhất Linh (áo trắng đứng giữa) chụp chung
với sư cụ Tâm Hào (Đà-Lạt 1960).*







Ký niệm ngày khai bút Xôi Cũ Mới
bên dòng suối Đa Mê, ngày 13-10-57

Phan Đình

Ảnh Nhất Linh chụp bên dòng suối Đa Mê ở Fim-nôm năm 1957



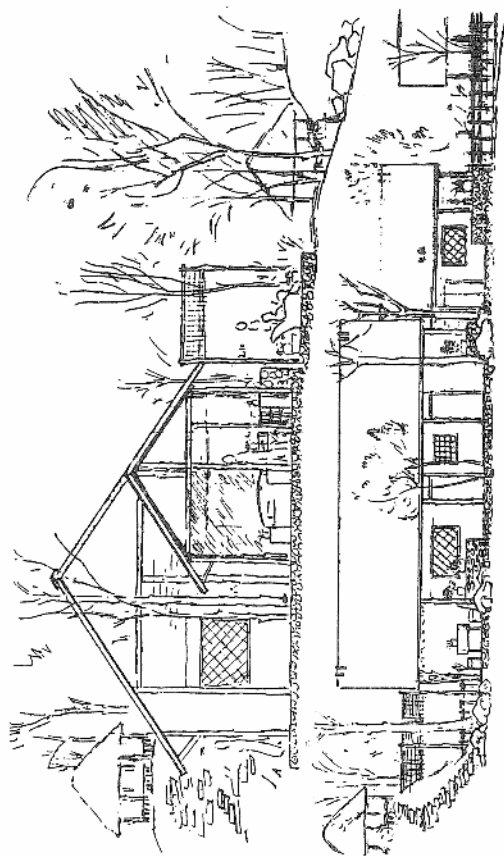




Ảnh Nhất Linh và nhà thơ Đông Hồ chụp tại nhà Đông Hồ.







Mẫu ngôi nhà Nhất Linh tự vẽ, ngôi nhà mà đến cuối đời, Ông vẫn chưa có được.





*Bà Duy Lam nữ danh Chu Thị Thành, con dâu của tác giả
Nguyễn Thị Thế trước bàn thờ Nhất Linh (1979).*







Tác giả thiên Hồi Ký, bà Nguyễn Thị Thế và con cháu chụp chung hình ở Hoa Thịnh Đốn (1992).





MỤC LỤC

* * *

Phụ Bản	5
Cắm Ngõ Cù Tà Ty	21
Quê Ngoại	27
Cái Chết Cù Thây Tôi	48
Rời Quê	78
Đám Cưới Nhất Linh Và Các Anh	88
Du Học	104
Trại Cắm Giảng	108
Làm Báo	116
Hoạt Động Chính Trị	123
Cái Chết Cù Thạch Lam	126
Xuống Tóc	131
Cái Chết Cù Hoàng Đạo	135
Cái Chết Cù Anh Hai	140
Cái Chết Cù Mẹ Tôi Và Nhất Linh	145
Lời Bạt Cù Tiến Sĩ Nguyễn Đình Tuyển	149
Vinh Biệt Nhất Linh	154
Thời Loạn Ly	166
Về Quê	197
Đời Người Đàn Bà	215
Vài Cắm Ngõ Về Cướn Hồi Ký cù Bác Sĩ Viễn Sơn Nguyễn Tường Bách	254





TẠ TỴ
VÀI CẢM NGHĨ VỀ CUỐN HỒI KÝ
GIA ĐÌNH NGUYỄN TƯỜNG
CỦA NỮ SĨ NGUYỄN THỊ THỂ

Một hôm, tôi đến thăm Duy Lam với mục đích để bàn về những cuốn sách và thơ của chúng tôi đang in, với dự định sẽ phát hành ra sao. Trong lúc nói chuyện, tôi chợt nhớ tới cuốn Hồi Ký của thân mẫu anh, viết về gia đình NGUYỄN TƯỜNG, trong đó có Nhất Linh, Hoàng Đạo và Thạch Lam, người viết truyện ngắn có tài, tôi rất mến phục. Tôi hỏi mượn để đọc cho biết, nếu anh còn giữ được cuốn đó. Tôi nói thực chưa được đọc, nhưng nghe nhiều người ca tụng, đó là cuốn tài liệu xác thực nhất về nhóm Tự Lực Văn Đoàn.

Nói đúng ra, khi nhóm Tự Lực hoạt động với tờ Phong Hóa, Ngày Nay, đã tạo được một chỗ đứng tương đối có uy tín trong lòng những người yêu Văn Học và Tiến Bộ trong toàn quốc. Lúc ấy, tôi còn là sinh viên đang theo học ở Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật, nghĩa là còn "thư sinh mặt trắng". Đã có một thời gian Nhất Linh cũng theo học Mỹ Thuật, nhưng thấy không thích hợp với khả năng nên bỏ ngang. Trường hợp này không trùng hợp với sự bỏ học của họa sĩ Nguyễn Gia Trí, vì anh Trí cho rằng các giáo sư chưa đủ tài dạy anh, tuy anh đã học tới năm thứ 3. Nhưng anh Trí vẫn vẽ sơn mài đến khi già biệt cuộc đời. Vì cùng một lập trường chính trị, anh



Trí cũng hợp tác với nhóm Tự Lực Văn Đoàn một thời gian khá dài bằng cách minh họa cho tờ báo ký dưới bút hiệu RIGT. Sau đó, anh nhường lại việc này cho họa sĩ Tô Ngọc Vân dưới bút hiệu Tô Tử.

Nhờ có tờ Ngày Nay tôi mới mê thơ Xuân Diệu và Huy Cận cùng những truyện ngắn của Thạch Lam như truyện "Sợi Tóc" chẳng hạn. Theo sự suy nghĩ đơn sơ của tôi hồi đó, nhóm Tự Lực Văn Đoàn và tờ Ngày Nay chắc phải có một uy thế về chính trị, và có nền tài chính phong phú, mới có thể lung hoành để gây được uy tín ở trong lòng những người quý trọng Văn Học và Tiến Bộ trong thời gian đó.

Tối hôm nay, cái "thời" của nhóm Tự Lực Văn Đoàn đã qua rồi, qua lâu rồi, đến bây giờ nó chỉ còn là một chứng tích của lịch sử Văn Học, tuy vẫn còn người thừa kế: nhà văn Duy Lam.

Nếu tôi không được đọc cuốn Hồi Ký về gia đình Nguyễn Tường do tác giả Nguyễn Thị Thế, em ruột nhà văn Nhất Linh viết, tôi sẽ không thể hiểu sâu xa về gia thế cũng như đời sống đích thực của gia đình Nguyễn Tường. Sau khi đọc xong, mới biết mình đã hiểu lầm, quả thực nó không giống như những điều mình nghĩ. Người viết như kể chuyện một cách thân mật, không che giấu, không giấu giếm hoặc khoe khoang, tất cả chỉ nói lên sự thật dù xấu, dù tốt, nó là sự thách đố giữa con người và Định Mệnh.

Có đọc mới biết, ba anh em Nguyễn Tường trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn được sinh ra, lớn lên trong một



môi trường trung lai, cũng làm ăn, buôn bán vất vả khi lên khi xuống để nuôi sống những miệng ăn và học hành. Tất cả những thành công đều do cố gắng của mỗi người trong gia đình để tự cứu. Cha mẹ sinh con, nhưng Trời phú cho mỗi người có sự thông minh và tài năng riêng, do vậy, mỗi con người phải biết tự thắng tự vượt để trở thành giá trị.

Đích thực, nữ sĩ Nguyễn Thị Thế không làm văn chương, hoặc dùng văn chương để giải bày tâm sự hay để cảm hóa lòng người. Với giọng văn bình thản kể lại sự thăng trầm của gia đình mình, không thêm, không bớt, không khoe khoang tô điểm, cũng chẳng cần che giấu những cơ cực do Định Mệnh an bài. Chính cái đó đã làm cuốn Hồi Ký tăng giá trị chẳng những ở phần nội dung, mà còn là sự đánh giá về tấm lòng ngay thẳng của tác giả khi viết về những người cùng chung huyết tộc !

Thường ra, người viết hồi ký hay chủ quan, đôi khi thiếu vô tư, chân thật làm người đọc có thể nghi ngờ, nhưng Nguyễn Thị Thế có sao nói vậy, biết đến đâu nói đến đấy, những vinh quang cũng như nhục nhằn, thân nhiên đón nhận, không kiêu hãnh, cũng chẳng buồn tủi hoặc oán trách sự trở trêu của Tạo Hóa ! Cái chết của nhà văn Thạch Lam, trước khi già biệt cõi đời, còn tiếc cảnh liễu rủ bên ngoài cửa sổ đã bị đón mất, và người em cuối trong gia đình : Nguyễn Tường Bách, Bác sĩ Y khoa, nhìn thấy cái chết của anh ruột mình, đành buông tay, chỉ biết tiễn đưa bằng những dòng nước mắt !

Nhưng nội dung cuốn Hồi Ký không phải chỉ có ngăn ấy nước mắt, mà nó chảy rất nhiều, rất rác trong hơn 100



trang sách. Đôi khi nó được khóa lấp sau những câu văn bình thản với mục đích dùng làm cho cuộc sống buồn thảm hơn, thế lương hơn, như thế đủ rồi !

Vì tình cờ, có một đoạn đời tôi làm việc chung với nhà văn Đỗ Tôn trong một cơ quan Quân sự. Đỗ Tôn, tác giả Tuyển tập truyện ngắn Hoa Vọng Vang, là em ruột Đỗ Đình Đạo. Đỗ Đình Đạo cũng làm chính trị, chung chí hướng với nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Đỗ Tôn cho tôi biết, trong những vụ hè họ thường hội họp và hoạt động ở đồn điền của gia đình họ Đỗ, ngay trang bằng những cuộc di sản ở Bắc Giang. Chỉ tiếc, những người tài của gia đình Nguyễn Tường đều mệnh yếu. Thạch Lam mất năm 33 tuổi, Hoàng Đạo sau những ngày sống cơ cực ở Côn Minh, chết năm 1948. Riêng Nhất Linh tự hủy mình năm 1963 để phản đối chế độ Ngô Đình Diệm và cho rằng việc làm của mình đúng hay sai, chỉ có lịch sử mới có thể phán xét.

Cuốn Hồi Ký về gia đình NGUYỄN TƯỜNG của nữ sĩ lão thành Nguyễn Thị Thế không những là một tài liệu chính xác nhất về gia đình Nguyễn Tường, nó còn là một cuốn sách văn học được viết ngoài văn chương. Chính vì vậy, tuy tác phẩm chỉ có trên 100 trang mà có sức nặng của cả một dòng sông lịch sử Văn Học cũng như Chính Trị qua dòng họ Nguyễn Tường ở Việt Nam trong Thế Kỷ 20.

Garden Grove, Mùa Hạ - 1996

TẠ TỴ





Hai người đàn bà đã nuôi dưỡng tinh thần Nguyễn Tường
Người mẹ, tác giả (giữa), bà Nguyễn Tường Tam (đứng)





QUÊ NGOẠI

Tôi còn nhớ nhà tôi ở phố hàng Bạc, số nhà mười. Trước đó ở Ấp Thái Hà nhưng có lẽ hồi đó còn nhỏ quá nên tôi không nhớ được gì. Hồi ở Hàng Bạc tôi mới lên năm tuổi (1914) bắt đầu sang học một anh giáo dạy tư ở ngay nhà trước cửa, vậy mà tôi cũng sợ hãi khóc lóc không chịu đi. Hôm nào anh Tư (Hoàng Đạo) tôi cũng dỗ dành, nào chải tóc và kể truyện cổ tích cho nghe, bảo chịu khó học đi rồi biết viết biết đọc như anh thì tha hồ xem truyện, bao nhiêu là truyện hay trong sách cả. Nhưng cũng phải mất mấy tháng sau tôi mới quen với việc học hành. Em Sáu (Thạch Lam) tôi nhỏ hơn tôi một tuổi nhưng bạo dạn đi tới đâu là kết bạn được ngay.

Bốn anh lớn tôi đều học tư ở trường Mã mây. Phố Mã mây cũng gần Hàng Bạc, ở nhà ra đi thẳng



một quãng là đến bờ sông. Chiều nào tan học các anh cũng dắt chúng tôi ra bờ sông chơi. Cái gì lúc đó đối với tôi cũng lạ lùng làm tôi sợ hãi không dám rời tay anh một phút, nhất là sợ mẹ mình nữa. Bà tôi cứ dọa mẹ mình bắt không cho tôi đi đâu làm tôi hãi sợ, chứ thật ra nào tôi có biết mẹ mình hình dáng ra sao đâu.

Ngôi nhà ở Hàng Bạc cổ kính tối tăm, cửa hàng bên ngoài cho bà Bảy thuê. Bà ta không có chồng con, chỉ có một mình, bán các thứ lật vật và dầu mỡ mắm muối tương cà, thứ gì trông cũng ngon. Cứ khoảng mười một giờ trở đi là bán luôn tay không kịp, sau phải mướn thêm một con bé bán phụ vào. Ở mai của bà ngon lắm, tôi rất thèm. Hôm nào đi học về qua cửa hàng bà cũng gọi tôi lại cho mấy quả trám muối hoặc mấy quả mơ. Bà luôn luôn tươi cười, giọng nói ngọt ngào, có lẽ vì vậy nên bà bán đắt hàng.

Gia đình tôi ở căn giữa, bên trong là căn buồng mà ngày cũng như đêm đều tối om, qua một lối đi nhỏ thì vào đến nhà trong cũng có người ở, ông này nấu bếp cho Pháp. Chủ Nhật nào ông cũng xin phép bà nội dắt hai chị em tôi vào đó chơi và cho ăn nhiều thứ bánh thật ngon. Đằng sau nhà là khoảng sân rộng có hai cây lựu thật to, đến mùa hoa lựu nở đỏ rực cả góc tường. Các anh tôi thường

lấy dây buộc hai bên gốc cây rồi thi nhau nhẩy qua, trò chơi này tôi và em Sáu còn bé nên không tham dự. Khi nào các anh đi học vắng cả, hai chị em không dám vào sân chơi vì phải đi qua lối đi tối tăm ban ngày cũng sợ có ma. Một hôm hai chị em liều chạy vào nhà trong, tôi chạy trước, em Sáu tôi theo sau, em tôi vấp ngã sóng soài, cầm đập xuống nền gạch. Tôi quay lại thấy em đang vội vàng nhồm dậm mặt đầy máu, tôi sợ quá khóc thét lên còn em tôi vẫn điềm nhiên không khóc, có lẽ vì quá sợ ma quên cả đau, sau này chỗ vấp ở cầm thành cái sẹo. Mỗi lần nhìn thấy, tôi lại nhớ chuyện cũ và sợ những căn nhà tối tăm có những bậc gạch xây, bọn cướp có thể trốn dưới đó suốt ngày cũng không ai hay biết. Một đêm, có truyện xảy ra làm tôi còn sợ cho tới bây giờ. Nửa đêm hôm đó tôi đang ngủ với mẹ tôi ở trong buồng chợt thức giấc vì tiếng cười của mẹ tôi thật to. Mẹ tôi lúc ấy đầu tóc rũ rượi, ai hỏi gì cũng không nói chỉ lấy tay chỉ xuống đất rồi lại cười. Tôi sợ quá cứ ôm chặt lấy bà mà khóc. Mọi người trong nhà kẻ chạy ra người chạy vào rồi rít, ở dưới đất tôi thấy một người đàn bà cũng đầu tóc rũ rượi mặt tái mét hai mắt mở to hết nhìn mẹ tôi lại nhìn mọi người trong nhà, tôi hốt hoảng không



biết bà này ở đâu ra và ngồi đó làm gì, chắc là ma rồi, nhưng tại sao mẹ tôi lại cười hoài vậy. Mọi người xúm xít quanh bà nhưng làm cách gì cũng không khiến bà nín cười, rốt cuộc mọi người cũng bật cười theo. Mãi sau có mấy người hàng xóm đến giắt người đàn bà đi nơi khác, mẹ tôi mới kể là bà đang ngủ thì có tiếng đập mạnh vào giường làm bà thức giấc vội ngồi dậy, trông thấy một người đầu tóc như ma sừng sững ngay trước mặt, mẹ tôi sợ quá nên ú ớ không thành tiếng, ở nhà ngoài ba tôi ngủ cùng với một ông bạn nữa, nghe vậy tưởng bà ngủ mê, ông ta chầm nển đem vào, thấy người đàn bà đứng lù lù như ma, ông ta sợ quá buông rơi cây nến cầm đầu chạy ra ngoài, mẹ tôi buồn cười vì đàn ông gì mà nhát quá. Người đàn bà đi ăn trộm cứ đứng thuôn người ra ngơ ngác vì thấy mẹ tôi cứ cười hoài. Chị ta lên vào nhà từ lúc chập tối, vì lúc đó bà Bảy bán hàng đông khách nên không ai để ý, chị ta chui xuống gầm bực gạch núp ở đó đợi đến đêm mọi người ngủ hết mới lên dậy, lấy được ít áo quần bỏ vào cái thùng rồi vào buồng mẹ tôi định lấy thêm bất ngờ đập vào giường làm mẹ tôi thức dậy. Thật đúng là ma không thương người ốm kẻ trộm không thương người nghèo, nhà tôi nghèo quá gạo



còn không đủ ăn mà trộm còn viếng thì thật là khôi hài.

Ở Hàng Bạc được ít lâu, thầy tôi nghỉ làm việc ở Thái Hà Áp nên mẹ tôi thu xếp cho chúng tôi về quê ngoại lo buôn bán. Lần đầu tiên được đi tàu hỏa, em Sáu thích quá luôn miệng hỏi sao tàu nó lại chạy được, nó chạy bằng gì, thầy tôi phải mất thì giờ cắt nghĩa rành rọt.

Nhà bà ngoại thật là mát. Nhà gạch năm gian có hiên lớn, đằng trước có vườn rộng. Ngoài hàng rào là chợ quê cũng gọi là chợ Cẩm Giàng cứ năm ngày có hai phiên chợ khá đông đảo. Trong vườn bà ngoại trồng đủ các thứ rau, đậu. Sáng sớm khi chúng tôi còn ngủ bà ngoại đã dậy nhóm hỏa lò đun nước trong cái ấm đồng nhỏ, bà mang ra một cái khay trong có cái ấm màu nâu sẫm, một chén tổng lớn và bốn chén nhỏ bằng hạt mít. Nước sôi bà tôi cho trà vào ấm, rót trà ra chén lớn rồi chuyển qua bốn chén nhỏ. Mọi cử động của bà thông thả như trăm năm không có sự gì thay đổi. Cậu tôi, dì tôi, cũng có mặt, cả hai là em ruột mẹ tôi và đó là lần đầu tiên tôi biết mặt. Dì tôi có nhà ở trên đất của bà ngoại. Bà tôi đưa mỗi người một chén trà. Ngoài vườn cây đào đã bắt đầu ra lá non, bà dặn cậu tôi nhớ bắt sâu thì chắc Tết này



nó sẽ ra nhiều hoa. Tôi thấy cậu tôi chẳng làm gì cả mãi sau này tôi mới rõ tại sao.

Xong buổi trà trời bắt đầu sáng, tôi theo bà ra vườn. Những luống cải xanh non bên những giàn đậu hòa lan hoa vàng lấm tấm, bà cắt từng lá cải tươi xếp lại thành bó, cho người nhà gánh ra chợ bán. Cái gì cũng khiến tôi ngỡ ngàng thích thú và lạ mắt.

Mẹ tôi xin được một khoảng đất ngay giữa phố Huyện, bên kia là mấy hiệu khách lớn. Đằng sau nhà là đường xe hỏa. Mẹ tôi dựng một căn nhà tre năm gian lợp lá gồi, hai gian mở cửa ra phố để bán các thứ lặt vặt và thuốc lão. Tuy là nhà tre vách đất nhưng nhà cao, cửa sổ rộng suốt cả đầu chái nhà, chấn song làm bằng cây tre rừng rất thẳng bào nhẵn, bên ngoài có phen đan bằng nứa, ban ngày chống lên tối bỏ xuống. Gió đồng thổi vào mát mẻ. Vách nhà làm bằng bùn trộn cát, ngoài quét vôi màu xanh nhạt. Ai tới cũng trầm trồ khen đẹp, đó là sáng kiến của mẹ tôi. Phần đông ở thôn quê, nhà nào làm cũng giống nhau, tối tăm chật hẹp. Giường nằm mẹ tôi cũng đóng như mọi người nhưng cao và rộng rãi hơn. Nhà bếp cũng được xây cao, có thể đứng để nấu ăn, có cả bàn bếp để đứng thái thịt toàn bằng tre cả.

Nhà làm xong mẹ tôi ra đón chúng tôi vào. Riêng tôi vẫn thích nhà bà ngoại hơn vì có vườn, có ao, lại gần cánh đồng lúa. Nhà mẹ tôi thì ngăn nắp sáng sủa hơn.

Tôi nhớ lại ngày còn ở Hàng Bạc, thầy tôi mất việc làm, bà nội, mẹ tôi rất lo buồn, nhà hết gạo chả biết vay ai, xung quanh toàn người xa lạ mà cũng chẳng giàu có gì hơn mình. Mẹ tôi bàn với bà nội thử về bên ngoại xem có buôn bán được không và cố kiếm căn nhà mà ở, chứ ở đây nhà thuê tốn kém. Bấy giờ về đây làm nhà, tôi thấy mẹ tôi vẫn ung dung như chưa từng phải thiếu thốn bao giờ.

Hai anh lớn học ở Hà Nội, anh Tam và anh Tư học ở trường Huyện. Trường ở ngay chùa bên làng Ràng, phải đi qua cầu bắc ngang sông Sen cũng khá xa. Trên cầu có đường xe hỏa, dưới có thuyền ở các nơi xa xôi đem hàng về bán. Nhờ vậy mẹ tôi buôn bán cũng đắt hàng, hơn nữa hồi xưa ông nội tôi làm tri huyện tại đây nên ai thấy bà nội tôi về buôn bán cũng mừng rỡ ghé vào chơi mua dăm ba bánh thuốc Lào nên nhà lúc nào cũng đông khách. Mẹ tôi có tài trộn thuốc Lào rất ngon. Lúc đầu bà phải nhờ người quen nếm thuốc hộ, ít lâu sau đã quen bà tự nếm lấy, có khi chỉ cầm bánh thuốc Lào lên ngửi cũng biết



được ngon hay dở. Sau mẹ tôi phải mướn thêm hai, ba người gói thuốc phũ mới kịp bán và gọi đi các nơi xa. Nhờ vậy trong nhà cũng sống đầy đủ.

Hai anh lớn học ở trường Bưởi. Lúc đầu chưa được vào nội trú nên phải ở trọ nhà ông trưởng tuần làng Thụy Khê. Ông ta có nhiệm vụ coi cá ở Hồ Tây, không cho ai bắt trộm, nhưng đêm đến chính ông ta lại đem đình ba đi đâm cá trộm mang về, nhiều con nặng tới năm, bảy ký. Hai anh tôi tha hồ ăn cá. Lâu lâu bà nội tôi lên thăm mang tiền ăn học cho các anh, tôi vẫn được đi theo. Bà nội ở lại đánh tổ tôm mấy ngày mới về. Bà thương các cháu lắm, các anh trọ học ở đâu cũng được bà gọi gắm chu đáo. Bà nói rất khéo, nên ở trọ nhà nào họ cũng chăm nom săn sóc các anh cẩn thận. Các anh tôi rất chăm học lại ít phá phách nên càng được chủ nhà thương mến.

Đến vụ gặt lúa tháng mười mẹ tôi đi cân gạo. Một đêm tôi đương ngủ thức dậy thấy đèn sáng chung ba gian nhà, xung quanh tường quây lá cót, một cái bàn cân để giữa cửa, những người nhà quê từ các làng xa xói đồ về, người ướt đầm mồ hôi có lẽ họ đi từ nửa đêm. Mỗi người gánh hai thúng gạo đầy trên có đập vĩ buồm bằng cối ướt đầm sương đêm. Mẹ tôi ra ngồi trên cái ghế dài, bên cạnh để cái

tráp sơn đen như của ông thầy bói, bên trong xếp từng cuộn bạc đồng trắng xóa, bạc một đồng bạc hai mươi, một hào và từng chuỗi xu đồng trông thật ngon mắt. Tiếng người chào hỏi mừng rỡ rí rít. Ai cũng hoan hỉ thấy mẹ tôi về đây buôn bán. Giá cả xong xuôi mẹ tôi biên cho một cái vé có đóng dấu Cẩm Lợi, ghi rõ số tiền, lần lượt từng người đem gạo vào đổi rồi cầm vé ra lấy tiền cho khỏi nhầm.

Càng ngày càng đông hơn, đèn phải thấp cho tới tám giờ sáng mới xong, ba gian nhà gạo đầy ắp trắng xóa như cồn cát. Mẹ tôi đem cái tráp bây giờ đã nhẹ hồng và tập vé, ra bàn tính để xem lời lãi bao nhiêu. Có thể biết được ngay vì nhận giá bên hiệu khách trước rồi, nay mua vào kém đi một chút là có lời.

Đến trưa bên hiệu khách cho một cô gái Tàu và mấy người phu đem bó bao, thùng sang. Họ đảo lộn lên cho đều, đổ vào từng bao, khâu lại vác về bên hiệu, chờ xe hỏa chở xuống Hải Phòng rồi mang đi ngoại quốc bằng tàu thủy. Đến tối mẹ tôi sang hiệu lấy tiền đem về soạn sẵn để sáng mai cân gạo. Những đêm như thế mẹ tôi ít ngủ, tới đến bất anh Tráng là người làm trong nhà cầm đèn đi soi khắp gầm giường, cửa ngõ đóng kỹ.

Anh người nhà đi ngủ cũng thủ con dao và cái đèn



bên cạnh để canh chừng, sợ trộm lên vào như hồi còn ở Hàng Bạc. Mẹ tôi cẩn thận như vậy mà một hôm bà ngồi đến khuya tính tiền, xong xuôi như thường lệ anh Tráng mang đèn đi soi khắp nhà rồi đi ngủ. Sáng ra anh chỉ cho cả nhà thấy một hố to trộm đào, từ ngoài nền nhà thông qua bức vách, hố rộng bằng cái thúng một người chui lọt. Đêm trước anh đã nhìn thấy rồi, ngay lúc mẹ tôi còn tính tiền, anh lẳng lặng đến nói thăm cho bà biết. Bà thần nhiên tắt đèn đi ngủ để anh Tráng thức rình, quyết bắt sống tên trộm mà không được, có lẽ nó thấy động không dám trở lại nữa. Anh có vẻ bức tức lắm. Anh Tráng vốn người khỏe mạnh vạm vỡ, miệng rộng, hai mắt xếch trông dữ dằn nhưng tính anh lại hay cười, hay nói làm việc chăm chỉ. Anh không biết chữ mà biết nhiều truyện cổ tích thật hay vẫn kể cho chúng tôi nghe những đêm đông trời mưa rét.

Mùa cày gặt kiếm được lời nhiều, bà tôi đi chợ cho ăn nhiều món ngon. Những lúc nhàn rỗi, bà hay sang chơi với mấy chủ hiệu khách trước cửa nhà uống rượu ngâm thơ. Có hôm say quá các chú ấy phải công về. Tôi thấy các chú ấy cũng chẳng bận rộn gì, suốt ngày ngâm cái ống điếu dài đứng trầm ngâm nhìn mọi người ra vào, thỉnh thoảng lại trao đổi vài câu

tiếng Tàu với mấy người làm công. Hai chị em tôi hay sang chơi, được ăn táo tàu và đường phèn, đôi khi được dẫn vào xem mấy con chim Hoàng Yến nuôi ở trong lồng, chúng được nuôi nấng kỹ lưỡng, bao giờ cũng có gạo trắng trộn với lòng đỏ trứng, chuối chín vàng tươi, vậy mà lúc nào chúng cũng tìm đường bay ra, tôi thấy thương quá, nếu là của tôi thì tôi thả ngay rồi.

Cứ năm ngày lại có hai phiên chợ, đông đúc suốt ngày, đủ các thứ hàng bán ở hai bên vệ đường từ cửa nhà tôi cho tới chợ. Tôi cũng bận rộn phụ gói thuốc lá để bán. Chiều đến tạm yên tĩnh trở lại, mặt đất ngồn ngang rác rưởi, người phu chợ ra quét vun lại thành từng đống rồi đốt khói bay mù mịt, mùi lá tươi xông lên hăng hắc. Trời tối đến, tiếng trống thu không, tiếng chuông chùa chiều mộ ngân dài vào khoảng không gian vô tận.

Hai anh Tam và Tư học hết trường Huyện, xuống Hải Dương trọ học, nhà lại thêm vắng vẻ, còn có hai chị em.

Một buổi tối bà tôi đánh thức chúng tôi dậy, bảo, dậy mà xem em bé, nó bé tí cả người chỉ bằng con mèo, chỉ thấy hai con mắt và cái miệng nhỏ tí xíu... Em Sáu tôi cứ ngồi nhìn hai con mắt, có vẻ sợ



không dám mó vào người em. Tôi thì luôn miệng hỏi bà tôi em bé ở đâu đến thế, ai cho vậy. Bà bảo đừng có nói bậy, em bé mẹ cháu mới đẻ đấy. Tôi lại hỏi thế đẻ ở đâu hở bà, bà vội gắt lên đẻ ở nách chứ ở đâu nữa. Thấy bà giận tôi không dám hỏi thêm nhưng thắc mắc hoài. Bà nội đặt tên em bé là Bầy, thứ bầy mà, gọi thế cho khỏi nhầm. Anh cả tôi tên Thụy, hồi có thai anh, mẹ tôi nằm mơ thấy có người đem đến cho một viên ngọc, nếu đặt tên Ngọc có vẻ con gái quá nên đặt là Thụy vì chữ Thụy có ẩn chữ Ngọc. Anh thứ hai tên Cầm, thứ ba là Tam, anh thứ tư là Long, tôi thứ năm tên Thế, em thứ sáu tên Vinh, em thứ bảy tên Bách. Thật sự tên anh em tôi không phải ngay từ lúc đầu đã đặt theo bộ chữ THUY CẦM TAM LONG VINH BÁCH THẾ (Ba con rồng bằng gấm đẹp vinh hiển muôn đời) như một vài cuốn sách đã viết và coi như sự nổi tiếng của Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam là tiền định.

Ba anh tôi tên đã được đặt từ trước là Thụy, Cầm, Tam, anh Tư tôi (Hoàng Đạo) đáng lẽ là Tứ nhưng có người bạn của thầy tôi là Tứ nên mới đặt là Tư và tôi là Năm. Rồi tới em Sáu (Thạch Lam) và em út là Bảy. Sau này vì anh tư tôi không đủ tuổi đi thi anh mới đổi là Long. Còn tên tôi, em Sáu



và em Bảy là do anh TAM đổi nhân dịp em Sáu cũng vì lý do đổi tuổi để đi thi. Như vậy tuổi khai sinh của anh em nhà tôi không hoàn toàn đúng với tuổi thật. Năm đó tôi nhớ anh Tam đã viết "NHO PHONG" và tôi khoảng 14, 15 tuổi, bấy giờ anh Tam mới nghĩ tới việc đặt tên anh em chúng tôi theo bộ chữ trên. Tôi là con gái nên lấy chữ cuối. Thứ tự gia đình tôi theo đúng tuổi là anh Cả NGUYỄN TƯỜNG THUY sau này làm Tổng giám đốc bưu điện sinh năm Quý Mão (1903), anh Hai NGUYỄN TƯỜNG CẨM, kỹ sư canh nông, Giám đốc báo NGÀY NAY sinh năm Giáp Thìn (1904), anh Tam NGUYỄN TƯỜNG TAM, Nhất Linh, Nhị Linh chủ trương TỰ LỰC VĂN ĐOÀN sinh năm Bính Ngọ (1905), anh Tư NGUYỄN TƯỜNG LONG, Tứ Ly, Hoàng Đạo trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn sinh năm Đinh Mùi (1907), tôi NGUYỄN THỊ THỂ sinh năm Kỷ Dậu (1909), em Sáu NGUYỄN TƯỜNG VINH (LÂN), Thạch Lam trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn sinh năm Canh Tuất (1910), em Bảy NGUYỄN TƯỜNG BÁCH, Bắc Sĩ, sinh năm Bính Thìn (1916).

Riêng em Sáu tôi đổi tên tới hai lần. Lần thứ nhất đổi là Vinh, cũng vì lý do để đủ tuổi đi thi bằng thành chung. Tôi còn nhớ khi em Sáu thi đậu,



Tú mơ Hồ Trọng Hiếu có mừng em bài thơ tôi chỉ còn thuộc có 6 câu :

Gửi lời mừng bác NGUYỄN TƯỜNG VINH

Đáng bậc thân đồng bọn học sinh

Năm trước vừa ăn kỳ tốt nghiệp

Năm sau liền đỗ bậc chung thành

Văn hay phúc ấm nhờ tiên tổ

Cũng bởi công phu gắng học hành

Lần đổi tên thứ hai là Lân. Tên này em tôi giữ cho tới khi chết. Sự đổi tên của anh em tôi là do ý kiến của anh Tam vì khi đổi tên tôi và các em Sáu, em Bảy thầy tôi mất đã lâu.

Tết lại sắp đến rồi, tôi rất thích mặc áo đẹp nhận tiền mừng tuổi, nhất là được đi đón các anh ở xa về. Trong nhà nhộn nhịp tung bưng. Tối đến anh Tráng đem cây đèn gió ra lau chùi cẩn thận, cây đèn bị xếp xó đã lâu, từ khi hết mùa cần gạo đến nay. Ở nhà quê cứ chín, mười giờ là đã khuya khoắt lắm, hàng phố ngủ yên cả. Đêm tháng chạp mưa phùn gió bắc lạnh căm căm, hai chị em cố thức để đi đón các anh. Auh Tráng sợ chúng tôi ngủ mất nên luôn miệng kể truyện cổ tích cho nghe. Đến giờ tàu đến một tay anh cầm đèn bão, một tay cầm gậy, chúng tôi nắm chặt tay anh, ra tới cửa đã thấy người bẻ ghi

đang đưa đi đưa lại cái đèn đỏ báo hiệu tàu sắp tới, tôi hồi hộp quá. Đến ga tôi đã nghe tiếng rầm rầm, tàu đã qua cầu, đầu tàu hiện ra, than đỏ bắn tóe sáng lấp lánh trong bóng đêm trông như chùm hoa cải ở vườn bà ngoại.

Hai anh hiện ra ở toa tàu. Tàu chưa ngừng hẳn, anh Tráng đã nhảy lên rất lẹ. Các anh bước xuống chúng tôi chạy lại nắm tay các anh mừng rỡ. Anh Tráng tay xách cái rương, tay cầm cây gậy. Tôi không thấy anh dõng cây gậy lúc nào trong lúc đi đêm. Anh nói mấy cậu chóng lớn quá, mới mấy tháng thôi. Tôi sức nhớ vội khoe các anh nhà có thêm em bé hay lắm nó đã biết ăn biết mút tay rồi. Các anh cười bảo anh biết rồi, nó tên là Bầy chứ gì.

Sáng hôm sau đến lượt anh Tam anh Tư ở Hải Dương về. Nhà vui hẳn lên, ngồn ngộn áo quần sách vở, các anh thi nhau kể chuyện học hành, thầy giáo này khó, ông giám thị kia dữ quá... Bà tôi đem quần áo ra soạn, khâu lại những chỗ rách, cái nào ngắn để lại ở nhà cho các em mặc. Trước khi đi bao giờ mẹ tôi cũng mua một tấm vải chúc bầu gọi thợ bên cạnh sang may cho mỗi anh một bộ, mặc quần áo mới vào nó kêu sột soạt tôi thấy các anh có vẻ khó chịu lắm.

Tết đến thật là tấp nập, nhà nào cũng sửa soạn,



quét vôi lại nhà, lau chùi bàn thờ, gói bánh chưng. Tôi ngồi yên xem mẹ tôi gói bánh. Bà bầy một sàng lá giông đã rửa sạch, một thúng gạo nếp trắng như bông, một giá đậu xanh vàng óng, nồi thịt sào hành trộn cả cưỡng thơm phức. Sao tôi thích ngửi cái mùi thơm béo ngậy ấy thế. Bà xếp bốn cái lá giông đều nhau rồi lấy một bát gạo đổ xuống gạt ra cho đều, đổ một chén đậu lên trên, cũng san đều ra, và gấp bốn miếng thịt để vào bốn góc, tất cả lại được đổ lên một chén đậu và một bát gạo nếp nữa. Tôi xem hoài không chán mắt. Gắn xong mẹ tôi gói cho hai chị em mỗi người một cái bánh nhỏ gọi là bánh muối. Bánh xếp vào đầy cái nồi ba mươi. Bắc nồi lên bếp trời cũng vừa tối. Trời tháng chạp mưa gió rét, cả nhà ngồi quây quần quanh nồi bánh vừa nói chuyện vừa sưởi ấm, anh Tráng thì đem mấy cái rô giá ra buộc lại cho đỡ buồn ngủ.

Tết xong thầy tôi hay dẫn chúng tôi đi bắn chim. Mấy bố con đi hết làng này sang làng khác, qua các đồng khô chỉ còn trơ cưỡng rạ. Tôi thích dẫm chân lên những gốc rạ ấy, vừa khô vừa rát rát. Đi từ sáng đến chiều tối, có khi bắn được tới mười con cò, vài con chim gáy. Đi qua các làng, người quen ra chào mời vào ăn cơm nhân thể nhà họ có giỗ,

thầy tôi liếc nhìn chúng tôi e ngại, lũ con quá đông, ông nhất định cảm ơn không vào, hẹn đề khi khác. Có những buổi đi chơi đó tôi mới thấy thầy tôi nói cười vui vẻ. Thường ngày ông chỉ trầm ngâm đọc sách, mọi công việc nhà đều một tay mẹ tôi cả.

Tết xong, các anh tôi lại đi học xa, nhà trở lại yên tĩnh. Hai chị em cả ngày chỉ mong có chuyến tàu ngay đằng sau nhà là chạy ra coi. Những chuyến tàu Hà Nội xuống tới Hải Phòng đến gần nhà tôi ngừng lại rẽ sang đường khác để nối các toa chở gạo vào.

Em Sáu mỗi lần tàu chạy qua lại chỉ cho tôi xem các bánh xe lăn trên đường sắt sáng và bóng loáng. Các chuyến tàu chở hàng lúc hai giờ cứ đến gần nhà tôi là dừng lại, không bao giờ đi quá. Em Sáu rủ tôi lại xem bánh xe, tôi sợ lắc đầu thế là nó từ từ bò lại gần sát đường sắt, cúi đầu xuống lấy tay sờ vào chỗ nhãn của bánh xe. Tôi đang mãi chăm chú xem nó làm gì chợt lúc đó có người trông thấy, họ sợ quá kêu lên ầm ỹ. Bao nhiêu người xúm đông lại hò hét, em tôi cứ lặng lẽ đi xuống. Mới đầu ai cũng sợ, sau mọi người biết rõ chuyện, họ cho là thằng bé thế mà gan dạ, dám đến gần đường sắt sờ bánh xe chơi. Lỡ hôm đó tàu nó không lùi, cứ tiến lên thì có nát sọ không. Hai chị em chỉ nhìn nhau cười vì



chúng tôi đã biết từ lâu bao giờ tàu nó cũng tới đó là lùi lại chứ không bao giờ đi quá vạch phần em Sáu tôi đã đánh dấu. Nhưng cũng từ đó bà tôi cấm không cho chúng tôi ra ngoài nữa, chỉ được đứng trong nhà nhìn ra thôi.

Tôi cũng không nhớ rõ nhà tôi ở đây được mấy năm. Một hôm có chuyến tàu chạy đêm, than bắn ra bay vào mái tranh một nhà nọ cháy hết cả một dãy phố nhỏ, dân chúng bắt sợ Hỏa Xa bởi thường, họ tức mình bắt tất cả các nhà làm gần đường xe lửa phải dời ra xa mười thước. Nhà tôi cũng cùng chung số phận.

Thầy tôi nhờ can thiệp hai, ba lần không được. Mẹ tôi phải vào nói với bà ngoại cho làm nhờ trên đất của bà chứ biết giờ nhà đi đâu bây giờ. Phố Huyện nhỏ hẹp lại chỉ có một mặt đường, bà ngoại tôi cũng thương mẹ tôi nghèo lại đông con nên bằng lòng cho làm trên thửa đất mặt sau trống ra chợ để mẹ tôi có thể vừa ở vừa bán hàng. Nhưng cũng chỉ đông khách hai phiên chợ thôi, ngày thường chẳng buôn bán gì được. Mẹ tôi cũng đành chịu vậy. Riêng chúng tôi vui thích hơn vì ở ngoài phố chật hẹp chả được đi đâu,



cả ngày chỉ mong có chuyến tàu lại ra ngắm bánh xe luân chuyển.

Nhà mới mẹ tôi làm mặt trước trông ra vườn rau bà ngoại, mặt sau làm thêm một căn nhà ba gian trông ra chợ. Chái nhà làm nơi đun bếp nấu ăn. Trước nhà có sân chạy dài suốt năm gian, có vườn nhỏ trồng đủ các thứ hoa. Bên phải khu vườn là nhà dì tôi, chông dì lại là thầy học của chúng tôi nên chúng tôi gọi là thầy và cô chứ không kêu dì. Đằng trước khu vườn là năm gian nhà thờ bằng gạch, bà ngoại và cậu tôi ở đó. Cậu tôi cũng có đàn con bầy người như nhà tôi nên rất vui, bầy anh em bên ấy nhỏ tuổi hơn các anh tôi nên đều học trường Huyện cả.

Nghỉ hè tất cả các anh tôi về, tụ họp thật vui nhộn. Nhất là những đêm có trăng, mọi người bắc ghế ra sân ngồi cho mát, cả mẹ tôi, thầy cô tôi cũng ra. Nào chuyện học hành, chuyện thi đậu ăn khao ra làm sao, định rạp mỗ bò ăn mừng, như thế nào? Các anh bàn tán xem nên mời những ai, bàn cãi sôi nổi mỗi người một ý kiến làm như ngày mai là có, khiến chúng tôi bỏ cả chơi vào tham dự, ngồi nghe mọi người bàn nấu những món ăn ngon mà thèm thắm ước có ngay bây giờ. Và nếu có chắc chúng tôi ăn hết cả con bò chứ chả còn đâu mà mời khách nữa. Cho tới lúc trăng



mờ sương lạnh thì câu chuyện đã kém phần hào hứng, mọi người uể oải vào ngủ. Chỉ trên nét mặt cô tôi có vẻ buồn vì cô không có con để hy vọng sau này. Cô cũng không ầu yếm gì các cháu mà còn tỏ vẻ khắc nghiệt nữa. Nhà cô sạch sẽ ngăn nắp, chúng tôi ít dám vào chỉ khi nào mẹ tôi có sai bảo điều gì mới dám sang mà thôi.

Từ khi dọn về ở trong này, buôn bán kém lại thêm mấy năm mất mùa nên mẹ tôi đề cử hàng thuê của bà cụ Móm cho hai chị em trông. Bà cùng với anh Tráng đi cân gạo, vụ lúa tháng mười thì đi các nơi Đa Phúc, Vĩnh Yên, vụ lúa chiêm tháng năm thì đi Hà Nam, Phủ Lý. Có khi hai ba tháng mới về, ở nhà vài hôm bà lại đi. Tôi rất sợ những ngày mẹ tôi ở nhà vì bà bắt tôi làm đủ thứ việc như người lớn mà sức tôi không làm được. Một hôm có bà bạn đến chơi, bà bắt tôi pha trà tằm trâu, những việc này bà chưa hề dạy tôi bao giờ, cũng may chúng tôi chơi bán hàng vẫn thường lấy lá dâm bụt quấn lại giả làm trâu nên cũng không đến nỗi lúng túng lắm.

Bà sai tôi đi chợ dặn mua cá thật tươi, con nào mang còn ngáp hãy mua. Tôi chả thấy con cá nào còn ngáp cả nên mang tiền về. Một lát có bà hàng xóm đi

chợ mang cá về. Mẹ tôi hỏi có cá sao không mua, tôi nói có nhưng toàn là cá chết không có con nào sống cả. Mẹ tôi cũng lên đầu tôi mấy cái và lúc đó bà mới chịu chỉ cho tôi biết là mua cá thì phải xem mang, vạch mang nó ra thấy còn đỏ là cá tươi, nếu mang nó nhợt nhạt là cá chết lâu rồi chứ ít khi gặp được cá còn ngáp lăm.



CÁI CHẾT CỦA THẦY TÔI

Một hôm thầy tôi đi Hà Nội đem tiền học lên cho các anh. Ông gặp ông Công Sứ Hải Tường hồi xưa thầy tôi có làm thông ngôn cho ông ấy một thời gian. Bây giờ ông ta đổi sang tỉnh Sầm Nứa bên Lào, ông hỏi thầy tôi có muốn sang làm không, lương cao và nếu mẹ tôi có muốn sang buôn bán cũng dễ. Thế là thầy tôi nhận lời ngay vì hồi đó mấy tỉnh ngập lụt mất mùa, gạo cấm xuất cảng nên sự buôn bán khó khăn, không đủ tiền cho các anh tôi ăn học.

Thầy mẹ tôi sửa soạn ra đi, chỉ có bà nội khóc lóc sợ thầy tôi yếu và đường đi xuyên sơn vạn thủy, nước độc sợ không chịu nổi. Sau nghĩ đến số lương nhiều gửi về đủ nuôi các cháu ăn học, bà tôi cũng phải bằng lòng.

Năm ấy tôi mới lên chín tuổi, thầy mẹ tôi cũng



ít khi ở nhà nên chuyện ra đi của người cũng chỉ như đi chơi xa thôi. Sang được ít lâu thầy tôi viết thư về cho biết ở bên ấy khí hậu tốt, công việc nhàn. Còn về việc buôn bán thì mẹ tôi chưa định vì đường núi đi toàn bằng ngựa thồ, phải đi bảy, tám ngày đường núi, hai ngày đường thủy mới về tới Hà Nội. Chuyến hàng vừa đi vừa về mất gần một tháng đường trường khó khăn vất vả quá sức. Cũng may trong năm đó mẹ tôi chưa buôn bán thêm được thì ở nhà bà nội nhờ có môn bài bán thuốc phiện ty do chính quyền cấp được coi như hợp pháp. Thuốc lậu bị bắt dũ nên năm đó người có môn bài bán ra lời gấp hai, ba. Bà tôi nhờ đó kiếm được khá nhiều lời sống sung túc.

Nghỉ hè các anh về bà mua nhãn cả thúng cho ăn. Có khi bà xuống tỉnh Hà Đông lãnh được thuốc bán ngay cho người ta được lời nhiều, bà mua cả thúng bánh giầy giò chả, gọi cả các cháu bên cậu mợ tôi qua cho ăn thả cửa.

Một ngày mùa đông bà nội đi xuống tỉnh lĩnh thuốc chưa về, hai chị em dắt nhau ra xem tàu như thường lệ, thấy anh Cả anh Hai ở Hà Nội về. Chúng tôi mừng rỡ rồi rít hỏi anh được nghỉ lễ hay sao. Hai anh chỉ lặng lẽ gật đầu chứ không vui vẻ như mọi khi. Tôi không dám hỏi thêm. Các anh hỏi bà có nhà



không, tôi nói bà đi Hải Dương lĩnh thuốc rồi. Các anh không về thẳng nhà, ghé nhà bà ngoại, thấy các anh về đột ngột bà hỏi các cháu có việc gì mà về giờ này. Anh tôi nói là có giấy thép ở bên Lào gửi về báo tin thầy con đã mất ở bên ấy rồi. Bà ngoại oà lên khóc khiến các anh cũng khóc theo tôi mới rõ lý do các anh tôi về, còn sự sống chết đối với tôi lúc đó thật là mờ mịt. Vì tôi chưa hề thấy ai chết và chết như thế nào. Tôi thấy bà ngoại, các anh khóc thì cũng khóc theo mà thôi. Anh Cả tôi khóc dễ dàng như trẻ con, anh Hai hàng ngày vốn đắm chiều ít nói nay lại đắm chiều hơn.

Tới nhà anh Hai dặn anh Cả tôi là anh phải đợi bà nội vào nhà rồi thông thả hãy nói, anh đừng nói ngay, bà ngắt đi thì mệt lắm.

Lúc hai chị em ra ga đón bà, nhớ lời anh Hai dặn nên hai chị em không nói gì hết. Về đến vườn rau, anh Cả chạy ra đón, bà nội hỏi các cháu được nghỉ gì mà về thế, anh vừa khóc vừa nói bà ơi cậu con mất ở bên Lào rồi. Vừa nói dứt lời bà hét lên một tiếng lớn rồi ngất xỉu ngay giữa vườn rau. Hai anh vội khiêng bà vào nhà. Anh Hai tôi gắt anh Cả là đã dặn anh rồi mà anh chẳng nghe. Mọi người xúm lại kẻ giập tóc người hú hồn. Anh hai lấy khăn mặt ướt



đắp lên trán. Một lúc sau bà mới tỉnh dậy lại vật mình lăn khóc, ôi tiếng khóc của bà sao ai oán thế, đã cách mấy chục năm nay rồi mà tôi hồi tưởng dư âm như vẫn còn ở đâu đây.

Tôi chỉ biết ngồi ôm bà tôi. Mọi người tới hỏi thăm hỏi cả ăn uống. Tôi thấy thương bà, còn đối với thầy tôi, tôi chỉ có cảm giác lơ mờ như ông đi vắng vậy thôi. Đến tối tất cả ngồi xung quanh bà để an ủi tự nhiên bà hét lên, vùng đứng dậy hai tay múa may bảo đưa hương (nhang) đây. Mẹ tôi vội vàng thắp một bó hương đem đến. Mẹ bảo bà lên đồng đấy. Mọi người đều kêu van. Bà lại bảo lấy mười hai bát nước đem lên. Mẹ tôi đem mâm nước đến, bà đội lên đầu, hai tay cầm hương vẫn múa may. Mẹ tôi chỉ sợ đồ vỡ mười hai cái bát cứ theo giữ nhưng bà tôi không cho. Mẹ tôi vừa đi theo vừa khẩn khiến chúng tôi phải bật cười. Bà tôi nói "Mẫu Thoải phủ" hiện về truyền cho đệ tử biết là không chết. Mấy bà bảo thánh về "thoải phủ" hèn chi đội được mười hai bát nước. Tôi chẳng biết có thật hay không nhưng nhờ có lời phán như vậy nên bà nội tin tưởng ngủ yên được đêm đó.

Sáng hôm sau bà bảo cậu tôi đánh giày thép sang hỏi lại cho rõ thật hư rồi mới cho phát tang. Mọi



người lo may áo quần, giầy mũ, tôi thấy bà dặn phải làm cho con gái một cái mũ (mũ mấn) và sáu cái gậy cho con trai. Tôi vội kêu con không đội mũ đâu vì tưởng mũ như mũ con trai. Các bà hàng xóm mắng tôi là đồ bất hiếu, bố chết không đội mũ thì đội gì... Tôi chỉ âm thầm đứng khóc, thấy vậy chắc mấy bà cho là tôi có hiếu lắm.

Lễ phát tang xong xuôi, các anh lại phân tán, kẻ đi Hà Nội, người xuống Hải Dương học. Hôm đi các anh mặc áo trái sống, sỏ gấu, đầu chít khăn tang vải sô trông vừa buồn cười vừa thiểu não làm sao ấy.

Ở nhà còn có bốn bà cháu. Bà tôi khóc suốt ngày từ sáng tới chiều, cho đến khuya. Lúc bà tôi cất tiếng khóc thì xa gần mọi người kéo tới khuyên giải, ngồi đầy năm gian nhà. Đến khi mệt quá bà thiếp ngủ đi mọi người mới ra về.

Mãi một tháng sau mẹ tôi mới về. Mẹ tôi dờn bàn thờ thầy tôi vào trong buồng, nói nhà còn mẹ già không nên thờ thế. Em Bầy lúc đó mới có ba tuổi mà bà tôi cũng bắt đội khăn sô, tôi thì đầu chẳng có tóc cũng phải chít khăn như người lớn, quần may bằng vải chàm trông y mán vậy. Mẹ tôi bắt bỏ hết bảo chúng nó còn bé bắt để tang chị trông sâu thẳm. Bà nội mà khóc thì mẹ tôi nói người chết đã yên phận

rồi, bây giờ bà phải thương các cháu lo sao cho khỏi chết đói, để yên con còn phải lo buồn bán chứ cứ ngồi khóc hoài sao, người chết cũng chẳng sống lại được mà người sống thì chết đói. Từ đó bà tôi thôi không khóc và chỉ khóc khi nào mẹ tôi đi vắng thôi. Tôi nhớ thầy tôi mất ngày 23/10 năm Mậu Ngọ tức ngày 19/10/1918 mới có 37 tuổi. Năm đó tôi lên 10 tuổi.

Những đêm khuya mẹ tôi không ngủ được ngồi một mình ngoài sân, đó là lúc bà nghĩ đến thầy tôi hay là lo lắng cho chúng tôi. Ban ngày bà vẫn vui tươi như không có chuyện gì xảy ra cả. Bà vẫn đi cấy gặt các nơi tỉnh xa. Bà nội buồn hay đi chơi nhà những bạn đồng liêu với ông nội khi xưa, năm mười hôm mới về. Lúc về bà có nhiều tiền, chúng tôi tha hồ ăn quà. Bà rất thương chúng tôi, lại thương cả trẻ con hàng xóm nữa. Có gì ăn cũng gọi đến cho.

Xóm chợ gần nhà tôi toàn là người làm ruộng quê ở Hà Nam, Phủ Lý vì bị lụt lội không đủ sống nên đưa nhau đến đây. Đa số gia đình làm nghề đi kéo xe hoặc làm mướn như nhà bác Đới, đánh cá vớt tép như nhà bác Lê và còn nổi tiếng nghèo vì quá đông con. Vợ chồng ông Chiêu đã nhiều tuổi, ở nhà đan lờ để đem cá. Những ngày sang thu gió heo may thổi về, ông già đem những nan tre chẻ nhỏ ra,



vót mỏng như sợi lát đan lờ xếp cao từng gian nhà để hết mùa lúa đem bán.

Những năm mất mùa đói kém, xe kéo chẳng ai đi những gia đình này bữa cơm bữa cháo. Nhà tôi chưa phải ăn thiếu nhưng cũng chả giàu gì hơn họ. Bà tôi dù trong nhà còn ít gạo mà thấy chị Lê đem giá sang thừa cù bố cháu mấy hôm nay ốm không đi làm được, các cháu đói từ sáng tới giờ chưa có gạo thổi cơm, là bà tôi còn bao nhiêu gạo đem cho hết rồi bảo tôi ra kêu chị Phó Nửa đem vào một gánh gạo. Chị Phó này nhà làm hàng sáo vẫn thường bán gạo thiếu cho bà tôi. Lúc có tiền bà trả tới mấy chục đồng.

Anh cả anh Hai trọ học ở Làng Thụy Khuê được ít lâu thì xin được vào nội trú trong trường rẻ hơn ở ngoài. Hàng tháng bà tôi sai anh Tráng đem tiền lên đóng học phí cho các anh. Một lần anh đi đến chiều hôm sau cũng không thấy về. Bà tôi lo lắng vì nghĩ nếu nhớ tàu buổi chiều thì anh Tráng phải về tàu đêm chứ quen ai đâu mà ngủ nhờ. Gần hết tàu hôm đó cũng không thấy anh về bà tôi càng sợ anh bị kẻ cắp lấy hết tiền thì thật khổ. Ba giờ sáng mới thấy anh về, mặt cả khăn lẫn áo. Bà tôi la mắng hay sao mà giờ này mới về. Anh nói thưa bà không, con đưa tiền cho hai cậu xong thấy các cậu phản nản không có tiền ăn



sáng nên con ra hiệu Vạn Bảo con cầm khăn và áo được ba đồng con đưa hết cho các cậu, còn năm xu con mua cây mía vừa đi vừa ăn cho đỡ khát nước. Con cứ theo đường xe hỏa đi bộ về nên bây giờ mới tới nhà. Từ Hà Nội về tới ga Cẩm Giàng những bốn mươi cây số. Bà tôi bảo thật khổ rồi bà khóc, anh cũng khóc theo. Từ ngày thầy tôi mất đi, anh không vui vẻ như xưa ít cười ít nói, may sắm được cái gì cũng đem bán đi hết lấy tiền mua quà cho chị em chúng tôi, còn dặn dẫu đừng cho bà biết bà mắng chết. Chúng tôi còn bé đâu đã hiểu gì, thấy được ăn là thích rồi, dĩ nhiên là phải giấu kín.

Những năm túng thiếu, tết nhiều người đến đòi nợ mẹ tôi phải ngồi trốn trong buồng dặn anh Tráng ra khất nói mẹ tôi đi vắng. Ai thấy anh với hai con mắt xếch lúc đó lại xếch thêm rất dữ nên đứng lâu một lúc họ bỏ về không dám nói gì. Anh quay vào nói với mẹ tôi thôi từ nay có thì ăn không thì nhịn chứ đừng vay mượn chi của họ, họ nói nghe khổ lắm.

Mẹ tôi cũng biết vậy, nhịn ăn thì cũng một ngày hai bữa thôi, nhưng còn tiền học của các anh tôi thì đâu có thể bỏ dở dang được, phải cố học thì đỗ ra đi làm mới có tiền trả nợ chứ. Những người có



tiền họ lại không nghĩ thế, cứ nặng nề đòi về, cất đi một chỗ đã không tiêu đến lại còn lo kẻ cướp kẻ trộm nữa, tháng củ mật mà.

Cô tôi cũng vậy, bạc đồng đem chôn xuống đất, bạc giấy giấu vào ống tre gác trên sà bếp. Sau phải nhờ cậu em mua cho một khẩu súng, nói là đề đi bắn chim chơi nhưng thực ra cốt đề giữ của. Hôm nào cậu tôi đi vắng không về được, thầy cô tôi lo lắng đến mất ngủ.

Từ ngày thầy tôi mất đi, cô tôi cũng nhạt dần với chúng tôi, vì mẹ tôi còn nợ cô mấy chục bạc. Cô cứ đòi hoài kêu là ăn tiêu hoang phí không chịu bớt ăn đi mà trả nợ. Mới đầu mẹ tôi còn khất tử tế sau tức mình bà cũng nói lại em giấu có lại không con cái, còn chị thì góa chồng một đàn con dại mẹ chồng già yếu, người ngoài còn giúp đỡ tử tế không một câu nặng nhẹ mà em lại diếc là hoang không biết căn cơ hà tiện. Mẹ tôi còn nói nếu mẹ tôi không vì bầy con chỉ có một mình làm giàu có thể gấp trăm lần cô, tiền cho vay mẹ để thành con thành cháu chất chũm mấy lúc ruộng cò bay thẳng cánh, nhà cao cửa rộng chứ kém gì ai. Cô tôi cũng cong cổn lên mà nói ai bảo đề nhiều thì ráng chịu chứ sao. Thực ra cô tôi có muốn đề cũng chẳng được đứa nào. Sự uất ức ganh



tị đã từ lâu nên mới thốt ra những lời như vậy. Từ đó hai chị em bất hòa không hay sang lại, dù ở chung sào. Tuy vậy từ ngày đó cô không nhắc đến món nợ cũ nữa. Hai chị em chỉ gặp mặt ngày có giỗ bên ngoại thôi.

Tết năm nay nhà không gói bánh chưng. Bà ngoại thấy tôi hỏi nhà cháu đã gói bánh chưa, tôi đáp thừa bà năm nay nợ cháu không có tiền nên không gói ạ. Mợ trưởng tức là em dâu của mẹ tôi đang ngồi gói bánh ngẩng đầu lên bảo về nói với mẹ đem trả cho mợ ba mươi đồng đi.

Tôi về nói lại với mẹ tôi. Bà nội tôi sang khất hộ song mợ tôi không chịu, sang tận nơi đòi, hai chị em lại cãi nhau.

Nhà tôi tiền không có, ngày hai mươi tám tết rồi, bánh cũng không. Bên ngoại thì mề heo gói bánh om xòm. Gia đình tôi chỉ thấy người đòi nợ thôi.

Lúc hai bà cãi nhau, chị em tôi nấp vào một chỗ ngồi xem như đi xem hát vậy. Hình như bà nào nói bà ấy nghe, hai bà cùng nói một lượt, thích gì thì nói cho hả thôi, chẳng ai nghe ai cả.

Mẹ tôi bảo ăn Tết xong sẽ bán cái nhà này lấy tiền trả nợ cho mợ. Mợ tôi nhất định đòi ngay bây giờ. Hai bà cứ găng như vậy tôi biết khó có thể



chăm dứt được.

Đúng lúc đó có bà Phán Thọ, bạn mẹ tôi từ hồi nhỏ về chơi, thấy cảnh hai chị em cãi nhau vì tiền, bà vừa khóc vừa nói thôi chị ơi ngoài em có tiền để em đưa chị trả cho mẹ ấy cho rồi. Tệ quá thực em không thể ngờ. Hai bà kể lể với nhau một hồi, lúc về bà kêu tôi đi theo lấy tiền đem về cho mẹ tôi trả ngay.

Bắt đầu từ đó tình thân giữa hai gia đình cũng chấm dứt luôn. Mẹ tôi cũng khá giả, đòi tiền đâu phải vì thiếu thốn gì mà chỉ vì lòng ganh ghét. Các con của mẹ cũng cho ăn học cùng với các anh tôi mà thi hoài không đậu. Năm đó anh Tam anh Tư tôi thi bằng tiểu học đều đỗ cả, anh nhất, em nhì. Tất cả mọi người quen đều đến mừng khiến mẹ tôi ghét là phải.

Tháng tư năm sau (1919), anh Tráng bị đau sơ sơ có mấy ngày, anh xin phép về quê nghỉ chữa bệnh. Được mấy hôm mẹ anh xuống khóc lóc báo tin anh chết rồi. Bệnh cũng không trở nặng, trước khi chết anh chẳng nói gì, chỉ cười. Mẹ anh nói là nhà có trùng bố anh chết được một năm thì đưa em trai anh cũng theo ông mà chết, nay lại đến lượt anh.

Cả nhà tôi ai cũng miễn anh coi như người trong



gia đình. Mẹ tôi đi cần gạo đâu cũng mang anh đi theo, giao phó cả tiền bạc. Nay anh chết, mẹ tôi lại vất vả thêm. Từ đó năm nào đến ngày giỗ mẹ tôi cũng mua lòng lợn tiết canh cúng vì khi sống anh rất ưa hai món đó.

Trong nhà lại thiếu người, tôi phải nghỉ học giúp bà nội. Năm đó tôi mới mười một tuổi, học lớp nhì trường Huyện. Lúc nhỏ được nghỉ học cho là sướng lắm sau này tôi mới tiếc. Nhất là lúc các anh nói tiếng Pháp với nhau, tai mình như điếc vậy.

Ngày 31 tháng 8 năm 1917 tức là ngày mồng bốn tháng bảy năm Đinh Tỵ là năm ba tôi sang Lào, bà nội cũng nhờ vào môn bài thuốc phiện ty vì thuốc lậu khan hiếm nên có lời nhiều, đủ nuôi các anh ăn học. Thấy tôi làm việc được có tám tháng thì mất, sau khi chôn cất xong mẹ tôi một mình trở về Việt Nam, bà tôi định nhờ cậu tôi sang đón nhưng mẹ tôi thấy đường đi gian lao vất vả nhớ cậu tôi ngã bệnh lại thêm phiền ra. Hơn nữa tiền bạc lại không có. Vì vậy mẹ tôi âm thầm về một mình một ngựa. Nói là một mình thì không đúng vì dù sao cũng là vợ công chức nên ông Công Sứ Sầm Nứa cho giấy đi đến đâu đã có Châu lang ra đón, có hai người phu giắt ngựa. Cứ đến một châu lại đổi ngựa và hai người phu. Đường



đi gian nan nguy hiểm trèo đèo lội suối. Mẹ tôi nói ngựa nó quen đi đường rừng rồi, nên nó đi khéo lắm. Ăn uống thì đã có quan châu thiết đãi. Đi hết mười ngày ngựa tới chợ Bờ, đi hai ngày lâu thủy nữa mới về tới Hà Nội.

Về tới nhà mẹ tôi vẫn giữ môn bài thuốc nhưng số thuốc ít không đủ bán nên bà kêu lậu thêm thuốc nhựa có người đưa hàng từ Lào Cay, Yên Bái về do mấy người lái xe lửa dấu vào toa than đem về. Hôm nào có hàng là báo tin trước, mẹ tôi sai tôi và em Sáu đi thợ thuyền ra khỏi ga, đợi khi nào người lái tàu vứt xuống một cái gói như người ta ném rác vậy, thì ra nhặt. Nhưng chúng tôi cũng không dám ra ngay, chờ tàu đi thật xa mới lượm đem về. Cảnh đồng vắng về chả có ai, mà dù có người biết cũng chẳng ai nỡ tố cáo, vì ai cũng mến gia đình tôi.

Mẹ tôi học được cách nấu. Nấu thuốc rất công phu, mất nhiều thì giờ và phải nấu về đêm. Tôi phụ với mẹ tôi, các anh thì canh gác mấy ngã đường, có gì thì thời coi báo động. Để phòng thế vậy thôi chứ họ cũng chả dại gì đi đêm vì tiếng xe hơi dễ nhận biết lắm.

Cẩn thận như vậy mà mẹ tôi cũng bị bắt một lần. Tôi còn nhớ vào dịp hè, các anh ở nhà đông đủ cả. Hôm đó đến lượt em Sáu tôi coi tàu, về nói là



không có tây đoan. Nhà yên chỉ chưa kịp đem gỏi thúng hàng đi, hàng mới nấu xong có đến mười chai lít. Mẹ tôi mới đem ra một ít bán cho khách thì tây đoan ập tới. Em Sáu tôi đang đi chơi lang thang ở chợ, thấy họ vội chạy về báo. Em chạy trước họ chạy theo sau. Đến gần nhà sợ không kịp nên hét to lên "tây đoan"! Trong nhà anh Hai tôi đang ngồi học vội vã bưng thúng thuốc chạy băng qua vườn cải bà ngoại để chạy ra cửa trước. Vừa lúc đó tây đoan chạy tới thấy có người chạy trốn định đuổi theo. May có anh Cả tôi đang ngồi câu cá chạy ra nói tiếng Pháp chặn lại cự nự là sao chưa xin phép mà dám xông xộc vào nhà. Đến lúc nó nói xong, anh Hai tôi đã băng qua đường cắt hàng dưới ao rồi.

Tây đoan chỉ bắt được có một số ít thôi nhưng cũng phạt tiền và thu lại mọn bài không cho bán nữa. Tuy vậy mẹ tôi vẫn buôn nhưng không dám để ở nhà, đem gỏi bên chị Đối, chị ta làm thợ may, chồng kéo xe nên không ai ngờ. Khi nào có người mua chị Đối giao cho em Sáu một ít, bán xong còn thừa lại đưa cho chú ấy bỏ túi đi chơi bên hàng xóm.

Lần sau, chắc có người báo nên tây đoan đi tới bốn người, hai lính Pháp, hai lính Việt, chia ra chặn cổng trước cổng sau ập vào. Lúc đó mẹ tôi lo



không biết em Sáu để thuốc ở đâu, hay trước khi đi lấy tiền mua sách lại để ở nhà thì nguy.

Họ lục soát khắp cả nhà không thấy gì cả. Sau họ phải làm giấy cam đoan và xin lỗi với anh Cả tôi vì ở nhà quê thời bấy giờ mà có người giỏi tiếng Pháp thật hiếm lắm.

Sau vụ này mẹ tôi cũng chấm dứt luôn nghề buôn lậu thuốc phiện. Anh Cả anh Hai đỗ xong trường Bưởi thi vào Cao Đẳng nhưng vì kém tuổi nên không được học. Sở dĩ kém tuổi là vì năm thứ hai trường Bưởi, bà tôi thấy các anh gầy yếu mới mua cao ban long cho ăn. Ăn xong bỏ quá các anh bị phá lở mụn đầy người. Trường cho nghỉ về nhà chữa hện khi nào khỏi hẳn lên học lại. Bất đồ về chữa đến hai tháng mới khỏi, lên trường họ xóa tên không cho học nữa. Nói thế nào cũng không được. Các anh tức lắm về bàn với mẹ tôi gợi mua bên Pháp đủ các thứ sách đem về học gấp. Năm sau đôi tuổi đi thi đậu thành ra đỗ được hai năm, đỡ tốn bao nhiêu công lao và tiền bạc. Anh Cả anh Hai bắt đầu đi dạy học, đến lượt anh Tam và anh Tư lại lên trường Bưởi học.

Nghỉ hè nhà lại vui nhộn nhưng tôi vất vả vì mẹ tôi vẫn đi cân gạo khắp nơi và bà nội tôi hay đến chơi các nhà quen cũ hoặc bạn đồng liêu với ông nội ngày

xưa, hoặc những gia đình bà làm mối nên vợ nên chồng làm ăn khá giả. Ở nhà chỉ có tôi và con bé giúp việc, nó nhỏ quá chỉ biết xách nước ăn thôi. Quần áo nhiều hôm tôi giặt không nổi chỉ có anh Tam là hay giặt hộ, anh Cả chỉ đọc sách, anh Hai cứ trầm tư mặc tưởng, anh Tư thì yếu đuối chả giúp được việc gì.

Anh Tam hay làm, vui tính nhất nhà lại khéo tay, nặn tượng bằng đất rất đẹp trông cứ như là tượng đá vậy. Anh còn giúp tôi giặt vòng (mè) rồi lấy cơm nóng đổ vào cối trộn lên ăn, kêu là ăn cơm trong cối ngon hơn xúc ra ngoài. Chúng tôi vẫn gọi đùa anh là Tam cối.

Mỗi anh có một biệt hiệu riêng. Anh Cả gọi là anh mặt dài nên có câu thơ "mặt dài như thề sáu canh cũng vừa". Anh Tư ngủ hay nghiêng răng, mọi người chế là "có anh sâu róm kêu kèn kẹt, có phải Tư chẳng nói thật dư" vì anh ấy gầy gò ốm yếu luôn.

Mãn tang thầy tôi được một năm, bà nội và mẹ tôi lo việc đem hài cốt về. Anh Hai lo đi xin giấy tờ qua Lào. Mẹ tôi lo vay tiền mua hàng đem sang bán vì đi phải đem theo bốn người để luân phiên khiêng hài cốt rất tốn kém, vừa đi vừa về cũng



một tháng. Ở nhà bà nội nghĩ phải tìm ngôi đất nào đặt mả cho phát phú ngay chứ nghèo quá đi thôi.

Thầy địa lý ngày nào cũng vác địa bàn học trong khăn đồ đi hết cánh đồng này đến cánh đồng khác, mãi đến một tháng mới tìm được một ngôi đất mà theo thầy địa lý là sẽ đẻ mộ vào giữa miệng con rồng kia đấy. Theo con mắt của tôi thì chỉ thấy đẹp ở ba cái ao lớn, mỗi ao lại có cồn cây cối um tùm, có nhiều hoa tầm xuân mà tôi vẫn thích xưa nay. Còn hình con rồng thì tôi chẳng thấy giống con rồng ở diêm nào cả.

Thế là xong việc tìm đất, cả thầy địa lý lẫn bà nội đều mừng rỡ như đào được vàng vậy. Bà vội vã làm cơm rượu thiết thầy và đợi ngày mẹ tôi đưa hài cốt thầy tôi về.

Ngôi đất tìm được lại nằm trong làng ông Lê Cán xưa làm lính lệ cho ông nội tôi nên dân làng mừng rỡ nhất định sẽ đem mình tình nhà táng đi rước cho long trọng.

Đào huyệt, làm nhà rạp rước hài cốt về để đó rồi còn phải chọn ngày giờ mới được. Ông thầy địa lý cho mời mẹ tôi tới bàn cãi bà muốn phát phú thì con cháu học dốt, hay quý và thọ thì nghèo, bà tính sao. Mẹ tôi nói ngay quý và thọ thôi chứ phú trục

mà làm gì. Nếu theo đúng như lời thầy địa lý để mả thì cũng đúng phần nào vì hiện nay họ NGUYỄN TƯỜNG nhà tôi có ai giàu đâu, mà quý thì đúng câu có tiếng mà không có miếng ăn. Nếu bà nội tôi còn sống đến bây giờ chắc bà buồn lắm lắm.

Sau khi lo xong cho thầy tôi được mồ yên mả đẹp, gia đình lại lâm vào cảnh túng thiếu nợ nần. Anh Cả anh Hai lo dạy học, anh Tam anh Tư vào trường Bưởi. Nhà lại vắng vẻ, tôi nghỉ học ở nhà, em Sáu học trường làng cũng khá xa, đi qua phố Huyện qua cầu Xăng mới đến trường học.

Một hôm tôi thấy em ngủ trưa dậy mặc áo đi tới trường là đi chơi đâu nên cũng không hỏi. Lúc em về trời đã gần tối, tôi hỏi em đi đâu về vậy. Em đáp em ngủ trưa dậy tưởng là buổi sáng đi lên trường học. Đến lớp ngồi đợi mãi chả thấy ai đến cả, trời càng ngày càng tối em mới biết là em lầm. Cả nhà nghe xong ai cũng lăn ra cười. Em Sáu trông giống lai nhất nhà, hai mắt nâu, cái miệng có duyên, răng trắng đều. Lúc nhỏ ai cũng bảo cậu này lai quá. Mẹ tôi cười bảo tại cậu ấy lúc bé bú toàn sữa bò nên vậy đó. Tôi cứ tưởng thật vì có thấy đứa bé nào bú sữa bò đâu.

Nhà có nuôi mấy con thỏ. Suốt ngày em tôi cứ



ra ngồi coi thử nó ăn, kêu chị ơi ra mà xem con thử nó ăn này, nó nhai trông ngon quá.

Một hôm có ông bạn của thầy tôi về thăm ấp ở gần đó vì nhớ chuyến xe lửa chiều nên ghé qua nhà tôi ngủ nhờ. Bà nội, mẹ tôi đều đi vắng cả. Thấy ông khách ngồi buồn, em sáu tôi đưa ông ra ngồi xem thử ăn. Nhìn cái miệng thử ăn và miệng em tôi cũng đều như nhau, ông khách cứ xoa đầu em cười luôn miệng.

Tôi mãi lo đuổi gà để làm cơm thết khách, nhờ cả hàng xóm đuổi hộ nhưng tiếc là vườn rộng, rào thưa khó đuổi gà nên bữa đó ông khách phải nhịn đói, cứ ngồi nghe truyện em tôi cũng đủ no rồi.

Trong bảy anh em chúng tôi có em Sáu hay nói nhất nhà, hay làm thì có anh Tam, anh Cả anh Hai đứng đắn cả ngày chỉ ngồi đọc sách, thỉnh thoảng lại trao đổi vài câu tiếng Pháp mà tôi mù tịt chẳng hiểu gì cả.

Khi nào bà và mẹ tôi đi vắng, các anh mới dẹp hết bàn ghế ra hai bên nhà dàn trận. Lấy ống xì đồng hoặc ống đu đủ bắn phá nhau chơi. Chiều đến kéo tất cả ra cánh đồng sau nhà đá banh. Tụi tôi còn bé không được dự, đi bắt cua cá chơi.

Hết hè người đi dạy, người đi học. Nhà chỉ

còn lại ba chị em, suốt năm gian nhà vắng lặng. Chỉ có năm ngày hai phiên chợ là vui. Nhà tôi có ba gian sau có hàng hiên ngay chợ, mẹ tôi tính dọn hàng bán nhưng thấy cũng không lời nhiều bằng đi cân gạo nên để cho mấy bà bán hàng ngồi bán. Chị em tôi cũng lấy được mười hoặc hai mươi xu mỗi phiên chợ để ăn quà.

Em Sáu tôi thích nhất món cháo dương (cháo làng Dương) nấu bằng bột gạo xay nhỏ với thịt nạc ăn kèm với bánh dày làm bằng bột gạo nếp trắng như bông buri. Hai vợ chồng người bán hàng cũng trắng không kém. Tôi vừa ăn bánh vừa ngắm bà bán hàng nghĩ sao lại có người nhà quê đẹp đến thế.

Trời đông gió rét, chợ quê gần cánh đồng gió lùa bốn phía, mấy bà đi chợ áo toí áo lá ngồi co ro trên bục đất ăn bát cháo nóng khói lên nghi ngút thật ấm cả cõi lòng. Hôm nào bà hàng cháo ấy nghỉ hai chị em lần ra nhìn cái quán vắng lặng, mấy bục đất khô, lòng không khỏi man mác buồn.

Chúng tôi cũng thường ra quán bà cụ Hai làm hàng mã nhặt những tờ giấy xanh đỏ về chơi, thỉnh thoảng bà cụ lại cho vài xu. Bà là người mẹ tôi nợ tiền vậy mà hôm nào vào đòi tiền cũng cho một xâu thịt hoặc vài cây mía, mấy cái bánh đa. Ngồi chơi với



mẹ tôi lúc lâu, biết mẹ tôi chưa trả được nợ lại vui vẻ ra về. Lâu lâu lại thấy bà cụ tới, lần nào cũng quà cáp ê hề mà chẳng thấy mẹ tôi đưa tiền cho bà cụ bao giờ.

Hai người thân mật nói chuyện, bà cụ hỏi thăm truyện học hành của các anh. Không hề thấy bà to tiếng hay kêu ca phàn nàn gì, vì vậy mẹ tôi cũng quý bà cụ lắm.

Lâu lâu đi Hà nội về bà lại sai tôi đem biếu hoặc ít cốm vòng đầu mùa, hay gói trà đầu xuân. Bà cụ buôn bán cũng khá nên đến chơi hơn là đến đòi tiền.

Những ngày gần Tết, mẹ tôi bắt anh Tam soạn biên lai xem còn nợ những ai. Có năm trả cho người cũ được một ít lại nợ thêm người mới thành ra năm nào món nợ bốn ngàn đồng vẫn cứ nằm nguyên đó. Ngày đó bốn ngàn đồng là nhiều lắm, vàng lúc đó có ba mươi đồng một lạng thôi.

Những ngày Tết xưa nghèo mà sao tôi vẫn thích thế. Từ hai mươi sáu tháng chạp, mẹ tôi đã cho quét vôi nhà cửa, lau dọn bàn thờ. Gọi là bàn thờ cho có vẻ, thực ra đó chỉ là cái tủ chè gỗ sơn đen mà hồi còn sống thầy tôi quý lắm, coi như đồ gia bảo.

Tủ kê ở ngay gian giữa nhà, trước mặt đề một cái bàn bốn cái ghế. Hai gian bên cạnh kê hai bộ ghế

ngựa trải chiếu mới, hai bên tường treo hai bức tranh tứ bình vẽ lan cúc trúc mai bằng gỗ của Nhật, trông mong manh thật hợp với cảnh nhà tre vách đất.

Một chái đầu nhà làm phòng ngủ bà tôi và mẹ tôi. Còn một chái ngoài mẹ tôi mở cửa sổ hết, chấn song cửa làm bằng cây trúc thẳng, thoáng mà đẹp. Cửa sổ nhìn ra cả một cánh đồng lúa xanh rờn. Dù đất hẹp các anh tôi cũng khéo tay tạo được khu vườn nhỏ trồng đủ các thứ hoa.

Trước mặt nhà là vườn rau bà ngoại, đủ các thứ rau. Tôi thích nhất là những luống cải hoa vàng rực rỡ mà bà tôi dành lại để lấy hạt giống. Đã năm sáu mươi năm qua, bao mùa xuân thay đổi rồi mà cứ mỗi lần trông thấy luống cải hoa vàng tôi lại nhớ đến quê nhà hồi còn nhỏ, nhớ bà ngoại cần cù thức khuya dậy sớm trồng đủ các thứ rau đậu, cho tôi thêm tình đầm thắm với ruộng đất.

Bà nội còn để lại cho tôi tất cả thú vị về các món ăn ngon ở đời và tình thương con cháu, thương tất cả trẻ con hàng xóm vô vàn. Đêm nay cầm bút biên lại lòng tôi vẫn còn tưởng như hiện ra trước mắt. Nhất là có mình tôi là gái lại không được học hành đến nơi đến chốn. Mẹ tôi bảo hồi tôi mới lên hai tuổi bị ốm thầy tôi ẵm tôi suốt đêm cứ lo tôi



chết. Bà nội, thầy tôi đều thương tôi cả.

Phiên chợ hai mươi chín Tết là phiên chợ cuối cùng trong năm nên đông đảo. Dân từ các làng xa xôi đổ về, họ đi từ gà gáy cho kịp chợ. Ngoài thức ăn còn bán tranh tết, pháo, mứt, hoa giấy. Hai chị em tôi thế nào cũng xin cho bằng được vài hào ra mua mấy bức tranh đám cưới chuột, thầy đồ ngồi dạy học, ông trạng vinh quy bái tổ, cả tranh con gà, cá chép, đem về dán la liệt trên vách tường.

Mẹ tôi mua hai bức vẽ ông tiến tài, tiến lộc dán hai bên cánh cổng. Các anh lấy vôi ra vẽ cung tên trước cửa để đuổi ma quỷ.

Tôi nghĩ chả cần phải đuổi, ma quỷ nó thấy cũng chạy mất vì có năm gian nhà nhỏ chỗ nào cũng người là người. Mấy năm gần đây anh nào cũng thân dài vai rộng. Quần áo mẹ tôi may cho anh Cả tôi năm trước, năm sau phải để cho anh Tam, anh Tư mặc cũng vẫn còn ngắn.

Đêm giao thừa, cả nhà đều thức. Ngoài trời tối đen như mực, lại thêm lất phất mưa xuân. Mấy anh em ngồi trong chăn đánh tam cúc hay đánh bát đũa đợi giao thừa. Bàn thờ đèn nến sáng trưng hương đèn nghi ngút. Xa xa có tiếng trống cầm canh.

Đúng mười hai giờ mẹ tôi sắp một mâm lễ

cúng giữa sân gọi là để đón ông thần giữ việc năm mới, xong đốt pháo. Tiếng pháo tiếng chuông chùa tiếng trống nổi lên báo hiệu xuân về, một năm mới thịnh vượng hơn năm cũ. Tiếng pháo năm nào đốt nhiều chứng tỏ năm đó được mùa.

Sáng mùng một, bà nội, mẹ tôi dậy sớm đem nước pha trà, soạn đèn nhang, bánh mứt cúng rồi đánh thức chúng tôi dậy. Khăn áo chỉnh tề chúng tôi lên mừng tuổi bà nội, mẹ tôi rồi sang lễ nhà thờ bên ngoại. Tôi còn thích Tết vì Tết cái gì cũng mới, nhà cửa sạch sẽ nhất là nét mặt ai cũng vui tươi hơn hờ, không có cái cảnh nhăn nhó khó khăn khổ sở. Tôi ước gì cả năm ai cũng như ngày Tết thì sung sướng biết bao.

Ngày vui chóng qua. Các anh tôi lại vác va li ra đi. Hai chị em buồn lại lang thang nơi xóm chợ, nhà chị Lê nhà chị Đồi. Năm nào họ cũng cử người về quê tận Hà Nam Phủ Lý để dâng lễ cúng thần. Lúc vào bao giờ cũng có bánh dầy oản nếp, chè kho và hai chị em tôi thế nào cũng có phần. Một miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp.

Ngồi nghe họ trò chuyện đối đáp nhau tôi tưởng như sống lùi lại đến mấy chục năm về trước.

Hai chị em nhút nhát chỉ quanh quẩn nơi xóm



chợ không dám đi xa, cùng lắm là xuống thăm mộ thầy tôi rồi vào chơi nhà ông lệ Cán. Nhà ông ta có núi non bộ, bể cá vàng, ông Lã vọng ngồi câu cá bên bụi trúc lâu, có mấy chậu hoa trà. Nhà tường gạch cột gỗ tròn, xà nhà chạm trổ rất đẹp. Lại có mấy cây bưởi quả thật ngon, hai chị em tha hồ ăn, lúc đi lại xâu cho dăm quả xách về.

Đường làng hai bên toàn hoa tầm xuân, đường đi cát trắng mịn thật là mát chân.

Thỉnh thoảng chúng tôi lại sang chơi bến ấp Phiên Đình là ấp có ông lý trưởng đã đưa cả triện lý trưởng cho mẹ tôi muốn đóng vào đầu thì đóng. Chắc hẳn ông không thể ngờ được cái triện đó đã giúp cho mấy nhà văn nổi tiếng trong văn học sử sau này.

Nhà ông ở giữa làng có lũy tre cao bao bọc chung quanh. Qua cái cổng tre là bước vào sân đất mát lạnh có cây táo, cây khế ngọt nổi tiếng. Chúng tôi sang thăm bà cụ sinh ra ông lý đã gần tám mươi tuổi, đầu bạc trắng như bông. Chồng cây gậy trúc bước ra, trông cụ có vẻ tiên phong đạo cốt lắm, vậy gọi hai chị em lại gần hỏi thăm bà nội, mẹ tôi, các anh học hành ra sao rồi cho ra vườn tha hồ ăn, lại hái cho một giỏ trái cây đem về.

Lần nào bà cụ sang chợ ghé thăm bà nội, thế



nào cũng có quả. Hai chị em nhớ mãi các cụ, bao nhiêu năm sau này, những đêm ngồi canh bánh chưng hay những ngày họp mặt giỗ tết lại ôn lại bao kỷ niệm thời thơ ấu.

Tôi không ngờ em Sáu có trí nhớ dai thế, như truyện em tôi tả hai chị em thức đợi chuyến tàu đêm qua rồi mới đi ngủ. Năm đó tôi mới có chín tuổi, em tôi lên tám mà mẹ tôi đã giao cho hai chị em tôi coi hàng. Cửa hàng chỉ bán có rượu, ít bánh khảo, thuốc Lào, cốt để đưa khách quen vào trong nhà bà ngoại. Tối đến hai chị em phải ngủ lại để trông hàng. Hai chị em vì ở nhà quê đã lâu nên bạo dạn. Chủ nhà là hai bà cụ đã già tóc bạc phơ hình như hai người là bạn với nhau, đều không có con, tôi cũng không rõ là ở đâu tới. Một bà trẻ, khỏe mạnh hơn dọn hàng cơm cho khách ăn, thỉnh thoảng cũng có người lỡ tàu ngủ trọ lại. Hàng bà cụ rất sạch sẽ, món ăn cũng ngon. Những con cá chép rán vàng, rồi canh cá nấu măng chua, mấy cái chân giò luộc, trông thật thèm.

Khách hàng là mấy ông lý ông chánh ở các làng xa xôi lên huyện có việc. Đứng nhất là những ngày vào vụ thuế. Hồi đó thuế người thuế ruộng phải đem lên nộp cho quan, quan đem xuống tỉnh nộp cho công



sứ. Hàng mẹ tôi dọn được ít lâu khách đã quen vào nhà trong rồi nên khỏi bán hàng ở ngoài nữa (xem truyện "Hai chị em" Thạch Lam đã viết lại đúng như sự thực).

Em Bầy đã sáu, bảy tuổi rồi. Mấy chị em lang thang sang nhà chị Lê. Tôi thích nhất căn nhà bếp trường đắp bằng đất, nền thật nhẵn, sau nhà có ruộng rau muống, có cái ao nhỏ rồi đến cánh đồng lúa xanh. Trời cuối thu gió heo may trải đồng, gió thổi từng cơn lướt trên ruộng lúa, lá lúa nằm dẹp xuống như làn nước óng ánh đến tận chân trời. Mùi lúa thơm trong thoang thoang gió. Trời trong xanh thảnh thơi có đám mây trắng trôi bồng bềnh đến tận đâu đâu vào nơi vô tận.

Chúng tôi cũng không quên sang nhà ông Chiêu xem đàn lờ. Ông người hồng hào râu tóc bạc phơ ngồi dưới gốc cây đa, hai tay đàn thoăn thoắt. Những sợi nan tre dài, mềm, mũi tre còn ướt xông lên ngai ngái. Làn gió ngoài cánh đồng thổi vào, vài cái lá vàng rơi tỏa xung quanh, trông ông như Lã vọng ngồi câu cá tôi thấy vẽ trên mấy bức tranh tàu. Trước mặt là cọn đường đất khô trắng, mấy người đi chợ xa về hai đầu đòn gánh nặng trĩu. Xa xa tiếng gà gáy buổi trưa nghe như ru ngủ. Tôi muốn nằm dưới gốc đa

và ngủ êm một giấc quá.

Từ năm tôi lớn chỉ quanh quẩn ở xóm chợ hoặc ra cánh đồng mà thôi. Lâu lâu bà tôi mới dẫn đi Hải Dương mua thuốc. Bà hay ở nhà bà phán Thiện, ông ta cũng làm ở tòa. Nhà khá giàu, có hai căn nhà, một để ở, một cho thuê.

Hai ông bà chỉ có một đứa con trai kêu là thằng Cam, nó lớn hơn tôi đến mấy tuổi mà học dốt như bò, nên nghĩ hè bà phán nói với bà nội tôi xin gởi nó xuống Cầm Giàng nhờ các anh tôi kèm giúp, làm như các anh tôi có phép lạ có thể làm cho nó thông minh sáng suốt lên được.

Bà ta không hiểu rằng chính vì bà quá nuông chiều nên nó thành hư không chịu học, chỉ giỏi những truyện nhảm nhí trai gái mà thôi. Vì vậy hết hè bà nội tôi đưa nó về không dám để ở lâu, bà nội, mẹ tôi tuy rất thương con thương cháu, nhưng về giáo dục gia đình các bà rất nghiêm.

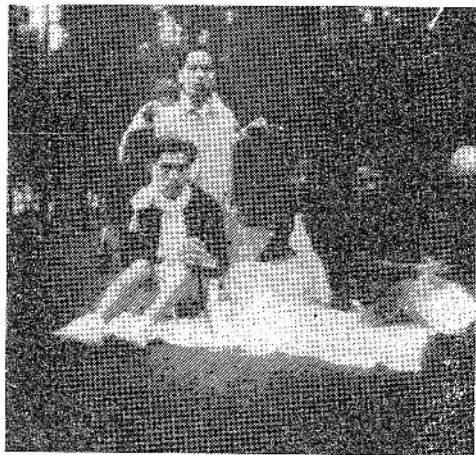
Hai ông bà phán rất lấy làm tiếc nhưng cũng đành chịu vậy. Mấy năm sau lên chơi cứ nhất định xin hỏi tôi cho con trai. Bà nội chỉ thoái thác cháu còn bé, mà bé thật, tôi mới có mười lăm tuổi đã biết gì đâu. Cả ngày chỉ đi xúc cá bắt cua cùng mấy đứa em họ. Tôi đen như con nhà thuyền chài và cao lêu



nghèo. Bà tôi cứ gọi tôi là con sếu vườn. Tôi cũng chẳng biết con sếu vườn hình dáng ra sao, nên chỉ cười. Bà ngoại bảo nó là con gà tồ, thật thà quá.

Vậy mà năm cả nhà tôi dọn xuống Thái Bình, bà phán lại đưa con trai đến hỏi một lần nữa. Sau này bà ngoại tôi kể con trai đã hơn hai mươi tuổi rồi mà về nhà quê vườn cây rộng rãi nó ngốc đến nỗi chạy vào nhà hỏi mẹ ọi đi tiêu ở đâu. Bà ngoại tôi trả lời hộ mẹ tôi dứt khoát và khuyên bà ta hiếm hoi về kiếm nàng dâu khác mà lấy cháu bằng. Nghe bà kể lại ai cũng cười bảo nó mới là thằng ngốc chứ không phải tôi ngốc. Sau nghe tin nó lấy vợ sinh được một đứa con gái thì chết. Ông phán về hưu, cảnh nhà hiu quạnh, sa sút thật không ngờ. Vậy mà hồi đó tôi cho là ông bà ta giàu sang nhất rồi.





Nhất Linh (đứng) và Hoàng Đạo (ngồi)
trong một cuộc đi chơi rừng.



RỜI QUÊ

Chấm dứt cuộc sống ở quê ngoại Cẩm Giàng, nhà tôi dọn xuống Tân Đệ chỗ anh Cả làm việc. Đi tàu hỏa lên Hà Nội rồi đi tàu thủy xuống Tân Đệ.

Lần đầu tiên đi tàu thủy, cái gì cũng khiến tôi bỡ ngỡ, mặt cứ ngẩn ra, và lòng tôi sao hồi hộp quá, mà nào có phải một mình xa nhà đâu. Nhà có mấy người đều đi cả, cũng chẳng có ai tiễn đưa.

Tàu chạy, tiếng sóng vỗ vào mạn tàu chồm chồm, nghiêng bên này ngã bên kia. Mọi người bàn tán sắp qua cửa Thần Phù rồi đây. Bà nội cho biết cửa sông này là ngã ba ba con sông chụm lại nên có sóng thần dữ lắm. Tàu bè nào qua đây cũng làm lễ đốt vàng mới bình yên. Vì thế đã có câu "lênh đênh qua cửa Thần Phù, khéo tu thì nổi vụng tu thì chìm". Bà nội và thầy tôi đã một lần suýt chết nơi đây. Bà



kể năm đó thầy tôi mới mười tuổi, tàu chạy đến đây vì trời tối, hai tàu đụng nhau, tàu chìm ngay. Nhờ thầy tôi bơi giỏi nên hai mẹ con thoát chết. Nghe kể tôi lại càng sợ thêm vì tôi không biết bơi. Hồi bé ở nhà quê cùng các em bên ngoại tắm ao tập bơi, chúng nó đều bơi được cả, riêng tôi cứ chìm không sao nổi lên được, đành chịu.

Gần đến bến, người làm trên tàu đi lại giao lên cho mọi người trở dậy sửa soạn khởi gủi quên. Trời tối đen như mực, xa xa có vài bóng đèn ở những chiếc thuyền con ra đón khách, gọi là bến cho có tên đấy thôi chứ nhà cửa chỉ có lưa thưa ít cái.

Mười giờ đêm tàu cập bến Tân Độ. Tàu đổ sập vào cầu cho hành khách lên xuống. Hai bên có hai giấy nhà đèn sáng trưng. Anh tôi đã cho người nhà ra đón.

Nhà anh là một phòng rộng có ba cửa sổ. Mặt trước là phố Huyện, mặt sau là ao vườn, cũng giống Cẩm Giàng nên tôi đỡ thấy nhớ quê. Đất ở đây là đất bãi phù sa bồi nên đỏ, mịn, cây cối cũng tốt hơn ở Cẩm Giàng. Mấy làng lân cận giếng hoa đề bán, toàn hoa hồng.

Bà tôi an nhàn, đi đánh tổ tôm bên ông trợ tá, mấy ông chánh tổng, bá hộ ở trong làng, cơm nước



đã có anh người làm nên tôi cũng đỡ vất vả.

Em Sáu tôi sang tỉnh Thái Bình trọ nhà một người bạn, anh tôi cũng dạy học. Một tháng sau được nghỉ lễ bà tôi lên đón về chơi. Dở hòm quần áo ra, ôi thôi mùi mốc đưa lên tận mũi. Quần áo cái nào cũng mốc meo chẳng cái nào sạch. Hồi, em tôi nói em không biết giặt mà chẳng có ai giặt cho cả. Em cứ thay hết một lượt quần áo em lại mặc lại. Bà tôi chỉ cười thôi, bà bảo cũng quên không chỉ cho nó cách giặt làm sao nó biết được. Từ bé đến giờ đã phải giặt lần nào đâu, thôi để nó học ở nhà vậy.

Mẹ tôi vẫn đi cân gạo các nơi vì có mình anh Cả đi làm, chỉ đủ cho mấy bà cháu sống với nhau thôi. Anh Hai đã thôi dạy học, xin được vào trường Cao Đẳng Canh Nông vì còn thiếu một tuổi nên các trường khác không nhận. Anh Cả tôi làm đốc học trường có mỗi một ông giáo, ông hơn anh tôi tới mười tuổi và đã có vợ con. Học trò khá đông, có hai lớp mà gần hai trăm học trò. Chúng mến thầy lắm. Nhiều đứa ở tận miền bắc xa xôi nghe nói thầy dạy hay cũng lên trọ để học. Cha mẹ chúng là các ông lão làm ruộng rất hiếu học đem con lên xin học gửi gắm ông thầy. Anh tôi còn ít tuổi chưa đến hai mươi. Tôi thấy mấy ông già đứng khúm núm, anh tôi kéo ghế mời ngồi cũng

không dám ngồi, còn anh học trò đứng ngơ ngác sau lưng. Tình cha con thầy trò thấm thiết làm tôi thấy mang mang.

Những ngày Tết nhất là mồng năm Tết Nguyên Đán, cha mẹ học trò từ các vùng quê đem lên biếu thầy cam bưởi vườn nhà. Anh tôi nhất định không lấy nhưng họ đâu có chịu, lại tưởng làm anh chê món quà đậm bạc chẳng. Sau anh tôi phải giảng giải mãi ông cụ mới hiểu. Anh tôi nói dạy học là bốn phần chúng tôi ăn lương nhà nước, sau là làm thầy ai cũng muốn học trò giỏi và học giỏi đó cũng là cách đền ơn thầy, thăng cháu nhà ông học được nó thông minh dễ bảo, mới lên học mà đã nhất nhì trong lớp, ông cố mà cho nó học, học hết lớp ở đây tôi sẽ gửi sang tỉnh học. Tôi có mấy người bạn dạy trên tỉnh tôi sẽ nhờ trông nom giúp ông.

Nhìn nét mặt ông cụ đã thấy rõ vẻ hân hoan ngày con thi đỗ. Tôi lại nhớ ngày hai anh thi đậu lần đầu, bà nội, mẹ tôi vui mừng, nổi vui lây cả sang hàng xóm láng giềng. Mẹ tôi buôn bán ngày một thêm khó kiếm ăn, nên việc anh đi làm là đỡ được một nửa gánh nặng gia đình cho mẹ tôi.

Tết năm đó nhà tôi ăn cái Tết xa Cẩm Giàng, tạm gọi là đầy đủ không còn cảnh mẹ tôi vào buồng



trốn nợ, cảnh mẹ tôi đòi nợ, hai chị em cãi nhau. Bà nội vừa khóc vừa nói, bà ngoại tôi miễn cưỡng cho mấy cái bánh chưng, chọn cái nào thật méo mó. Tôi đứng đợi, chỉ sợ bà đổi ý lại không cho chẳng nên chẳng dám chê khen gì. Vậy mà lúc đem về, mẹ tôi thấy mấy cái bánh lại bắt đem trả. Tôi lo quá, may bà nội bảo thôi bà cụ đã cho thì để đấy cho trẻ nó ăn, đem trả lại thêm bắt hòa ra.

Tết năm nay bà nội đã nhờ người gói bánh họ. Hai mươi tám tết mẹ tôi đi cân gạo xa về. Hai anh học ở Hà Nội cũng về ăn Tết. Gia đình xum họp thật là vui. Chiều ba mươi mẹ tôi làm cỗ cúng, lại thấy thằng bé học trò anh tôi đem hai cái chân giò đến tết thầy. Anh tôi không lấy bắt nó đem về, nó không biết nói sao đứng khóc hu hu. Tôi nghĩ thầy không lấy thì đem về mà ăn càng mừng chứ sao mà khóc. Sau bà tôi bảo nhận cho nó đi không nó đem về bố mẹ nó lại tưởng thầy ghét bỏ nên không nhận. Người nhà quê họ chất phác đem biếu ai là mong người đó nhận, trả lại họ buồn. Anh tôi phải nhận, lại cho nó ba hào bảo đem về mua pháo tết, tranh tết cho các em.

Sau Tết, mẹ tôi lại đi buôn bán, các anh đi học. Nhà vắng vẻ. Tôi ở nhà một mình không có bạn gái cũng buồn. Tôi nhớ quê ngoại, nhớ mấy đứa em họ

chơi với nhau từ bé, tuy khác nhà nhưng chung vườn chung sân. Nào chơi bán hàng, treo cây ăn trái, buổi trưa rủ nhau đi xúc ốc bắt cá hay thơ thần qua nhà chị Lê, chị Đối hoặc ngồi nghe chị Lựu hát bài anh Trương Chi. Cho tới bây giờ tôi vẫn còn nhớ bài hát đó. Mỗi lần hát lên lại nhớ cả quãng đời thơ ấu, mái nhà tranh, làn gió nhẹ thổi qua ruộng lúa thẳng tắp tận chân trời. Mấy con cò trắng vỗ cánh bay lên, tưởng như tiếng hát chị Lựu còn văng vẳng đâu đây.

Tôi bây giờ đã lớn, lại là em một ông đốc học, xung quanh toàn học trò con trai hơn tôi hàng mười tuổi. Nhà tôi ở phòng đầu, lúc đi xuống bếp phải qua sân, học trò trông thấy đều cúi đầu chào lễ phép. Vì thế bắt buộc tôi phải đi đứng nghiêm trang.

Ngày chủ nhật hoặc buổi chiều tan học, một mình tôi buồn bã, ra đứng ở cầu ao, trời hơi lạnh, mấy con chim vỗ cánh bay về tổ. Dưới ao mặt nước lặn tẩn, mấy bông bèo nhật bản màu tím biếc. Tôi ao ước được trở lại sống ở quê nhà.

Anh tôi có một người bạn dạy học ở tỉnh Thái, không có chủ nhật nào là không sang chơi với anh như hình với bóng. Chiều thứ bảy trước khi đi dạy học đã xin phép bà mẹ, nhà chỉ có hai mẹ con thôi để xong buổi học là thuê xe sang thẳng, sợ trời tối



vì đường từ tỉnh đến bến Tân Độ cũng gần ba mươi cây số. Lần nào đến nơi nhà cũng ăn cơm xong rồi. Người nhà phải đi thối cơm, nhiều khi không có món ăn, anh người làm lấy dưa kiệu chua nấu rồi đập trứng vào. Vậy mà anh ta ăn ngon lành, lần nào cũng bắt làm món đó. Tôi bực mình quá vì có người lạ tới ra vào không được tự nhiên. Tôi cùng mấy em sang ngồi bên lớp học, ở đây cũng chẳng có gì vui. Tối đến hai người lại rù rì nói chuyện có khi sáng thứ hai ông bạn mới về. Mấy người bạn anh tôi đã tặng cho hai người biệt hiệu là đôi nhân tình.

Ở Tân Độ được một năm. Tháng sáu năm sau nước sông lên cao tràn ngập cả huyện, đi lại phải dùng thuyền. May nhà trường nền cao nên không bị ngập nhưng sự đi lại cũng khó khăn. Nước xuống mẹ tôi thuê nhà ở Hà Nội đón gia đình về ở, còn anh tôi ở trọ nhà ông Giáo.

Nhà tôi thuê ở Hàng Bún. Nhà có hai phòng, phòng ngoài vừa làm phòng khách vừa để anh tôi ở, phòng trong hẹp hơn. Năm đó anh Tam làm ở sở Tài Chính bắt đầu viết quyển "Nho phong" (1924).

Vì ít thì giờ để viết nên anh bắt nhà nấu cơm, mang muối vừng vào sở ăn trưa, viết tiếp tối mới về nhà. Anh làm việc mê mải có hôm về ăn cơm mặc

nguyên áo dài, lúc đi làm đàng trí lại mặc thêm một cái áo dài nữa mà không hay, đến sở làm mới biết. Hồi đó anh toàn mặc ta, ghét âu phục lắm. Áo may bằng vải ta dệt, đi giày ta, đội khăn xếp, tôi và mẹ tôi mặc áo the đội khăn nhiễu tam giang. Tôi thật khổ mỗi lần vắt khăn vì nhiễu ta nhuộm bị thôi tím cả mặt. Anh tôi dọa nếu cô Năm đội khăn sa tanh tôi đem đốt. Áo dài không cho cài năm cúc.

Tối đến anh bắt tôi hát thể nào là giọng ru em, giọng hát những người làm cỏ ở ngoài đồng. Anh còn hỏi áo các cô gái nhà quê mặc ra sao, thế nào là áo tứ thân, áo đôi vai, nón nhị thôn hình dáng thế nào. Anh hỏi cả các tục lệ trong làng. Nhiều khi bí quá tôi phải hỏi bà nội và mẹ tôi mới hiểu được.

Mấy tháng sau quyền Nho Phong ra đời, tôi đọc cho mẹ tôi nghe. Bà bảo truyện thật thà ngây thơ. Riêng tôi chẳng hiểu gì vì lúc bé học toàn tiếng Pháp, tiếng Việt mỗi tuần có một bài. Tôi lại ít đọc truyện. Truyện Kiều bà nội cấm không cho cả ngâm nữa. Bà bảo đàn ông chó kè Phan Trần, đàn bà chó kè Thúy Vân, Thúy Kiều. Vì vậy ngay quốc ngữ tôi cũng chưa thông lắm.

Sau đó anh Tam viết tiếp quyền "Người quay tơ", nhất định in bằng giấy bản của mình làm ra. Anh



sưu tầm được nhiều quyển sách chữ Nho rất đẹp. Anh bảo nếu chữ nho in lên giấy bản được thì sao không in chữ quốc ngữ. Anh đem giấy bản lên nhà in in thử thành công, anh mừng rỡ đem về cho cả nhà xem. Thế là quyển "Người quay tơ" ra đời, đến nay tôi chỉ còn nhớ có mấy bức vẽ thôi.





Nhà văn Duy Lam Nguyễn Kim Tuấn, con của
nữ sĩ Nguyễn Thị Thế.



ĐÁM CƯỚI

NHẤT LINH VÀ CÁC ANH

Đã đến lúc cưới vợ cho anh. Mẹ tôi có một bà bạn, ông chồng cũng là bạn học với thầy tôi. Hai ông thân nhau như anh em. Ông ta cũng mất sớm, bà ta cũng như mẹ tôi phải tảo tần buôn bán nuôi mẹ chồng và lũ con. Hai bà thân nhau còn hơn ruột thịt. Tôi thấy đúng quá vì em ruột mẹ tôi đáng lẽ tôi phải gọi bằng dì mà thầy tôi bắt gọi là cô cho gần, vậy mà tôi thấy xa tít cả gần tí nào.

Nhà bác như cái trạm cho gia đình tôi nghỉ chân, các anh trước khi vào trường đến bác ở, ở trường ra chưa kịp về quê cũng đến bác, đi thi lại ở năm mười ngày. Bao giờ bác cũng tươi cười săn sóc các cháu, về lại hỏi có tiền tàu không. Bác có hai người con gái lớn và một cậu con trai nhỏ bà tôi đã đặt tên là Tám vì coi như con trai thứ tám trong gia đình.



Gia đình tôi dọn lên Hà Nội bác mừng lắm, xuống chơi luôn. Lần nào cũng có đầy quà, bước chân chưa đến cửa đã thấy tiếng cười đón, nhà vui hẳn lên. Sao bác xấu người mà tiếng cười của bác làm đẹp lòng người thế. Mẹ tôi bảo sau bác sướng vì tiếng cười và hai bàn tay. Về sau bác giàu có sung sướng thật. Tính bác vui vẻ nên bác mến anh Tam tôi cũng vui vẻ dễ dãi.

Đạo này bác xuống thăm mẹ tôi luôn. Hai bà rí rí nói chuyện tâm tình, lúc khóc lúc cười rất thân mật. Bà kêu anh Tam gầy xanh quá, bà không lo kiếm nàng dâu đi. Mẹ tôi nói nhờ bà xem có đám nào tìm giúp hộ, tôi mới dọn lên trên này chưa quen biết mấy, quanh quẩn chỉ có đảng bác và bác Hàn thôi.

Ít lâu sau tôi thấy mẹ tôi dục anh Tam đi coi mặt. Anh bảo cô Năm đi coi mặt hộ anh, cô bằng lòng là được rồi. Tôi không chịu bảo anh lấy vợ chứ em lấy vợ đâu mà bảo em bằng lòng. Mẹ dục mãi anh mới chịu đi coi. Mà có khó khăn gì đâu. Nhà cô ta ở ngay bên nhà bác Ba, bạn mẹ tôi. Nhà bán cau khô. Hôm anh Tam đến, cô ta ngồi bán hàng nên chỉ thấy khuôn mặt thôi, anh bảo hai con mắt đẹp nhưng hình như vai xuôi quá, thôi mẹ và cô Năm bằng lòng là được.



Thế là hai bà bàn tính lễ ăn hỏi. Sau đó, phải tìm thuê cái nhà khác rộng hơn. Bác Ba tìm được một căn nhà ở cùng phố với cô dâu, có thể vừa ở vừa dọn hàng bán cau được.

Nhà mới có gác, rộng rãi. Nhưng lại thiếu đồ đạc trang hoàng. Bác Hàn thấy sơ sài quá, cho mượn hoành phi câu đối, đèn, chậu sứ, lại mua cho một bộ sa lông, sập gụ, tủ chè. Tự tay bác trang trí, thành căn nhà có vẻ trường giả lắm.

Tôi thích quá vì từ xưa toàn ở nhà tranh vách đất, dù có ở tỉnh cũng ở trong ngõ hẻm không đèn điện, tối tăm, đồ đạc sơ sài đâu có sang trọng như bây giờ. Các anh tôi trái lại chê đủ thứ, sa lông thì kiểu tàu, chẳng ra tàu ta chẳng ra ta, ngồi đã lạnh lại đau lưng nữa. Sau mẹ tôi phải may mấy cái nệm bông và gối tựa lưng mới thấy êm ấm một chút.

Mẹ bảo các anh khó tính, tiền đã không có, các bác giúp cho, người giúp đồ đạc, người giúp tiền, đừng kêu ca các bác buồn.

Xong vấn đề nhà cửa, lại đến chuyện thách cưới. Bên nhà gái đòi bốn lạng vàng, năm trăm đồng bạc, hai nghìn cau, mười cân chè, hai chũe rượu. Chấn mần quần áo bên nhà gái sắm lấy.

Nhà tôi thật nhộn nhịp. Mẹ tôi về quê mời bà

ngoại, thầy cô, cậu mợ bên ngoại lên. Các cụ bảo con đầu cháu sớm mà. Anh Tam tôi là con thứ lại lấy vợ trước nên cũng coi như lần đầu tiên gia đình tôi có sự đổi mới vậy.

Mẹ tôi mời mấy bà bạn thân cùng buôn gạo với bà ở Cẩm Giàng lại, toàn những bà khéo tay cổ bàn bánh trái lại làm giúp hộ.

Ngày cưới đủ mặt họ hàng đôi bên. Đi đầu là bốn mâm cau xanh phủ khăn nhiều điều đỏ thắm. Bốn quả sơn son trong đề chè đến hai chũe rượu bốn người gánh. Sau đến hai con lợn quay có hai cái lòng xanh do hai người phụ cầm. Người phụ nào cũng mặc áo nẹp đỏ. Hai mươi xe kéo, phu xe cũng mặc áo nẹp đỏ đầu đội nón chóp đỏ. Xe đầu là ông cụ già đầu tóc bạc phơ, rồi đến các cụ nội cụ ngoại, bà cô chú bác, chú rề và bốn người phụ rề đều là anh em trong nhà. Chú rề mặc áo Kim ngân đoạn đen, anh tôi không chịu mặc áo gấm, đầu đội khăn xếp, chân đi giày Gia định, bút tất trắng. Mấy anh em, người nào cũng trắng trẻo nho nhã, khó phân biệt được ai là chú rề.

Đến cửa nhà gái, có hai bà mang chấp trầu ra mời. Trầu tằm thật khéo, vàng tươi, cuốn tròn như đoạn tre. Cau, vỏ cắt thành hình hoa, trên có hoa hồng



thăm, mấy bông ngọc lan thơm ngát, cánh trong như ngọc, miếng trầu thật đẹp ai không biết ăn cũng phải cầm lấy một miếng.

Họ nhà trai vừa bước vào nhà thì một tràng pháo dài, từ mái nhà tới đất nổ inh tai khói tỏa đầy nhà, cảnh vật mờ ảo như trong sương. Các cụ vội vàng lên sập ngồi, có lẽ vì sợ tiếng pháo.

Họ nhà gái thật tíu tít, mời trầu mời nước, sửa soạn bày lễ lên bàn thờ, đỉnh đồng đèn nến sáng trưng, khói hương nghi ngút. Hết tiếng pháo, một bà bên họ nhà trai, bà bạn mẹ tôi vốn có tiếng thạo ăn thạo nói, đứng dậy chấp tay cúi đầu nói hôm nay là ngày lành tháng tốt, tôi xin thay mặt nhà trai gọi là có lễ mọn sang trình cụ ông bà và tất cả trong họ đề xin cho chú rể ra lễ gia tiên, làm lễ ông bà, và cho đón cô em về cho đúng giờ hoàng đạo, một năm mới chọn được một tháng, một tháng mới chọn được một giờ ...

Bên nhà gái cũng cười. Một bà đứng lên đáp lời, chưa thấy tiếng nói của bà đã thấy tiếng cười khanh khách. Đó là bác Ba, dì của cô dâu cũng là bạn với mẹ tôi. Hôm nay trông bác thấy lạ, mặt hồng hào, những vết rỗ như mờ đi, bác trẻ lại đến mấy tuổi. Các cụ ngồi trên sập hỏi nhau tuổi tác, con cháu.



Tiếng bác Ba cất lên lanh lảnh nào mời cô dâu ra làm lễ kéo chậm giờ. Tôi hồi hộp liếc nhìn các anh thấy đang thì thầm với nhau, chú rề mỉm cười.

Hai ba lần bác Ba chạy vào chạy ra, màn cửa vén mở, thấy bốn năm cô bước ra, ăn mặc giống nhau như đàn bướm, mùi phấn mùi nước hoa sực nức. Cô dâu e thẹn cúi đầu, các cô phù dâu ngơ ngác như nai tơ, cũng e thẹn chả kém gì cô dâu. Chú rề ngắm cô dâu, các phù rề ngắm các cô phù dâu. Cô nào cũng xinh, cũng đẹp, một người mỗi vẻ.

Các cụ đứng lên cả đề dâu rề làm lễ gia tiên. Các cụ bắt chú rề lễ trước, cô dâu lễ sau. Chú rề bước lên dung dị cúi đầu làm lễ ra vẻ thông thạo lắm, sự thật chưa lễ bao giờ. Ở nhà có lễ bàn thờ ngày giỗ tết cũng chỉ đứng vái hai ba vái thôi. Trước hôm đón dâu tôi phải chỉ cho anh lễ cho đúng cách kéo người ta cười cho.

Sau rốt đến lượt mời ông thân bà thân cô dâu bên nhà gái ngồi lên hai ghế cho cô dâu chú rề làm lễ nhưng hai ông bà nhất định không chịu. Cũng may là không chịu chứ anh tôi nhất định phản đối, bảo lễ bàn thờ thì được chứ lễ người sống thì nó hủ lậu làm sao ấy. Vì thế đã có lời dặn trước bác Ba là đi ruột cô dâu nói trước với bên nhà gái xin miễn lễ ấy.



Mấy anh tôi đưa mắt nhìn nhau mỉm cười. Các cô phù dâu lại đưa cô dâu trở vào nhà trong. Tiếng các cụ chúc tụng cô dâu chú rể tốt đôi, nào thì rằng long đầu bạc, cọn cháu đầy đàn. Tôi nhìn các cụ chột nghĩ cũng như các cụ ngồi đây, cụ nào cũng hãnh diện là nhiều cháu nhiều chất.

Các cụ ra xe, nhà gái đưa biểu mỗi người một gói trầu. Đám cưới diễn ra thứ tự, ông cụ chánh mặt áo thụng xanh đi đầu, đến các bác cao niên, chú rể và phù rể, rồi đến các bà bên nhà gái, các cô phù dâu và cô dâu. Hai bên hàng phố đứng xem, trẻ con la ó chen lẫn nhau bít cả lối đi. Máy ông bên nhà gái phải đứng dàn ra làm hàng rào, các cô đi được mấy bước lại đứng chúm vào nhau như chùm hoa, cô nào cũng e thẹn mặt đỏ hồng, vì vậy khó biết cô nào là cô dâu.

Xe đi từ đầu phố đến cuối phố, đến cửa nhà trai cũng có hai bà bưng cháp trầu đứng hai bên, một tràng pháo dài từ trên gác xuống. Cô dâu xuống xe, lại một cảnh chen lẫn để xem mặt cô dâu diễn ra. Một hỏa lò than hồng được bưng ra để trước cửa, tôi sững sốt không hiểu để than để làm gì. Máy bà bạn mẹ tôi ra đón cô dâu. Mẹ tôi đã chọn kỹ lưỡng các bà toàn là vợ chồng song toàn, con đàn cháu đống.



Cũng chính các bà trải chiếu kê giường.

Bốn cô phù dâu đỡ cô dâu bước qua hỏa lò vào nhà. Pháo nổ, khói bay mù mịt, các cụ không chịu nổi khói pháo, bắt đầu hắt hơi ầm ỹ. Người nhà phải đóng cửa lại. Một lát sau lại trà nước bưng ra mời họ nhà gái, duy có trầu têm không khéo bằng, nhà trai mà.

Mấy người phu mang hai rương quần áo cô dâu và hai mâm chân mần. Mần the hoa mẫu hồ thủy, riềm mần thêu đôi uyên ương đậu trên cành trúc, mền bông nhiều màu hoa đào rực rỡ như cả một mùa xuân.

Bên nhà gái xin cho cô dâu làm lễ bàn thờ và mẹ chồng. Lúc đó mẹ tôi mới ra. Cũng như bên nhà gái mẹ tôi không nhận lễ chỉ cho cô dâu đứng vái chào thôi.

Sau đó, cô dâu được đưa lên gác, các cô phù dâu ra về, cô dâu nủ lại khóc sụt sùi khiến mấy cô, cô nào cũng thu ba ướt lệ, dùng khăn lau lau. Các cụ dục mãi mới chịu xuống. Các anh ra tiễn các cô lên xe. Mấy bà dì cô dâu chạy lên dặn dò cô dâu lần chót rồi mới ra về.

Tôi lên phòng thấy cô dâu ngồi khóc một mình, tôi không biết nói sao, đó là phần việc của chú rể.



Tối đến mấy người thợ nấu cỗ bưng lên một con gà kết hoa thật ngộ để lễ tơ hồng. Ông chánh Nghĩa mặc áo thụng xanh lên đèn hương xong, quỳ xuống đọc văn tế cho chú rể cô dâu làm lễ. Giọng ông ngân nga tôi chẳng rõ nói gì, nghe như ngâm thơ rất hay. Lễ xong con gà được đem vào buồng cho cô dâu chú rể uống rượu hợp cẩn. Điều gì cũng khiến tôi lạ lùng vì đây là đám cưới đầu tiên trong gia đình và tục lệ ở tỉnh khác hẳn đám cưới thôn quê tôi vẫn thường đi xem.

Đám cưới xong, mẹ tôi lại đi cân gạo cùng các bà bạn. Anh Tam cũng thôi đi làm xin vào học trường Cao Đẳng Hội Hòa. Chị Tam dọn hàng bán cau ngay ở nhà. Tôi trông nom cơm nước, và những lúc nhàn rỗi lại biên sớ tính tiền giúp chị Tam. Lúc đầu tôi cũng thấy vui vui.

Anh Cả tôi dạy học ở Phụng Xuyên, anh Hai vào học Canh Nông, anh Tư học trường Luật. Ngày chủ nhật các anh mới ra gặp nhau. Bà nội và tôi phụ giúp chị Tam bán cau.

Nghề cau phức tạp và không hợp với tôi. Cau quả do mấy ông lái xứ Nghệ, Thanh Hóa đem ra, cau đóng vào sọt, mỗi sọt chừng mười lăm buồng, bán cho

khách mua ăn hoa hồng. Bán hết mới tính tiền, trả không phải bỏ vốn. Người mua thì giá cả xong rồi đem đi bán, lúc trả tiền lại đòi bớt nào là chợ ế, nào là cau xấu. Cò kè bớt một thêm hai có khi cãi nhau như mỗ bò hàng mấy tiếng đồng hồ. Tiếng mấy ông xứ Nghệ mình nghe nhức cả đầu. Lại thêm ngồi cứ vén áo vén quần gãi sồn sột. Tôi chịu chị Tam tôi, chị cứ thản nhiên như không, chắc là chị trông đã quen mắt rồi, hoặc giả vì mãi mê đếm tiền nên không để ý đến ngoại cảnh nữa. Cứ thấy mấy ông lái đến là tôi rút lên gác ngồi.

Bà nội thì khuyên thôi cháu ơi, cháu cứ mua chín bán mười là được, đừng làm thiếu nói thừa, tội chết.

Cau khô được gởi từ Quảng Nam, Quảng Ngãi ra, vỏ cau vàng xấu trông không đẹp, chị tôi phải xây một cái lò cho cau vào, ở dưới đốt diêm sinh dòng dā một ngày cho miếng cau trắng ra. Ôi cái mùi diêm sinh tôi cũng chịu không nổi !

Năm sau đến lượt anh Cả tôi lấy vợ, cũng do bác Ba làm mối. Cô ta là con gái ông bà Hàn ở Thái Hà Ấp, nhà hiếm hoi, chỉ được một gái. Cô ta tên là Hiền, tên Hiền thì hiền và ngoan là cái chắc rồi. Bà nội, mẹ tôi đi xem mặt đều ưng cả. Khi anh Cả tôi về



mẹ bảo đi coi mặt thì anh hỏi cô Năm đã biết mặt chưa, nếu cô bằng lòng tôi khỏi cần đi nữa. Tôi kêu đầu có được, em là đàn bà nhìn nó khác chứ. Để em đưa anh đi. Cô ta đậm người và thấp, mặt như trắng rằm coi có vẻ phúc hậu. Nói vậy cho vui chứ việc cưới gả là do các bà định đoạt cả.

Con trai thời đó đầu có nói chuyện với các cô bao giờ, con gái cũng không có bạn trai nên đều do cha mẹ đặt đầu ngồi đó cả! Các anh tôi lúc nào cũng chỉ lo học, đến khi ra dạy học lại phải làm mặt nghiêm cho học trò nó sợ. Học trò nhà quê nhiều đứa lớn hơn thầy cả mười tuổi. Một lần mẹ tôi xuống chơi thấy thầy trò còn rủ nhau đi bắt dế, mẹ tôi cũng cho mấy cái lên đầu, về kể chuyện ai cũng cười lăn. Lúc đó có lẽ bà quên mất anh tôi đã là thầy giáo rồi, tưởng như hồi còn ở nhà.

Đám cưới anh Cả cũng lại diễn ra như đám cưới anh Tam nhưng lần này có tới mười hai cô phù dâu và phù rể cũng nhiều. Các anh tha hồ mà kén vợ, cô nào cũng xinh đẹp dễ thương, ngồi đầy cả phòng cô dâu, chật chội quá đến nỗi làm vỡ mất một miếng kính, các bà bảo là điềm không tốt.

Vậy mà không tốt thật. Chị Cả sanh được một cháu gái, ba ngày sau chị mất. Còn đứa bé nuôi được

ba tháng cũng đi theo mẹ luôn. Chỉ tội cho bên ngoại khóc hết nước mắt, hết khóc con lại khóc cháu. Tiếng mẹ khóc con sao thấm thiết, nó in sâu vào đầu óc tôi từ thuở thơ ấu, bây giờ đã qua hàng nửa thế kỷ rồi mà hễ nghe tiếng ai khóc con là tôi lại nao nao cảm động không cầm được nước mắt.

Thế là anh Cả tôi đã hai lần khóc. Tôi tưởng anh thương chị như vậy chắc chẳng lấy vợ nữa. Vậy mà sau khi chị mất được hai năm anh lại tục huyền vì mẹ tôi thấy anh đi dạy học nay đây mai đó không có ai đi theo trông nom săn sóc. Bà nội đã già yếu vẫn ở trông hàng phụ với chị Tam. Mẹ tôi cũng nghĩ cân gạo vì anh Tư học xong trường luật ra làm sở kho bạc nên bắt mẹ nghỉ buôn bán cho khỏe. Bà thuê một căn nhà ở Hậu Giám, nhà tây hai tầng, đằng trước có đường tàu điện chạy Hà Đông. Bên kia là Văn miếu thờ Đức Khổng Tử. Nhà mới thoáng mát như không khí đồng quê không như căn nhà ở phố Cầu Gỗ, mùi diêm sinh khiến tôi và anh Tam suýt bị lao phổi.

Về ở nhà mới có mẹ tôi, anh Tư, anh Hai (lúc đó làm ở Sở Công Nông), em Sáu em Bảy. Tôi cũng không nhớ lúc đó em Sáu tôi học ở đâu. Em Bảy đã lên mười. Trong nhà tương đối đầy đủ, anh Tư đi làm bằng xe nhà có người kéo, nhà có hai, ba xe



đáp, cơm thì có bếp nấu.

Các anh tôi bảo mẹ và cô Năm đã vất vả nhiều rồi, bây giờ không bắt cô phải làm gì nữa, tùy cô muốn học chữ hay muốn học gì tùy ý. Tôi đi học thêm vì năm đó đã lớn rồi còn học chữ làm gì.

Gia đình xum họp được hơn hai năm, anh Tư phải dời vào Saigon. Mẹ tôi không thể đi được nhưng thấy anh Tư buồn nên cho em Sáu đi theo cho vui. Hôm hai anh em ra đi, cả nhà ngao ngán buồn ngủi nên có làm bài thơ mà nay tôi chỉ còn nhớ câu "Con bay về phương Bắc con bay về Nam, cách biệt từ nay mấy dặm ngàn".

Được ít lâu anh Hai cũng dời vào Saigon, sau lấy vợ ở Saigon luôn nhưng chị Hai lại là người Bắc. Anh tôi thuê một miếng đất làm nhà bằng gỗ, ba anh em về ở với nhau.

Nhà chỉ còn có ba mẹ con không đủ tiền ở nhà rộng nên thuê căn nhà nhỏ ở Đố Hữu Vị, xe bán, bếp cũng cho về. Thế là chấm dứt thời oanh liệt. Tôi lại đi chợ nấu ăn.

Một hôm có bà cụ Huyện Thành bạn mẹ tôi đến chơi. Thấy nói anh Cả góa vợ, bà cụ nói đề tôi làm mối đám này cho, cô này cũng góa chồng và chưa có con. Người cũng đẹp, con ông bà hàn Phúc. Lại hàn

nữa, sao anh tôi có duyên với mấy ông hàn thố. Nhà ở phố hàng Cai, có hiệu sách, nhà in, nghe nói giàu nứt đổ đổ vách kia.

Mấy hôm sau cụ Huyện đưa bà Ấm đến, bà này quen bên nhà gái nên đứng ra làm mối. Thế là đầy đủ cả mẹ tôi chả phải đi dò hỏi chi nữa. Anh tôi lại đi coi mặt, lần đầu không gặp, lần sau đến hiệu sách thì vừa lúc cô ta bước vào nhà trong. Anh chỉ nhìn thấy đằng sau lưng thôi, anh bảo cũng được, chỉ phải cái người thấp nhỏ quá thôi. Thế là đôi bên thỏa thuận.

Bà nội tôi sang chơi bên nhà gái, bà vốn ham nhiều dâu nhiều cháu. Năm đó anh Tam đã được hai cháu gái, anh sang Pháp du học vắng.

Mẹ tôi lên đi tìm thuê căn nhà khác rộng rãi hơn. Nhà mới ở phố Hàng Bè hai tầng, rộng rãi quá nên lại không đủ đồ đạc mà trang hoàng. Bà hàn Thông cho mượn bốn cái đòn sứt, bốn chậu trồng cây, sập gụ, sa lông. Tường là rỗ giá cạp lại thì chỉ làm đơn sơ thôi, ai dè bên nhà gái lại muốn nghi lễ cho đầy đủ, cũng bánh, heo quay, chũe rượu, nữ trang đồ vàng, đồ bạc. Mẹ tôi phải sang bà Hòe, nhà buôn bán nên lúc nào cũng có tiền đồi năm trăm đồng rồi phong giấy đỏ. Ở nhà làm năm mâm cỗ thết bà con họ hàng.



Ai cũng mừng cho anh Cả tôi lấy vợ lần thứ hai mà cũng đầy đủ, lại vợ con nhà giàu nhất nhì phố Hàng Cai, chắc cô dâu nhiều của hồi môn lắm.

Riêng mẹ tôi là thờ ơ không hề màng tới của cải, lo vợ cho anh Cả vì sợ anh đi xa nhà không có người trông nom. Cưới vợ cho các con là xong bổn phận, giàu nghèo không thành vấn đề. Mẹ tôi bảo nghèo thì khổ cực nhưng có nghèo mới cầu tiến, chăm học nên người. Mẹ tôi thấy các con bên cậu tôi người nào cũng giàu, ruộng cò bay thẳng cánh, nhà hai xe hơi, đủ phương tiện để học mà chả ai đỗ đạt cao. Có lẽ họ cậy có của ăn đời cha đến đời con cũng không hết của nên chả cần học nhiều cho khổ thân. Cậu tôi vẫn thường chê bai cần gì tới bằng cấp. Họ ngoại ai cũng giàu có nhưng không giúp đỡ gì mẹ tôi, có lẽ họ sợ không trả được. Cũng may vì như vậy các anh tôi đỡ phải trả nợ.

Nợ người ngoài năm nay mẹ tôi trả được hết. Cả con nợ lẫn chủ nợ đều mừng rỡ như nhau.

Trở lại đám cưới anh Cả tôi. Cũng ăn uống cỗ bàn linh đình. Cô dâu mang theo hai rương đen có khóa đồng trên phủ khăn nhiều đỏ. Tuy nhà giàu mà tôi chả thấy tư trang gì nhiều. Có một cái két nhỏ bên trong có tiền và đồ mừng như rồ bạc, ống vôi bạc.

Cưới hỏi xong, mẹ tôi vẫn phải vay nợ, nhà lại thêm người tốn kém nên phải cho thuê bớt nhà, gánh nặng ngày càng nặng thêm.



DU HỌC

Bên chị Tam thì anh Tam tôi bỏ học vơ, vào Saigon được ít tháng, anh về khoe với mẹ tôi là anh vào Saigon rồi đi sang Lào vẽ phông cho rạp hát được ít tiền, anh xin phép mẹ tôi qua Pháp, bà bảo qua bên đó những mấy năm lấy tiền đầu ăn học. Anh bàn là nghe nói trong Huế có một cái hội gọi là hội du học bảo trợ do các quan đại thần lập ra để cho con cháu các quan đại thần hoặc các vị có công với nước.

Vì vậy, cả nhà lo giấy tờ để xin học bổng cho cả em Sáu nữa. Mẹ tôi gửi giấy về tận quê nội ở Hội An, Quảng Nam để sao văn bằng các cụ tổ hồi xưa là bậc khai quốc công thần đi sứ sang Tàu, một mặt gửi hồ sơ cho hội xét, một mặt lo xin phép sở toàn quyền Hà Nội cho du học tự túc. Chỉ có anh Tam được

chấp thuận, còn em Sáu họ nói còn nhỏ quá không nên cho đi. Họ rất khôn khéo, mời hẳn mẹ tôi ra khuyên là em Sáu còn ít tuổi qua đó sợ không chịu học lại chơi bởi làm khổ cha mẹ.

Hội ở Huế chỉ giúp cho nửa tiền ăn thôi. Một tháng ăn tiêu bên Pháp phải mất một trăm sáu chục đồng. Hội cấp cho tám mươi đồng, còn lại nhà phải lo lấy. Chị Tam lúc đó đã hai con lại phải phụng dưỡng bà nội nên mẹ tôi không bắt chị lo nữa, chỉ thỉnh thoảng gửi thêm một ít tiền để mua sách vở quần áo hoặc gửi thức ăn sang.

Anh Tam học khoa học nên rất mau. Chưa đầy ba năm đã xong cái bằng cử nhân khoa học, anh trở về.

Đúng năm đó anh Hai cưới vợ lần thứ nhì, ở nhà đã có chị Cả trông nom, mẹ tôi anh Tam và tôi làm một chuyến về quê thăm nhà, vào Huế tạ ơn mấy ông quan lớn trong hội rồi vào Saigon thăm anh Hai và Anh Tư.

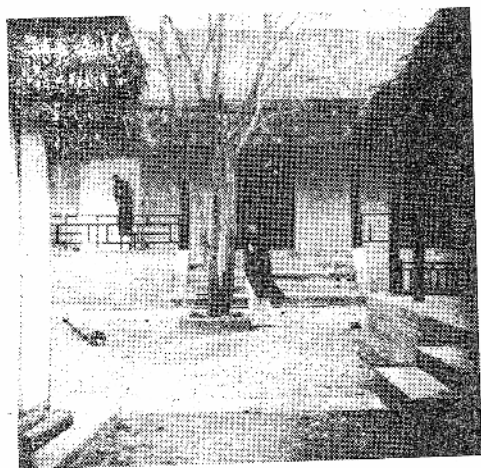
Vì mới ở Pháp về nên đi tới đâu anh Tam cũng kêu nước mình chậm tiến quá, hằng bao nhiêu thế kỷ cũng chả có gì thay đổi. Đi ngang Tuy Hòa thấy bên đường có nếp nhà tre lợp rơm, mái nhà cất xén rất khéo trông thật đẹp. Anh bảo ngừng xe xuống coi thật kỹ. Tường trát vôi thật nhẵn, trần nhà làm



bằng nửa đập dập ra để khít liền nhau, bụi rơm không rơi xuống được. Chỉ phải cái nhà thấp và hẹp. Dân ở đó nói sợ gió bão, bão biển dữ dội làm nhà cao không chắc. Mẹ tôi cũng thích kiểu nhà này nên sau bắt chước làm nhà Ánh sáng ở trại Cẩm Giàng.

Đường xe lửa năm đó chưa chạy suốt nên tới Nha Trang phải đi xe đò vào Saigon. Đã gần tới Tết, nhân có người bạn anh Tam về Thanh Hóa ăn Tết nên cho quá giang, hy vọng sẽ về Hà Nội kịp. Chẳng may đi đêm đường rừng xe đâm vào cây phải quá giang xe của mấy người Pháp đi sẵn về Qui Nhơn. Thế là anh Tam lại phải ăn một cái Tết tha phương nữa.

Chẳng có bánh chưng cũng chẳng có lễ giao thừa. Sáng mồng một Tết thấy mấy chú bồi đem ra một khay bánh kem có chữ chúc mừng năm mới. Mẹ tôi thưởng tiền cho tất cả. Ai cũng vui vẻ. Mười hai giờ trưa xe sửa xong lại tiếp tục lên đường. Qua bao nhiêu tỉnh, thấy các cụ bô lão mặc áo lam đi lễ chùa, nhà nào cũng treo đèn lồng ngoài cửa. Tục lệ mỗi nơi cũng đôi khác. Đến Huế lên xe lửa đi Hà Nội, về tới nhà vừa đúng mồng bốn Tết, vẫn còn hoa đào, hoa thủy tiên.



Trại Cẩm Giàng.



TRẠI CẨM GIÀNG

Tết xong, chị Cả xin phép ra ở riêng nói là có căn nhà bố mẹ cho ở Hàng Chè để buôn bán. Vì vậy mẹ tôi tính về Cẩm Giàng mua mấy mẫu ruộng ngoài cánh đồng làm nhà tranh ở. Bà đã chán cảnh thành phố, nhà rộng thì tốn nhiều tiền, nhà nhỏ thì chật hẹp nóng nực.

Ở quê có bà cả Hội bạn căn gao của mẹ tôi ở Cẩm Giàng lúc cưới vợ cho con có vay của bà sáu chục đồng, bà ta có hai mẫu ruộng ở khỏi ga ngay cạnh nhà bà. Mẹ tôi xem đất ưng ý ngay, thế là trừ nợ luôn khỏi trả tiền.

Bắt đầu đào ao để lấy đất làm nền nhà. Xung quanh có hàng rào trồng toàn trúc. Nhà làm bằng gỗ lợp rơm, cột vuông, xung quanh nhà bốn mặt đều là hàng hiên rộng. Nhà có ba gian, gian đầu làm phòng



khách, ở giữa thờ ông bà, gian trong để ở. Trần nhà lát nửa đập thẳng. Mái lợp rơm rất dày, tới nửa thước, xén đều rất đẹp. Quanh nhà có lan can gỗ trông như nhà Nhật Bản, ai đi qua cũng khen nhà lợp bằng gì mà đẹp thế.

Cây cối rất khó trồng vì đất xấu. Ban đầu mẹ tôi trồng toàn chuối để đất xốp dần. Những đêm có trăng, ánh trăng chiếu xuống vườn sáng như trắng bạc. Cây cối trong vườn lần lần tốt, bờ rào trúc đã gần kín.

Hai mẹ con ra ngồi đầu hè trăng thanh gió mát, hồi tưởng lại những ngày ở Hà Nội, nhà cửa chật hẹp, tiền nong túng thiếu thật là ngao ngán, trò chuyện đến khuya mới đi ngủ. Mẹ tôi rất sung sướng vì đã đạt được ước nguyện. Có được căn nhà ở giữa nơi cánh đồng rộng rãi, lại gần quê ngoại. Tôi cũng không ngờ rằng trại Cẩm Giàng sau này đã là nơi tụ họp đông đảo của nhóm Tự Lực Văn Đoàn và thân hữu, nó còn là bối cảnh cho nhiều cuốn tiểu thuyết nổi danh của các nhà văn nổi tiếng bạn bè của anh em tôi.

Bà ngoại thương tôi nhất. Bà bảo nó hay làm lại thật thà. Ngày giỗ ngoại bao giờ tôi cũng về trước ba bốn hôm, phụ với bà lo dọn dẹp mấy căn



buồng để đón con cháu ở xa về. Tôi và cô em họ phải làm bánh suốt đêm. Để khỏi buồn ngủ, bà đem nước pha trà. Trời về đông lạnh lẽo, bên ngoài mưa phùn gió bắc, mấy cây tre già kêu kéo kẹt, bên bếp than hồng mấy bà cháu ngồi uống trà nói chuyện năm xưa.

Năm nào bà tôi cũng chỉ lo bánh trái và các thứ gia vị để nấu cỗ, còn heo bò gà vịt đã có cậu tôi đưa sang. Cậu là con thứ ba, làm nghị viên ở tỉnh Hải Dương. Năm nào cũng có cả trăm người, các ông lý ông chánh trong huyện, họ đi xe lửa qua ăn bữa cỗ chiều rồi mở sòng đánh xóc đĩa suốt đêm. Vì vậy phải làm cỗ thâu đêm cho kịp sáu giờ sáng tan sòng bạc, họ ăn rồi về chuyển tàu tám giờ sáng.

Người nhà quê thật dễ ăn uống. Cỗ nấu để qua đêm nguội lạnh, có bát mỡ đông trắng như thịt đông mà họ vẫn ăn uống ngon lành. Còn con cháu trong nhà đã có riêng năm mâm nấu theo lối tỉnh. Nếu đem cỗ này thết nhà quê họ lại chê là nấu độn không có thật tình nên bà tôi phải nhờ mấy bố con ông Lý Cự ở làng bên làm cỗ giúp.

Ở nhà quê họ thường đi ăn cỗ thật sớm, làng nào đi theo làng đó, đồ lễ chỉ có cam tươi, trái cây, vàng nhang thơm. Bà tôi không nhận tiền. Ăn xong lại

ra vườn hái lá chuối gói phần xôi và bánh đem về cho con cháu. Vì vậy chúng tôi phải làm thật nhiều bánh. Xôi và phải thổi hàng mấy thúng mới đủ. Chúng tôi cũng ăn xôi trừ cơm luôn.

Bà ngoại bảo bày ra làm bánh cho các cháu học khéo luôn thôi, nhưng chúng tôi hồi đó còn vô tư, năm nay làm sang năm lại quên, cứ theo thói bà bà ơi bánh củ cải làm bằng bột nếp hay bột tẻ hử bà. Bà tôi là không chịu nhớ, mai mốt bà chết thì hỏi ai. Mấy năm sau bà tôi mất thọ được tám mươi hai tuổi. Từ năm đó giỗ tết giao hết cho cậu mợ trưởng nhưng nhà lại nghèo, ruộng hương hỏa chẳng có bao nhiêu nên cậu tôi chỉ làm cơm canh cúng các cụ thôi. Vậy là chấm dứt xum họp ngày giỗ, cậu nghị tôi bên Hải Dương cũng không phải qua nữa.

Từ năm có chị Cả tôi về làm dâu, có nhà rộng nên đón bà nội về phụng dưỡng. Nhà Cẩm Giàng làm xong, bà nội đau, mẹ tôi đón về nhà quê, không tiện để bà nội tôi mất ở nhà xuôi giá. Được ít lâu bà mất. Theo tục lệ nhà quê, lại trâu bò ăn uống cổ bản. Về sau, hàng năm cứ đến ngày giỗ họ nhớ tự động đến, tới như có hồn phách. Hơn nữa cũng vì lúc sinh thời ông nội tôi có làm quan tại đây.

Anh Tư học xong luật một năm được bổ làm tri



huyện nhưng anh xin từ chức, vì làm ông huyện đã không ăn lễ của dân, lương chỉ có một trăm bốn mươi đồng thì lấy đâu ra mà thù tiếp thiên hạ cho xứng địa vị quan phụ mẫu chi dân. Ai nghe tin cũng kêu là gần là đại. Người khác phải lo lót hàng bao nhiêu tiền mà anh lại từ chối.

Nhận được giấy bổ nhiệm, anh về nói với mẹ tôi là nếu bà muốn anh sẽ đi. Bà chỉ bảo khi các con nhỏ là bổn phận mẹ phải lo. Nay các con đã thành đạt rồi mỗi người có chí hướng riêng, tùy con định đoạt. Các ông cha ngày xưa đều nổi tiếng thanh liêm, làm quan thì thương dân như con nên để đức lại cho con cháu bây giờ. Các con đừng làm điều gì hại đến thanh danh tổ tiên thì thôi. Bây giờ mẹ đã có nếp nhà tranh, buôn bán cũng đủ ăn tiêu rồi, các con không phải biếu tiền nữa, vậy đừng bận tâm.

Đúng như vậy, lúa gặt xong mẹ tôi mua vào cất đi. Vì ai có hột thóc cũng cần bán đi để nộp thuế má, sắm sửa cấy bừa, trang trải nợ nần. Ít lâu sau bán ra là có lời. Mẹ tôi lại nuôi heo nái rồi cho các nhà nuôi rẽ. Một năm mấy lứa heo bà cho gần khắp các làng xung quanh nuôi rẽ, nuôi hai con đến cuối năm đem trả một.

Nhà nào có nuôi heo, mẹ tôi bán thóc chịu cho



họ làm gạo bán, lấy cám cho heo ăn, vừa có lời vừa có công việc làm.

Một buổi chiều mẹ tôi đứng chơi ngoài cổng thấy một gia đình gồng gánh đến ngồi nghỉ mệt, coi như người Hà Nam, Phủ Lý. Bà hỏi truyện. Hai vợ chồng cho biết quê ở Hà Nam có nghề làm gạch dưới quê, nước lớn quá không làm được, đi đã mười ngày đường, lương ăn hết mà chả thấy lò gạch nào để xin việc. Mẹ tôi hỏi cách thức làm gạch, lại dẫn ra cánh đồng xem đất ruộng có làm gạch được không. Bà vẫn định nung ít gạch để xây thêm một căn nhà nữa phòng khi giỗ tết con cháu về đông có chỗ ở. Nhân có gia đình này xin việc bà liền nhận, cũng là để giúp cho họ có công ăn việc làm.

Không ngờ khi nung gạch xong, mọi người đến mua tới tấp không kịp bán, phải xây thêm một lò nữa. Các người ở xa cũng đi thuyền tới mua vì gạch tốt giá lại rẻ. Mẹ tôi làm một cái nhà tre gần chỗ lò nung để chứa gạch.

Tiền lời bán gạch thừa đủ cho mẹ tôi xây nhà. Nhà mới một tầng có hàng hiên rộng, thêm cao, khác nhà Ánh sáng bất tiện mùa đông lạnh, mùa hè nóng, lại mỏng manh sợ trộm cướp. Mọi năm dịp Tết các anh chị về nhiều, tuy chả có vàng bạc gì nhiều nhưng



cũng sợ, vì ở nhà quê con trâu cũng còn bị cướp. Vì vậy cứ phải đề sẵn dao chín, thanh mã tấu. Trong nhà treo một cái trống to đề lỡ có gì thì đánh lên cho cậu tôi ở nhà trong đem súng ra.

Các anh xưa nay chỉ quen cầm bút, đánh con gà cũng chả chết nói gì đánh cướp. Những đêm ba mươi trời tối đen như mực, soi bàn tay cũng không thấy, lại thêm mưa phùn gió bắc lạnh căm căm. Anh Tam không thích ngủ trên nhà gạch vì kín và ẩm quá không có vẻ quê nên Tết nào cũng xuống ba gian nhà ngang làm bằng tre lợp dạ, ngoài hiên có mấy tấm đại tre, trải ồ rơm khắp cả, giữa nhà đốt một đống củi to đề sưởi, tất cả nhà ngồi quây quần đánh bắt đờn giao thừa. Góc nhà dựng giáo mác y như dân đi rừng vậy. Bốn góc vườn đều có treo đèn cho sáng.

Các bà nấu cỗ ở mấy gian nhà bếp đèn ba giây sáng trưng, phải nấu cho kịp đề mẹ tôi cúng giao thừa. Cỗ bàn xong bày lên, mẹ tôi lên lễ bàn thờ rồi ra cúng ngoài trời, nói là cúng các quan giữ việc năm mới.

Đúng mười hai giờ đánh trống lễ, đốt pháo, các nhà xung quanh như hện nhau cùng đốt một lượt. Tiếng pháo tiếng trống từ các làng xa nghe như bất tận không bao giờ hết.

Cúng xong vào ăn giao thừa. Vì trời lạnh nên hay ăn bánh chưng rán hoặc canh bún cá nóng hổi, vừa ấm bụng vừa có thú vị đồng quê.

Sáng mồng một Tết, đèn hương bánh trái cúng xong, tất cả các gia đình đều dậy, vợ chồng con cái ăn mặc chỉnh tề, rửa mặt bằng nước nấu lá mùi cho thơm. Các anh viết lời chúc mẹ tôi, giao cho đứa cháu lớn nhất đọc lên mừng tuổi bà. Đọc xong đốt một tràng pháo dài. Lần lượt con cái dâu rể kẻ ăn người làm trong nhà đều ra chúc mừng. Mẹ tôi đem tiền mới ra mừng tuổi cho tất cả, ai ai cũng có nhiều. Ước gì cả năm lúc nào cũng tiền nhiều như vậy thì thú biết bao.



LÀM BÁO

Sau khi đi Pháp về, anh Tam dạy học ở trường Thăng Long Hà Nội được ít lâu, sau ra mở báo lấy tên là "TIẾNG CƯỜI" chủ tâm đem tiếng cười ra cho mọi người vui vì thời bấy giờ nhiều người khóc quá rồi. Nào văn bà Trương Phổ khóc chồng, Đạm Thủy, Tố Tâm truyện cũng làm ly thảm thiết.

Tiếc thay chính quyền lại không hiểu thiện chí ấy nên không cho phép, sau có người bạn nhường lại tờ báo PHONG HÓA (1932). Bao đêm anh Tam cầm cụ viết bài vì lúc đầu chưa ai cộng tác, lại lo ẽ không bán được, anh đề nghị nếu ẽ thì bắt cả nhà vừa đi vừa rao bán cho kỳ hết mới chịu. Mẹ tôi bảo khó gì, nếu bán không hết mang về cho mẹ ấy gói cau cày tiện.

Tôi chỉ còn nhớ bức vẽ đầu tiên, vẽ một chuyển

xe hàng chở khách thật ngộ nghĩnh khiến ai xem cũng phải buồn cười. Tiếc thay vì chiến tranh tàn phá nên bây giờ không còn giữ lại được chút gì. Cũng trong thời kỳ này (1933) anh Tam lập nhóm Tự Lực Văn Đoàn cùng Khái Hưng, Hồ Trọng Hiếu, Thế Lữ, Hoàng Đạo, Thạch Lam và Nguyễn Gia Trí sau có thêm Nguyễn Cát Tường tức họa sĩ Le Mur.

Sau khi tờ báo đã vũng vàng rồi, các anh thấy mẹ tôi ở Cẩm Giàng có chuyện xích mích với bà hàng xóm xấu miệng nên thuê nhà ở đường Quan Thánh gần tòa báo đón mẹ tôi lên ở, cùng với anh Tư, chú Sáu, chú Bảy và hai vợ chồng tôi.

Tiền nhà Anh Tam lo, tiền ăn anh Tư làm tham tá lo, lương được một trăm mười bốn đồng một tháng. Trại Cẩm Giàng để cho người nhà trông nom.

Nhà thuê có hai tầng, phòng khách, phòng ăn và ba phòng ngủ. Đằng trước có vườn hoa, ga ra. Đằng sau có cây to bóng mát, đầy đủ tiện nghi.

Về ở đây, mấy bà bạn cũ của mẹ tôi lại lui tới thăm hỏi. Trong số đó có bà phán Lợi tỏ vẻ chú ý đặc biệt đến anh Tư chưa vợ. Một hôm bà nói với mẹ tôi là có đám này được lắm, con một nhà giàu, cô ta cũng xinh và nét na lành. Ý bà muốn đứng ra làm mối. Hai ba lần thúc dục mà mẹ tôi vẫn không tỏ vẻ



sốt sáng nên câu chuyện cũng bỏ qua. Nếu không gặp bà nội chắc khó thành, bà lúc nào cũng lo việc dựng vợ gả chồng cho các cháu.

Nghe vậy, bà nhất định bắt bà mối đưa đi coi mặt ngay. Lúc về bà khen đủ thứ, nhà giàu lắm cơ chừng hai mươi lăm cái nhà gạch, nhà nghỉ mát ở Sầm Sơn, trong nhà có bà đầm vén màn (tượng gỗ đề vắt màn). Bà nội ưng liền nên dục mẹ tôi đi coi. Hai ba lần thúc bách, mãi sau mẹ tôi mới đi, có tôi đi cùng.

Đến nhà bấm chuông, thấy một cô gái mặc áo đen, mặt xanh xao, hai mắt trông như lác ra mở cửa mời vào nói là mẹ con đi vắng. Trông dáng người nhanh nhẹn, tiếng nói trong trẻo, chỉ phải cái gầy và xanh quá. Cô ta xin lỗi là vì mẹ đi vắng nên không có chìa khóa lấy trà pha nước. Ngồi một lúc hai mẹ con ra về.

Mẹ tôi chê nhà chỉ có hai mẹ con mà khi đi vắng cũng không dám giao chìa khóa cho con gái giữ, bà mẹ hẳn phải chặt chẽ về tiền bạc lắm. May mình cũng chẳng phải người ham của. Bà lại chê cô ta gầy yếu quá. Câu chuyện lại bỏ lửng một thời gian lâu.

Ít lâu sau, bà phán lại đến mời anh Tư đến thẳng nhà, nhà cô ta cũng theo mới, ông bố hồi còn



sống là dân tây mà. Bà nội bắt anh Tư đi. Cũng là duyên số, vì sau cuộc gặp gỡ, anh tôi bằng lòng cưới.

Mẹ tôi bảo nếu anh thuận thì bà cưới chứ không có ham giàu, thực sự bà ta cũng chỉ có năm cái nhà thôi, bốn cái ở Hà Nội và một ở Sầm Sơn.

Bên nhà gái hiếm hoi nên xin ở rề, mẹ tôi cũng bằng lòng vì bà sẽ lại về Cẩm Giàng ở một mình.

Đám cưới xong, mẹ tôi về quê, vợ chồng tôi thuê một căn nhà nhỏ ở làng Yên Phụ bên Hồ Tây, cảnh rất đẹp và nên thơ, chú Sáu về ở với chúng tôi, còn chú Bảy học thuốc ở nội trú ngay trong trường.

Thấy căn nhà ở Hồ Tây mát mẻ, mẹ tôi về ở với chúng tôi một năm. Khi đó tôi đã sinh con trai đầu lòng (sau này là Duy Lam). Nhà có hai người làm nên hai mẹ con nhàn nhã, mẹ tôi lại buồn vì nhà không có vườn cây để bà chăm sóc. Tiền các anh đưa biếu cũng eo hẹp phải chi tiêu dè xẻn trong khi trại Cẩm Giàng bỏ không nên mẹ tôi lại trở về quê.

Báo Phong Hóa ngày càng gia tăng và số anh em cộng tác cũng nhiều, nhưng tiền vốn quá ít nên phải tiết kiệm. Lương mỗi người có ba mươi đồng, với vật giá hồi đó phải ăn tiêu dè xẻn. Anh Tam đã có chị Tam buồn bán phụ vào, anh Tư đi làm có lương, chỉ mình chú Sáu là đói và nghèo nhất. Nhà



tranh vách đất, thậm chí đến cái mền cũng không có tiền mua. Một hôm sang sớm kêu chú có việc, thấy nằm đắp cái chăn dạ mỏng, vì lạnh quá đắp thêm cả cái khăn giải bàn và áo mưa nữa. Nhà ở ven Hồ Tây mùa đông lạnh giá làm sao chịu nổi.

Tôi hỏi thím Sáu cái mền bông đã đặt tiền cùng với chị dâu không mang ra đắp. Thím nói cái mền có ba đồng, đặt trước một đồng rồi, còn lại hai đồng thôi mà em vay không được nên đành bỏ mất, có lấy được đâu.

Sau mẹ tôi phải mua cho chú ấy cái mền bông khác kéo sợ lạnh quá sinh bệnh.

Báo bán chạy, các anh về nói với mẹ tôi gọi cỗ phần hùn vốn mua nhà in vừa in báo vừa in thuê sẽ lời nhiều. Thế là nhà in NGÀY NAY ra đời.

Các anh mãi mê sáng tác, soạn bài vở nên giao việc trông nom ăn loát và lấy quảng cáo cho một người bạn vì quá tin nên không kiểm soát gì cả. Trong hai năm ông ta thụt kết mất một số tiền lớn, sau này có người mách các anh xét lại sổ sách mới rõ, thật là cay chua.

Bao nhiêu hy vọng, chịu cực chịu khổ của các anh trở thành vô ích. Mẹ tôi biết chuyện, bà la các anh một trận. Bà bảo có thể các anh mới mở mắt ra,

cứ tưởng ai cũng lý tưởng trong sạch như mình.

Cũng vì xảy ra như vậy, về sau tất cả đề nghị anh Tư đứng ra quản trị nhà in, chồng tôi về làm phụ tá, tiền bạc anh Tư giữ. Nhờ đó mấy năm sau được lời nhiều, mua thêm máy lớn, chữ mới. Nhà in trở nên đồ sộ, có thợ làm ngày và làm đêm, giúp cho bao người có công ăn việc làm.

Các anh cư xử với thợ rất tử tế, lương cao nên ai cũng làm việc hết sức mình. Lương các anh cũng tăng thêm, lại lập ra một quỹ cứu cấp để tương trợ ban biên tập hoặc ban trị sự lúc ốm đau, quan hôn tang tế. Tùy theo trường hợp, có khi trừ vào lương một ít, có khi cho không.

Hàng năm chỉ có ngày kỷ niệm báo ra và ngày lễ Noel mẹ tôi mới đến tòa báo. Quanh năm bà ở Cẩm Giàng có một mình, chỉ có ngày giỗ ngày tết gia đình mới xum họp.

Mẹ tôi muốn lấy Cẩm Giàng làm quê hương nhưng các anh chê cảnh không có đồi núi không đẹp.

Sau lần đi chơi Tam Đảo về, các anh dự định mua ít đất ở chân núi để lập trại TỪ LÂM. Đất mua xong, bắt đầu cho vỡ đất, nơi thấp cấy lúa, nơi cao làm nhà và trồng cây. Anh Tam đã phác họa sẵn kiểu nhà. Anh bảo sẽ làm cái nhà lớn ở chính giữa để mẹ



tôi ở, các con làm mỗi người một cái nhà ở xung quanh. Nhà cô Năm sẽ ở gần mẹ nhất. Nhà dành cho bạn hữu thì ở rải rác xa xa. Nghe anh nói, lại nhìn hình vẽ, cảnh thật là thần tiên, lòng ai cũng nôn nóng. Riêng mẹ tôi vẫn thản nhiên, có lẽ vì bà đã nhiều tuổi, hoặc giả thấy nó xa vời quá e khó đạt thành, mà cho có thành tựu được chắc cũng còn lâu lắm. Mẹ tôi đã già rồi, sống chết chẳng biết lúc nào, trại Cẩm Giàng lập được cũng mất bao công lao khó nhọc, tuy chẳng rộng rãi khang trang, cảnh quê bằng phẳng không có núi cao sông rộng nhưng đối với mẹ tôi cũng đủ để an hưởng tuổi già thanh thoi rồi. Đó là ý nghĩ của tôi còn mẹ tôi có tâm sự riêng làm sao tôi biết được.



HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ

sông, anh Tam hay đi các tỉnh Đồ Sơn, Thanh Hóa, Vĩnh Yên, Thái Bình. Có khi anh về ở hẳn trại Cầm Giàng, nói là cho yên tĩnh để viết văn. Đầu ngõ anh lập hội kín chống Pháp.

Ít lâu sau bị phát giác, chắc có kẻ làm phản. Tuy chưa có chứng cứ gì rõ rệt, chính quyền cũng đến tòa báo bắt anh Tư, Ông Khái Hưng, anh Tam lúc đó còn đi lang thang ở các tỉnh, người nhà cũng chẳng biết anh đi đâu mà báo tin.

May sao hôm đó tôi và chị Tam lên nhà người em chị ở Hàng Than để hỏi thăm tin tức, vừa bước ra đường thì thấy anh đang thư thái từ đầu đường đi lại. Chị Tam mừng quá nói líu cả lưỡi. Anh bảo anh mới ở Thái Bình về, đi nhờ xe người bạn. Sau khi



biết tin, anh bảo chị em tôi đi theo xa xa canh chừng, anh vào căn nhà người Nhật ở gần đó. Tôi và chị tôi lo quá, may không ai chú ý gì.

Nhiều năm sau tôi không được gặp lại anh. Anh Tư tôi bị bắt, bị tra tấn bằng điện dũa dũa, anh gan lì không chịu tiết lộ gì nên họ cho đi an trí ở huyện Vũ Bản, Vĩnh Bình cùng với ông Khái Hưng, suốt trong hai năm, ông Khái Hưng làm y tá vì có biết chút ít về thuốc, anh Tư trông coi về ẩm thực sang chợ mua thức ăn về anh em trong tù thối nấu lấy ăn nên cũng khá và đầy đủ hơn.

Mỗi tháng chị Tư lại lên thăm, lần nào cũng qua cấp biểu hậu hỹ lão giám đốc nên họ cũng nể. Vì khi chị lên thăm, anh được tự do vào rừng chơi, vẫn mặc áo phục như đi săn. Cũng vì không có chứng cứ rõ rệt, chỉ mới tình nghi thôi, họ thừa biết anh Tam tôi mới là nhân vật quan trọng.

Sau này tôi được biết anh Tam nhờ người Nhật trốn qua Nhật, ở ít lâu thấy không nhờ gì được, anh sang Tàu. Đến nơi lại bị nghi là làm gián điệp cho Nhật nên bị giam mất bốn tháng. Sau nhờ cụ Nguyễn Hải Thần biết tin can thiệp cho được thả ra, anh lại tiếp xúc với các anh em đảng phái lưu vong qua bên đó tiếp tục hoạt động.





Thạch Lam



CÁI CHẾT CỦA THẠCH LAM

Chú Sáu trông nom nhà báo được ít lâu bị yếu phổi phải nằm nhà dưỡng bệnh. Biết tính chú ưa tính nên dù ở gần tôi cũng ít sang thăm.

Một tết Trung Thu, chú mời tất cả các bạn thân đến ăn bánh thưởng trăng Tây Hồ. Anh em ai tới phải mang theo bánh, các bà không được tham dự. Thím Sáu và chị Song Kim vợ Thế Lữ rút vào nhà trong pha trà, cà phê. Tôi vì có cháu bé nên không sang được, Trung thu năm đó lại mưa bão không có trăng, các ông ngồi chật cả ba gian nhà. Sự chủ nhân buồn, ông thì hát chèo cổ, ông thì hát trống quân, người thì ngâm thơ, kẻ cũng vui, không có cảnh trăng trong gió mát thì cảnh mưa bão hồ Tây cũng đẹp.

Tết năm đó tôi cùng chú về quê ăn Tết. Hai

mười tháng chạp tôi thu xếp việc nhà cho các cháu về trước. Chú Sáu ba mươi Tết mới về, nhà ở giữa cánh đồng, tuy có lũy tre bao bọc nhưng vẫn lạnh thấu xương. Chú về tới nhà là phải quạt một hỏa lò than hồng để sưởi, trên chăn dưới nệm vậy mà chú vẫn kêu lạnh. Mẹ tôi kêu con trai gì mà yếu thế, chú nói tại mẹ khỏe nên không thấy lạnh, giá mẹ xây một cái lò sưởi có phải ấm nhà và vui về bao nhiêu không.

Sau mẹ tôi phải cho đốt một đống củi lớn ở giữa nhà, trải ổ rơm xung quanh ngồi đánh bất đờ giao thừa. Tôi phụ với mẹ tôi bầy cỗ cúng bàn thờ và cúng trời đất. Đúng mười hai giờ người nhà lên đánh trống lễ, đỉnh trầm khói hương nghi ngút, không khí đầy điểm ảo.

Làm lễ xong cả nhà ngồi vào hàn huyên uống rượu mừng năm mới. Ai nấy im lặng, chú Sáu có vẻ buồn, lặng lẽ nhìn khói trầm, không ai nói câu nào như sợ tan vỡ một cái gì. Người nào cũng tưởng nhớ đến người ở xa vì Tết năm đó anh Tư còn bị giam ở Vũ Bản, anh Tam ở bên Tàu. Tết buồn, vắng, và cũng là cái Tết sau cùng của em Sáu tôi.

Tết ra, em đau yếu luôn, vẫn về ở bên căn nhà bên hồ Tây. Mẹ tôi phải dời trại Cẩm Giàng đem theo



một anh người nhà nữa để trông nom vì thím Sáu lúc đó đang có mang đứa con thứ ba. Mẹ tôi xem số tử vi cho chú ấy, nếu thím sanh con trai thì khó qua khỏi được. Vì vậy hôm báo tin sanh con trai, chú thở dài nói con trai mà làm gì. Đứa bé ra đời được ba ngày chú trở bệnh nặng. Mẹ tôi biết khó sống được nên lên lên nhà báo sanh đón hai mẹ con về. Tôi bế thằng bé ra cho chú coi mặt. Chú liếc nhìn và khen trông nó khỏe đấy. Nó sau này là cháu Nguyễn Tường Giang.

Sáng hôm sau sang thăm, thấy hai mắt chú sáng trong. Tôi ngồi xuống cái ghế cạnh giường, nắm tay chú, bàn tay ấm và mềm. Chú bảo chị đẩy em lên cao một tí để em nhìn thấy cây liễu, chú phàn nàn anh người nhà đem chặt đi mất một cành liễu rủ xuống làm mất đẹp. Tôi biết chú vốn quý cây liễu ấy lắm, nhưng không ngờ lúc đau ốm gần kề với cái chết mà vẫn còn để ý đến vẻ đẹp thiên nhiên, như vậy chú còn ham sống yêu đời lắm. Năm đó chú mới ba mươi ba tuổi. Có một hôm chú bảo tôi hôm nào em khỏi chị cho em ăn một bữa cơm nguội với dưa chua và cá kho, sao mà ngon thế. Chị có nhớ hôm đi chơi khuya về chị lấy cho em ăn đó. Em vẫn ao ước hôm nào khỏi lại được ăn như thế. Tôi cười bảo bây giờ chú ăn chưa chắc đã thấy ngon. Ăn ngon phải đúng lúc

mình thật đói và trong người khỏe mạnh mới ngon được.

Từ hôm bệnh trở nặng, chú Bách (tên chú Bảy) thường ở luôn bên cạnh anh. Chú Sáu đang nằm tự nhiên bảo đỡ ngồi dậy. Mọi người đưa mắt nhìn nhau. Thím Sáu ở trong buồng chạy ra ngồi đỡ một bên. Mẹ tôi ngồi một bên. Thấy thím khóc, chú bảo tôi đã chết đâu mà khóc. Hai anh em nói tiếng Pháp với nhau, tôi thấy chú Bách bỏ ra cửa, chú Sáu gọi "Bách, Bách", chú Bách chỉ quay đầu lại thôi chứ không trở lại, tôi chực gọi thì thấy hai hàng nước mắt chú tuôn rơi, lúc đó tôi mới hiểu. Nhìn lại thấy chú Sáu đuổi hai chân thẳng ra. Thế là đi luôn.

Tiếng khóc của mẹ tôi, của thím Sáu cùng nổi lên một lượt, riêng tôi vẫn còn hoang mang, không thể ngờ chú còn tỉnh táo như vậy mà cái chết đã đến quá mau chóng. Người khóc nhiều nhất là chú Bách, từ nhỏ tới giờ không bao giờ thấy chú khóc nhiều như vậy. Có lẽ vì đã học năm thứ năm trường thuốc nên biết lúc đó là lúc anh mình phải chết mà mình bất lực không làm gì được.





Mẹ của tác giả, Nhất Linh, Hoàng Đạo và Thạch Lam.



XUỐNG TÓC

Năm sau chú Bách thi ra trường đỗ đầu. Mẹ tôi bảo bây giờ chú đã học thành tài rồi, ưng ai để mẹ cưới cho, còn có chú nữa là xong. Nhưng chú chẳng ưng đám nào cả. Mẹ tôi bảo thôi để tùy ý chú ưng ai thì lấy.

Chú Sáu mất, mẹ tôi cho đón cả bốn mẹ con thím về ở dưới trại. Thấy vậy tôi mới được yên tâm vì từ khi tôi lấy chồng, đi theo chồng, để mẹ tôi có một mình dưới quê cũng buồn.

Nhưng sự việc không được như tôi mong muốn, vì mẹ chồng nàng dâu không hợp nhau. Bà vốn hay làm và cần kiệm, đó cũng do hoàn cảnh ngày xưa quá nghèo, lại không nương tựa được vào ai. Một mình mẹ tôi lo buôn bán phụng dưỡng mẹ chồng và nuôi đàn con ăn học thành tài. Giá như người khác chắc



các anh tôi chỉ có đi làm thợ hay làm thuê mà thôi.

Vụ lúa tháng mười tôi thường về quê phụ giúp với bà thu mua thóc lúa. Tôi thích đi tới các làng, nhà nào nhà nấy thóc đồ đầy sân, trời nắng hanh khô, ngoài cánh đồng lúa chín vàng đến tận chân trời. Đó đây rải rác người gặt lúa nhịp nhàng. Mùi lúa đưa lên thơm nồng.

Mẹ tôi dẫn hai chị em ở nhà coi gặt hái, mẹ tôi cùng với cậu tôi sang chùa Đào Xuyên làng Hưng Yên có giỗ tổ. Tôi hơi ngạc nhiên vì mẹ tôi thường cũng ít đi lễ chùa. Nếu có thì vào dịp Tết, ngày hội chứ ít khi vào ngày mùa như lần này. Tôi nghĩ chắc có cậu tôi rủ nên cũng không để ý.

Mấy hôm sau, vào buổi trưa hai chị em đang ngồi ngoài sân thóc, nhìn ra cổng chợt thấy một sư bà đi vào, dáng đi thông thả, áo nâu sồng rất đẹp. Tôi tưởng sư bà ở Hải Dương lên. Hai chị em vội chạy ra thấy người ngả nón ra cười, té ra là mẹ tôi. Bà đã sang chùa thể phát đi tu. Tôi ngạc nhiên, vào nhà mẹ tôi mới kể nguyên do. Từ khi thầy tôi mất đi, mẹ tôi đã có ý nguyện đi tu rồi nhưng vì các con còn nhỏ. Mẹ tôi tự hứa là bao giờ các anh đỗ đạt, trai có vợ gái có chồng hết rồi, mẹ tôi nhất quyết đi tu.

Nhưng nếu tu theo lối thông thường cực khổ lắm,

mới vào tu phải làm tiểu, phải hầu hạ các vị sư tồ, lại phải làm đủ các việc nặng nhọc, như vậy tu sao được. Nhân một hôm có sư ông đến chơi với cậu Hội, em mẹ tôi, mẹ tôi đem vấn đề ra hỏi thì sư ông cho biết là nhà chùa đã có đặt ra một lối để cho các cụ tu được, là lệ này đặt ra từ đời Lý. Mỗi khi có một vị vua băng hà, bao nhiêu cung tần mỹ nữ, người thì ra lăng hương khói phụng thờ, người thì muốn đi tu. Vì thế nhà chùa có lệ riêng để họ khỏi phải làm tiểu, sau khi thế phát là tu ngay, nhưng phải học kinh gọi là học hạ trong hè từ rằm tháng tư tới rằm tháng bảy ba tháng một khóa học là lên sư ni, rồi lên sư bác, sư bà, sư cụ. Qua ba pháp, có ba áo cà sa. Tu như vậy gọi là tu bán thế, còn nếu tu từ nhỏ gọi là tu đồng tử.

Tu bán thế có phần kém vế, khi học hạ cho dù đã là sư bà sư cụ cũng vẫn phải ngồi chiếu dưới.

Biết rõ như vậy rồi mẹ tôi và cậu tôi cùng có ý định đi tu cả. Sợ con cháu biết được cầu ngăn nên âm thầm ước hẹn với bên chùa may sẵn áo sống định ngày làm lễ. Hôm đó có nhiều vị cao tăng nhiều tuổi, trên tám mươi cả, như vậy mới xứng để làm lễ thế phát vì phép nhà chùa bắt phải quỳ lễ sống các vị



Tôi không thề nguyền, mẹ tôi vốn thích ăn ngon mặc đẹp mà nay đưa muối nẫu sống được thật là lạ. Nhưng đó là ý nguyện của người đã từ lâu; nay đạt thành được nên vui vẻ vô cùng. Sớm hôm lo kinh kệ, lâu lâu lại bàn luận về ý nghĩa đạo Phật với cậu em. Bà vẫn tu tại gia, chỉ sang chùa để học hạ. Bà có ý định sau này sẽ lập chùa riêng nên chịu khó học kinh kệ, phép tắc nhà chùa. Sau khi đã tu rồi, mẹ tôi nghỉ buôn bán, ruộng vườn thóc lúa giao hết cho người em dâu tôi trông nom.

CÁI CHẾT CỦA HOÀNG ĐẠO



Hoàng Đạo

Bị an trí hai năm, anh Tư được thả về, ít lâu sau anh Tam cùng với cụ Nguyễn Hải Thần về nước,



các đảng phái hợp nhất với Việt Minh. Tòa báo đề cho đăng in báo của đảng. Hai Anh Tam, Tư ra làm bộ Trưởng : anh Tam bộ trưởng ngoại giao, anh Tư bộ trưởng kinh tế.

Các anh ít dám đi đâu, có xuống nhà tôi ngắm cảnh hồ cũng phải kè kè có người mang súng đi theo. Không khí có vẻ khó thở, có cái gì bí mật bao trùm. Tôi có hỏi chắc các anh cũng không tiết lộ gì được.

Mấy tháng sau, một hôm anh Tư xuống chơi, vẻ mặt không vui, tôi hỏi anh công việc thế nào có ở yên được không hay là phải đi. Anh nghe không rõ tưởng tôi có ý định đi nên anh bảo cô chú cứ ở đây đâu cần đi đâu. Sau vỡ lẽ, anh gượng cười nói có lẽ sắp phải đi nên hôm nay xuống thăm cô, còn chuyện đi thì không biết trước được.

Lúc tiễn anh ra cửa tôi thấy hai người hộ vệ đứng ở ngoài ngõ. Đó là lần cuối cùng anh em gặp nhau.

Ít hôm sau lại có chú Bảy đã lâu không thấy cũng đến chơi. Các con tôi chạy lại hỏi tíu tít và thò tay vào túi để tìm kẹo, ai ngờ lôi ra toàn là đạn. Tôi hỏi tình thế gay go lắm sao mà, lúc nào cũng mang súng với người hộ vệ. Chú bảo hai bên không thể hợp tác với nhau được, người nào ra đi một mình là

mất tích luôn nên phải cẩn thận... Đùa chơi với các cháu một lúc chú ra về, từ đó tôi cũng không gặp lại.

Anh Tam làm Bộ Ngoại Giao, sau khi lên Đà Lạt hội nghị với Pháp không thành, anh trốn qua Tàu luôn. Tại nước nhà, các đảng phái ở Vĩnh Yên bị đánh úp thua trận, tận đường cũng kéo quân qua Tàu.

Trong lúc tình thế rối ren như vậy anh Tư tôi lại kết chức bộ trưởng kinh tế ở Hà Nội. Sau Việt Minh cử anh lên Vĩnh Yên hòa giải với các đảng phái khác, có hai người nữa cùng đi. Giữa đường gặp anh em, tất cả đều không chịu bèn đuổi hai người cùng đi về, kéo nhau đi luôn, ở nhà cũng không biết tin tức gì.

Mãi nửa năm sau mới báo về cho nhà biết là cùng với anh em đi bộ suốt hai tháng ròng mới tới Côn Minh. Vì không chuẩn bị nên chỉ có một đôi giày, sau giày rách phải đi chân không trèo đèo lội suối, tiền cũng chẳng có một đồng.

Hai anh sống cực khổ mất một năm, bên nhà các chị tôi mới đem tiền bạc sang. Nhưng tính anh Tư không chịu hưởng một mình, nên sau khi chị tôi về, anh đem tiền chia đều hết cho các anh em, đến cái khăn mặt cũng chia đôi. Vì vậy sức khỏe ngày một sút kém, trông hình thấy già đi hàng chục tuổi.



Lần thứ hai chị Tư đem thằng cháu lớn cho sang thăm bố, sau khi đưa vợ con sang Hồng Kông để đi máy bay về, anh đi xe lửa trở lại Quảng Châu, tới ga Thạch Long, rồi mất luôn tại đó ngày mười sáu tháng sáu năm Mậu Tý, tức ngày 22-07-1948.

Nhân viên xe hỏa đưa xuống quán tại ga Thạch Long rồi đánh điện về cho anh Tam biết. Chị Tam cùng sang với chị Tư nhưng ở lại về sau. Nhận được tin ai nấy ngần ngại không biết tính sao vì bao nhiêu tiền đã đưa hết cho anh Tư đem sang Hồng Kông để đổi lấy quan kim.

Chị Tam phải tháo chiếc vòng đeo tay đem cầm tạm lấy tiền để đi. Anh em ai cũng muốn đi nhưng tiền có hạn nên sau chỉ có hai vợ chồng chú Bảy và anh chị Tam đi. Đến nơi chú khám nghiệm thật kỹ sợ anh Tư bị đầu độc. Chuyện này có hay không cũng khó biết được.

Tiền nong đem theo còn đủ cả, nhờ dân địa phương mua một áo quan thật tốt khâm liệm, chôn tại nghĩa trang gần đó. Đám tang cũng giản dị như đời sống anh vậy.

Một năm sau chị Tư sang thăm xây mộ cẩn thận. Cũng còn may hồi đó nước Trung hoa chưa là cộng sản nên đi lại được dễ dàng. Chẳng biết có trùng hợp

hay không mà anh tên Long lại chôn ở nghĩa trang Thạch Long. Ngày anh còn bé, mẹ tôi xem số nói là không được thọ, lúc mất anh mới có bốn mươi hai tuổi. Vậy cũng còn hơn chú Sáu mới ba mươi ba đã mất rồi.

Khi anh Tư mất, mẹ tôi đang tu ở chùa Hai Bà. Mẹ tôi nhờ nhà chùa làm mấy mâm cỗ chay để cúng và làm lễ phát tang. Các cháu tôi đông đủ cả nhưng phần đông nào có biết mặt ông chú ông bác ra sao mà thương nhớ, chỉ nhớ nhất là được ăn một bữa cơm chay rất ngon.

Riêng vợ chồng tôi thương nhớ anh nhiều vì lúc nào anh cũng đề ý đến cuộc sống của chúng tôi, và cố tìm hết cách giúp đỡ, tuy anh cũng chả có nhiều tiền gì hơn bao nhiêu nhưng tình anh em thiết tha với nhau là quý. Đến khi phải ra đi cũng còn cố xuống thăm lần cuối.

Mấy năm sau anh Tam tự nhiên về nước. Chú Bảy kẹt làm bác sỹ bệnh viện Quảng Đông và có vợ con nên không về được. Sau chú định về nhưng anh Tam khuyên nên ở lại chờ tình thế sáng sủa hơn.



CÁI CHẾT CỦA ANH HAI

Đến năm Việt Minh nổi dậy (1945), mẹ tôi không dám ở nhà, lánh sang chùa Đào Xuyên. Ít tháng sau, Việt Minh bắt cả các sư ông tham gia chiến trận. Sư ông chùa Đào Xuyên bị làm chủ tịch kháng chiến nên đưa mẹ tôi qua chùa sư nữ tận bên Bối Khê. Đi đâu bà cũng giấu kín tông tích, sợ lộ ra là mẹ anh Tam sẽ bị bắt.

Sư ông sau bị Pháp bắt giam ở Hà Nội. Họ nghe đồn anh Tam đã ra làm việc với Pháp nên cho người sang nói đưa bà về Hà Nội để nhờ thả sư ông. Dù biết rõ không khi nào anh tôi làm việc cho Pháp, bà vẫn nhận lời để họ đưa về. Cũng may về được Hà Nội, nếu ở lại là nguy vì ít lâu sau có người ở Bối Khê hỏi cư về đến thăm kẻ lại là sau khi mẹ tôi đi được hai ngày, lính ở phủ về bắt bà.

Chị Tam thì chạy về quê ngoại ở làng Phụng Vũ, phủ Thường Tín, có ông anh cả làm chủ tịch kháng chiến, lại có nhà gạch hai tầng rộng rãi nên tất cả anh em bạn hữu đều chạy về đây cả. Những người chạy trước còn mang theo được chút ít tiền bạc, người đi sau thường là tay không mà đi. Anh Hai tôi cũng ở trong số những người này.

Hồi cho các cháu chạy về quê nội, tôi có rủ mà anh chị không chịu đi. Đến khi Pháp chiếm hết tỉnh rồi, làng Yên Phụ cũng tản cư hết còn có vài nhà, kẹt không có lối ra, sau nhờ thuyền chài chở thuyền ban đêm mới đi thoát. Anh chị Hai tôi không mang theo được tí gì, phải vào chỗ chị Tam tá túc. Chị Tam đã chở được một ít cau khô từ trước, nay chỉ việc bán cau là có tiền.

Gia đình tụ họp đông đủ. Bỗng một hôm lính phủ về khám xét bắt anh Hai, chị Tam, cậu em chị và thằng cháu lớn mười lăm tuổi dẫn đi. Nhốt ở phủ một đêm, sáng hôm sau cho gọi chị Tam và thằng cháu lên hỏi, may sao lúc đó máy bay Pháp dội bom ngay phủ. Bộ đội đang ăn cơm sáng, nhiều người bị thương, nhốn nháo cứu chữa nên không để ý đến hai mẹ con. Thằng cháu lớn mỗi lần về quê vẫn thường đi bắn chim chơi nên biết rõ phủ có cổng sau



ra cánh đồng, nó liền dắt mẹ chạy băng qua cánh đồng về bên quê bà dì ruột ở Cự Đà, Hà Đông.

Anh Hai tôi cùng người em chị Tam bị bắt dẫn đi, chị Hai theo tới Tuyên Quang phải quay về vì chị có thai sắp tới ngày sinh. Sau chị sinh được một bé trai lên ba tuổi thì mất. Còn anh Hai từ đó không được tin tức gì có lẽ bị Việt Minh thủ tiêu giống như trường hợp Khái Hưng. Cái chết của anh Hai có lẽ phần vì anh là anh ruột của Nhất Linh, Hoàng Đạo, phần vì anh đã hoạt động chính trị đảng phái (Việt Nam Quốc Dân Đảng). Hiện nay anh còn một con trai lớn độc nhất sống ở trong Nam.

Về bên nhà bà dì, ai cũng tốt không sợ liên lụy, đào hầm dấu trong nhà, mẹ con chị Tam ban đêm mới dám lên thở chút khí trời. Cứ lẩn trốn như vậy đến năm, sáu nơi vì sợ ở lâu một chỗ tự vệ làng sinh nghi. Về sau nghe nói có nhiều người đã hồi cư về Hà Nội được, Pháp không làm khó dễ mà còn tiếp đón niềm nở, nhất là đàn bà con nít không bị đề ý, tôi liền nhờ người đưa hai mẹ con về được Hà Nội bình yên.

Nhà cửa bị tàn phá hết, may còn được một trăm bồ cau ở Quảng Nam gửi ra để nhờ ở kho Tàu, chị bán đi lấy tiền sinh sống, mua vàng gửi qua Quảng

Cháu cho các anh ở bên đó.

Trại Cầm Giàng bị đốt phá hết. Đất ruộng lại trở thành đất ruộng. Căn nhà của mẹ tôi như ở trong một giấc mộng vậy nay chỉ còn lại mấy tấm ảnh. Mẹ tôi lên tu ở chùa Hai Bà.





Nhất Linh ở Đà-Lạt



CÁI CHẾT CỦA MẸ TÔI VÀ NHẤT LINH

Đất nước chia đôi (1954) các anh ra đón mẹ tôi vào Nam.

Về sau tôi và thím Sáu có trở lại Cẩm Giàng. Vì sinh kế tôi về mua gạo, rau, gà, cá đem về Hà Nội bán. Trước khi vào Nam tôi về Cẩm Giàng một lần cuối, cho mời tất cả những ai đã cầm ruộng, trâu bỏ lại. Về ruộng tôi viết giấy bán lại cho họ có giá tiền hằn hoi nhưng thực sự tôi không lấy đồng nào cả. Lúc đầu họ nhất định không nhận, tôi phải giảng giải mãi họ mới chịu hiểu. Ai cũng buồn là phải xa gia đình chúng tôi, chứ không hề mừng có được ruộng đất. Họ còn hứa khi nào mẹ tôi trở về họ sẽ trả lại hết. Tôi cũng đành nhận lời cho họ vui lòng, thâm tâm đã nghĩ chuyến này đi rồi xa quê hương



cũ đề lập một quê hương thứ hai chưa biết được là ở nơi nào.

Thế là chấm dứt quê hương ở Cẩm Giàng. Nói là quê hương thì cũng không đúng, Cẩm Giàng chỉ là nơi sinh thời ông nội làm tri huyện. Còn chính quê ở làng Cẩm Phồ, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (Hội An). Thời vua Tự Đức cụ tổ phải dời ra làm quan ngoài Bắc, lúc mất nhà vua cho đưa linh cữu về chôn ở quê nhà. Ông ngoại người Huế làm quan võ nhưng lúc mất chôn ngay ở Bắc (Cẩm Giàng) vì ra đây đã ba đời rồi. Chính vì thế không ai ngờ chúng tôi là người Quảng Nam. Đến khi lớn lên mới có dịp về thăm quê.

Sinh trưởng từ nhỏ ở Bắc nên từ giọng nói đến lối sống phong tục, nhất nhất đều theo Bắc hoàn toàn. Viết tới đây tôi lại nhớ hồi anh Tư chưa lấy vợ, làm lục sự tòa án ở Đà Nẵng có người bạn cùng sở cũng tên là Long làm mối cho anh một cô gái Huế, con ông Hồng Lô tự Khanh chi đó. Cô ta cũng khá xinh đẹp, anh Tư lại không chịu, biên thơ về cho mẹ tôi nói là con không thích lấy vợ Huế đâu, thôi ta về tắm ao ta cho rồi.

Đọc xong thơ, tôi và mẹ tôi nghĩ đến câu thơ cùng đều cười lăn. Mẹ tôi bảo họ mình, nội thì



Quảng Nam, ngoại thì Huế chứ có tí gì là Bắc đẩu mà đòi ta về ta tắm ao ta. Thế mà lại đúng, vì chị Long tôi là gái Bắc một trăm phần trăm.

Anh cả đã đổi vào Saigon làm việc (Giám Đốc Bưu Điện) hai năm trước hiệp định Genève. Mẹ tôi cũng vào để kịp gặp anh Tam trước khi anh sang Pháp thăm người con trai lớn du học bên đó. Ở được ít tháng anh lại về, lên ở luôn Đà Lạt vào rừng kiểm lâm.

Anh rủ mấy người bạn mua đất ở Phiên Nôm bên giòng suối Đa Mê cách Đà Lạt hai mươi lăm cây số, hạ cây rừng xẻ gỗ làm nhà.

Nhà mới dựng lên vì thợ sơ ý không chống kỹ nên đổ sập xuống, kéo cột gãy bết. Mẹ tôi cho là điềm không hay nên không cho dựng lại nữa. Thế là hai lần định tạo dựng đều không thành cả. Chỉ còn lại nhà bếp, mẹ tôi ở được ít lâu thì đau. Anh Tam phải đưa về ở căn nhà nhỏ của chị Tam mua từ hồi 1954 ở đường Lý Thái Tổ.

Về ở được hai năm là bà mất tại đó, ngày mười sáu tháng bảy năm Nhâm Dần tức ngày 15-08-1962. Cả cuộc đời lúc nào mẹ tôi cũng phải tự lo lấy, khi còn trẻ lo cho các con ăn học thành tài, lớn lên lo dựng vợ gả chồng, chỉ mong sao có thể an nhàn hưởng thú điền viên, ai ngờ lại gởi thân nơi xa lạ, âu cũng



là cái số.

Lúc mẹ tôi mất chỉ có tôi và anh Cả tôi ở bên giường, Anh Tam phải lẩn tránh chính quyền họ Ngô, khi mẹ chết cũng chẳng dám về chịu tang, sợ bị bắt, thật đáng buồn.

Mẹ tôi mất được một năm, anh Tam cũng phải hủy mình vì họ Ngô, ngày mười bảy tháng năm năm Quý Mão tức là ngày 07-07-1963. (1)

Anh Tam mất đi còn để lại căn nhà gỗ rường làm hết hai mươi lăm xu vì chỉ mất tiền mua đinh thôi, còn mẹ tôi khi mất đi gia tài chỉ có hai chục đồng lót dưới va li để ba bộ áo cà sa.

Đến nay gia đình tôi chỉ còn ba anh em, anh Cả tôi đã bảy mươi mốt tuổi đang nằm trên giường bệnh, tôi sáu mươi lăm tuổi, mỗi lúc về thăm anh em chỉ trao đổi vài câu chào hỏi. Em Bảy vẫn còn kẹt ở bên Tàu, thỉnh thoảng nhận được phong thư nghe tin nhà kẻ còn người mất, em tôi chỉ biết tự an ủi thời tre già đã có măng mọc. Bà nội, thầy mẹ tôi nằm xuống, tới bây giờ anh em tôi, mười năm nữa đây cũng nằm xuống cả, đã có bấy măng non tới bốn chục đứa, mong rằng chúng còn có thể vươn cao hơn và mạnh hơn cả ông bà cha mẹ chúng.

(1) Xin đọc thêm trong cuốn *Di cảo Nhất Linh* — *Phượng Giang xuất bản*.

Lời bạt

của Tiến Sĩ NGUYỄN ĐÌNH TUYẾN

Tôi đã đọc “Hồi Ký về Gia Đình NGUYỄN TƯỜNG - Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam” của nữ sĩ NGUYỄN THỊ THẾ.

Thiên hồi ký là tác phẩm tự thuật của chính nữ sĩ cũng như diễn tả bối cảnh cuộc đời và sự nghiệp của thân phụ và thân mẫu bà, nhất là thân mẫu, của gia đình bà và đặc biệt của anh bà, anh Ba Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, anh Tư Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long và em Sáu Thạch Lam Nguyễn Tường Vinh.

Khi viết về chính tác giả, bà đã tiết lộ các điều bà yêu, ghét, các sở thích của bà, những lần bà di chuyển theo gia đình, anh em. Bất cứ trong lúc nào, bà cũng tỏ ra một tánh tình hiền hậu, biểu lộ trong sự lo lắng cho cha mẹ, anh em. Có khi là một người em gái chăm sóc cho gia đình các anh. Có khi là người chị biểu lộ tình yêu đối với các em trai. Bà là con gái độc nhất trong gia đình Nguyễn Tường.

Về người mẹ, tác giả đã thuật lại hình ảnh của một người mẹ tận tụy nuôi con ăn học thành tài, dù phải bốn ba vất vả. Đó chính là hình ảnh của những hiền mẫu Việt Nam của một nhà thơ nào đó đã diễn tả trong bài thơ tứ tuyệt sau đây :

*Ngày xưa mẹ đóng cho con sách
Dành dụm cho con đến học đường
Ngày nay không vá non sông rách
Mẹ gởi con ra bãi chiến trường.*



Về Nhật Linh Nguyễn Tường Tam, người đã chủ trương tranh đấu cho độc lập của nước Việt Nam trên căn bản “dân tộc tự quyết” của hiệp ước Yalta như các quốc gia Algérie, Tunisie, Maroc, tác giả đã dựng được các huyền thoại về văn tài và về chính khách Nguyễn Tường Tam.

Về văn tài, tác giả “Nho phong”, “Người quay tơ” đã được nữ sĩ Nguyễn Thị Thế dựng lại từ lúc khởi đầu văn nghiệp đến lúc làm báo Phong Hóa, thành lập Tự Lực Văn Đoàn, nhà in Ngày Nay, những định chế đã đi vào văn học sử Việt Nam.

Về nhà cách mạng Nguyễn Tường Tam, tác giả Nguyễn Thị Thế đã tiết lộ “có kẻ làm phản” nên Nguyễn Tường Tam phải trốn qua Nhật và qua Trung Hoa, đến lúc trở về hợp tác với Việt Minh của Hồ Chí Minh, đến hội nghị Đà Lạt, rồi lại lưu vong, rồi lại trở về để lãnh bản án trước tòa án của chế độ Ngô Đình Diệm, nơi ông đã tuyên bố: “Không ai có quyền xét xử tôi, chỉ có lịch sử mới có quyền xét xử tôi mà thôi”.

Về Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long bị thực dân Pháp an trí vì là thành viên của Tự Lực Văn Đoàn, sau làm Bộ trưởng Kinh tế của Chính phủ Liên hiệp với Hồ Chí Minh, bà đã diễn tả cuộc đời cơ cực của Hoàng Đạo đã phải bỏ trốn sang Tàu rồi chết ở Côn Minh. Tác giả “Mười điều tâm niệm” là một khối óc phân tích và tổng hợp rất sâu sắc và giá trị của thời kỳ tiền Đệ nhị Thế chiến.

Về “em Sáu” Thạch Lam Nguyễn Tường Vinh, tác giả “Hà Nội 36 phố phường”, bà cho biết đó là một học sinh thần đồng mà Tú Mỡ đã ca tụng trong các câu thơ sau :



*Gửi lời mừng bác Nguyễn Tường Vinh
Đáng bậc thân đồng bọn học sinh...*

Nhà văn Thạch Lam đã qua đời trong lúc còn rất trẻ, lúc văn tài vừa chớm nở với tương lai đầy hứa hẹn.

Trong gia đình Nguyễn Tường, chúng ta sẽ mãi vẫn nhớ tên những nhà văn và nhà cách mạng như Nguyễn Tường Tam, Hoàng Đạo, Thạch Lam.

* * *

Hồi ký là tác phẩm trong đó tác giả ghi lại những gì chính tác giả đã thấy, đã nghe, đã suy nghĩ, đã cảm thông. Đó là một bộ môn lớn trong văn chương tự thuật về cuộc đời của tác giả, về các nhân vật chung quanh, về thời gian và bối cảnh tác giả đã sống. Có nhiều loại hồi ký như nhật ký (ghi những việc từng ngày), du ký (ghi các cuộc hành trình), hồi ký giả tưởng, hồi ký lịch sử.

Hồi ký khác với sử ký ở chỗ hồi ký ghi lại sự kiện với tính cách chủ quan (étalage du moi), còn sử ký có tính cách khách quan hơn.

Nhưng dù là hồi ký hay sử ký, muốn có giá trị, tác giả phải thành thật, ghi chép sự thực. Khi một hồi ký có giá trị của sự thực thì nó sẽ là một loại “danh nhân tự điển”.

Hồi ký (mémoire) thực sự phải do chính tác giả viết ra chứ không phải do người khác viết ra. Nếu người khác viết về một nhân vật nào đó thì tác phẩm được gọi là tiểu sử (biographie).

Hồi ký cũng như bất cứ tác phẩm văn học nào cũng có thứ dở, thứ hay. Hồi ký dở như của các bà Madame de Motteville, Elizabeth Cains, Belloc Lourdes đã bị rơi



vào quên lãng, không còn ai nhắc tới nữa. Nhưng những hồi ký nổi tiếng của Jean Jacques Rousseau, của Lamartine, của Churchill, của John F. Kennedy là những nhân vật nổi tiếng về văn học và chính trị là những tác phẩm có giá trị sáng tạo về văn học nên đã trở thành cổ điển, được dùng để giảng dạy ở tại các học đường và có thể sẽ lưu truyền mãi mãi cho hậu thế như những tác phẩm giáo khoa.

* * *

Giữa lúc ở hải ngoại có phong trào viết hồi ký nhằm vào thị hiếu của độc giả, nhằm mục đích tự biện minh, hoặc tự bào chữa và đôi khi có tính cách mạ lỵ cá nhân, thì thiên “Hồi ký về gia đình Nguyễn Tường - Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam” được tái bản. Đó là một thiên hồi ký trình bày tất cả những sự thực mà tác giả còn nhớ lại được trong cái bối cảnh của dân tộc dưới chế độ thuộc địa Pháp. Chính vì cái tính cách “thực” đó nên tác phẩm của nữ sĩ Nguyễn Thị Thế sẽ trở thành một tác phẩm cổ điển của văn học Việt Nam.

Vì ngày mai, dân tộc Việt Nam chỉ đọc những gì liên hệ đến sự thực - chứ không phải là những bản văn tuyên truyền. Ngày mai, dân tộc Việt Nam chỉ đọc và ngưỡng mộ những gì liên hệ đến chân tình của nhân loại như tình yêu cha mẹ, tình yêu anh em, tình yêu quê cha đất tổ, như cuộc đời và sự nghiệp của những văn nhân và danh nhân mà nữ sĩ Nguyễn Thị Thế đã trình bày một cách bình dị, thật thà trong một tác phẩm cũng bình dị và thật thà như chính con người của tác giả.

NGUYỄN ĐÌNH TUYẾN

Tiến Sĩ Văn Chương Đại Học Sorbonne



PHỤ LỤC

- Vĩnh Biệt Nhất Linh
- Thời Loạn Ly
- Về Quê
- Đời Người Đàn Bà
- Cảm Nghi của
Viễn Sơn Nguyễn Tường Bách



VĨNH BIỆT NHẤT LINH

Tôi đương ngồi nhìn ra giăng trúc đã đổi lá vàng ra xanh tại vườn nhà con gái tôi tại MacLean Virginia, rồi chợt nhớ sắp đến ngày 7 tháng 7, ngày giỗ anh Ba tôi. Tôi đã bỏ hai buổi tối cặm cụi viết về những buổi tối đã gặp gỡ anh lần cuối cùng và đám tang của anh. Con trai đầu của tôi từ Cali sang thăm, yên lặng ngồi xem tôi viết.

Sau khi anh Long tôi mất ở Quảng Châu ít lâu, chị Long tôi lại sang mang tiểu sanh xây mộ cho từ tổ. Ngày đó chưa có cộng sản nên đi lại rất dễ dàng. Còn anh Tam tôi thì theo ông Nguyễn Hải Thần, mấy quân đội Tàu về tước khí giới quân Nhật, sau lên Đà Lạt ở.

Anh Tam cùng mấy ông bạn là ông Kiếm và ông Lê Đình Dzoãn cùng ở với nhau bầu bạn. Anh Tam tôi hay vào rừng kiếm lan. Có thằng cháu bên ngoại đi giúp trèo cây, lấy những khóm lan trên cao rất đẹp và rất thơm. Con trai tôi lên chơi với con anh Tam về kể cho tôi biết. Tôi cũng mê lan lắm song làm sao có tiền lên



được.

Ở nhà thuê, ba ông thấy nhà chật hẹp, các ông mới rủ nhau mua đất ở Phiên Nôm, cách Đà Lạt 25 cây số thôi. Đây là đất tư của làng họ bán. Anh tôi rủ cả ông Bác sỹ Dinh và ông Dzoãn, nhưng mấy ông này vì có nhà rồi nên chưa tính làm nhà ở trên rừng. Chỉ còn anh Tam tôi, anh cho chặt cây rừng xuống làm nhà ngay để có nhà ngay bên suối Đa-Mê.

Nhà khung đã dựng lên rồi, chỉ còn đợi dựng vách gỗ nữa là xong, nên phải chống mỗi cột hai cái cột chống đỡ cho khung nhà đứng vững. Nhà này do cậu em mẹ tôi nói đứng ra trông nom dựng nhà giúp anh tôi. Một hôm chủ nhật, có các bạn ở Đà Lạt xuống chơi. Ông cậu tôi muốn khoe nhà lớn nên bảo thợ hạ hết cột chống đi. Thợ đã có can mà Cậu tôi không chịu nghe. Thế là nhà đổ ụp xuống, cột kèo gãy hết. Thợ và Cậu tôi cũng tính dựng nhà lại, song mẹ tôi ở Đà Lạt cho là điềm xấu nên nhất định không chịu cho dựng lại, thế là hai chị em lại giận nhau. Mẹ tôi nói sao lại nhờ cậu. Cậu có biết gì về việc dựng nhà cửa bao giờ đâu, chỉ biết nhờ vợ giàu, cứ bán thóc rồi đem tiền chơi cờ bạc thôi. Song anh Tam tôi đâu có biết thế.

Anh Tam tôi lại trở về Đà Lạt, thuê chung nhà ở với ông Kiêm và ông Dzoãn, Phiên Nôm chỉ có cái nhà bếp.

Mẹ tôi ở Đà Lạt ít lâu thì đau, nên tôi lại đón về Saigon chữa bệnh. Kết cục là về việc làm nhà bên suối, anh Tam tôi tiêu mất một số tiền kha khá, tiền Khai Tri



xuất bản sách và tiền lãi buôn cau của chị Tam. Chị Tam còn bỏ tiền mua các thứ cây ăn quả về trồng, sau cũng chán nên đất lại bỏ hoang.

Được ít lâu thì nhóm các ông ở Saigon thấy ông Diệm ông Nhu quá độc tài không lo gì được cho dân, nên đã có lên Đà Lạt bàn mời anh Tam về. Song anh Tam thấy lực lượng yếu kém khó có thắng nổi, nhưng can không được nên anh tính chỉ làm cố vấn thôi, hoặc xuống ngồi đó cho mạnh thế thêm. Anh Tam như vậy đã biết là khó thành công và đúng là đảo chánh thất bại, bị bắt đến cả hàng trăm người.

Hôm đảo chính thất bại, tôi lên nhà mẹ tôi ở 58 Lý Thái Tổ, thấy nhà cửa đóng kín. Tôi đi vòng cửa sau vào nhà, thấy anh Tam tôi ngồi ở dưới đất. Anh tôi chỉ hỏi cô vào đây có ai theo rồi không. Tôi nói em đi vào ngõ rồi lên vào nhà qua cửa sau nên không ai biết. Còn mẹ tôi nói với tôi, chề mấy ông đảo chính gì mà thất bại, lại nhát như thỏ chẳng biết chạy vào đâu, rồi ra sẽ cũng bị bắt hết. Thế là tôi lại đi cửa sau ra về.

Sáng hôm sau, tôi lên lại nhà mẹ tôi thời không còn thấy anh Tam nữa. Mẹ tôi cho biết ngay tối hôm qua, ông Bác sỹ Phiếm cũng là người bạn rất thân với anh Tam, nên đã có cho người báo anh biết ông sẽ mang đồ khám bệnh đến nhà coi như là khám bệnh cho mẹ tôi thôi. Vì ông có xe hơi nên sẽ lên đưa anh đến một nhà đồng chí để trốn ở đó luôn, vì sợ ra ngoài bị lộ.

Cứ như thế, anh Tam tôi lần trốn trong mấy năm liền. Như vậy anh sống cũng như ở tù vậy, mà còn viết

xong được cuốn Giồng Sông Thanh Thủy. Viết được truyện nào anh cũng nhờ ông Bác Sỹ Phiếm chuyển lại để tôi đọc cho mẹ tôi biết anh vẫn bình yên để mẹ tôi khỏi lo.

Được ít lâu, cảnh sát đến bắt con ông Phiếm tra khảo, song tất cả mọi người đều khai anh Tam tôi không có tham dự cuộc đảo chính, nên chính phủ mới nói là không lùng bắt anh Tam nữa. Do đó anh tôi mới trở về ở trên căn gác số 39 chợ An Đông. Tuy nhiên, từ ngày đó anh tôi không dám trở lại Đà Lạt nữa. Và lại mẹ tôi cũng không cho anh tôi đi đâu.

Bạn bè anh Tam cũng tránh đi lại thăm anh, chỉ có mẹ con tôi là hay ghé thăm anh. Thường thì anh chỉ trao đổi vài câu thăm hỏi về sức khỏe thôi. Tôi thấy anh Tam già và yếu đi nhiều, chỉ đọc sách trình thám cho đỡ buồn và một ngày chỉ ăn hai gói mì.

Một lần tôi lên thăm anh là sắp tới Tết ta. Anh hỏi có phải cô vẫn nấu bánh chưng ăn Tết không, vì thấy các cháu nói Tết đến trông bánh chưng tại nhà cô vui lắm, tôi cũng muốn tới cho vui. Tôi nói vâng, để hôm nào nấu bánh em cho cháu lên đón anh. Song đến hôm nhà tôi nấu bánh tôi có bảo cháu lên nhà đón anh, nhưng anh cũng ngại ngần không đến. Có lẽ là anh nghĩ, chỗ vợ chồng tôi ở trong khu Công binh, có nhiều nhà sĩ quan ở và không biết họ theo phe nào.

Đến ngày Tết, tôi mang bánh chưng lên biếu anh, tôi hỏi sao nấu bánh anh không đến. Các cháu đến quây quần trông bánh vui lắm. Anh chả nói gì. Riêng tôi nghĩ



cũng buồn cho anh ba tôi. Đời anh thế là mất tự do, thích lan mà chẳng được đi kiếm lan, thích ngắm cảnh hồ cũng chẳng được ngắm cảnh hồ.

Có lần tôi hỏi thẳng anh, họ đã tha cho anh không bắt, vậy anh có tự do rồi, anh muốn làm gì thì làm, sao anh còn ngại. Anh trả lời, cô không hiểu tôi chỉ ngồi đây đợi 2 năm nữa thôi. Anh nói đến đấy thì chị Tam ở dưới nhà lên nên anh lại không nói gì nữa. Riêng tôi về sau cứ mãi băn khoăn về câu anh nói chờ hai năm nữa là ý nghĩa ra sao.

Vào một hôm trước ngày 7 tháng 7, các con tôi lên thăm anh Tam về cho tôi biết bác có trát đòi ra tòa xử ngày mai, và chắc họ sẽ kết tội bác phá rối trị an và bỏ tù bác chứ không tha đâu. Tôi vội lên thăm anh Tam ngay. Tôi thấy hai con mắt anh sáng ngời, vẻ mặt hồng hào.

Tôi hỏi anh, sao em thấy có trát đòi anh ra tòa là thế nào. Họ nói họ đã tha anh rồi vì anh vô can trong vụ đảo chánh cơ mà. Anh Tam không trả lời vào câu hỏi của tôi mà chỉ hỏi lại hôm qua cô có coi cái phim có người bị oan ra tòa, sau nhờ có ông luật sư tìm ra manh mối cứu được. Tôi nói em không có đi coi, nhưng các cháu đi coi về kể lại em nghe thôi. Tôi lại hỏi anh mai anh phải ra tòa anh sẽ nói sao. Anh cho tôi biết anh sẽ không nói gì hết, chỉ im lặng thôi. Tôi hỏi im lặng trước tòa được ư. Anh bảo đã có luật sư nói hộ.

Khi tôi nói đến đây, chị Tam ở dưới nhà lên, anh Tam không nói gì thêm nữa. Thế là tôi đưa chị xuống



dưới nhà. Chị khóc khóc mếu mếu làm tôi lo quá. Hai chị em hẹn sáng mai kể lể với nhau rồi tôi về.

Sáng hôm sau (7.7.1963), tôi đi sớm ghé con gái mượn ít tiền đi chợ. Vừa bước vào, bà xui gia thấy mặt tôi hơn hớn, bà mới cho biết là ông Tam tự tử chết tối qua rồi. Sáng nay thằng Ngạc gặp anh Viên đi gọi điện thoại lên Đà Lạt báo Tuần về ngay.

Tôi bàng hoàng nghe hết câu là ba chân bốn cẳng chạy ù lên số 39 An Đông.

ĐÁM TANG

Vừa lên nhà anh chị Tam thì gặp cháu Thoa, con gái anh. Hai cô cháu ôm nhau khóc như mưa sa gió táp. Cháu nói cậu cháu được bác sỹ Phiêm đưa ngay vào nhà thương Grall, lúc đó cậu cháu còn thở nhưng bây giờ chết thật rồi. Cháu ghé về nhà lấy mấy thứ đồ rồi vào ngay nhà thương. Có đi với cháu luôn thể.

Hai cô cháu vừa khóc sụt mướt lên xe vào nhà thương. Vào đến nơi thời họ đã đưa xuống nhà xác. Khi tôi đỡ chân ra để được ngó mặt anh tôi, thời có cái sáo rơi xuống. Tôi lấy làm lạ hỏi cháu Thoa thời nó cho biết có con gái nuôi của cậu cháu (con gái chị Nguyễn Thị Vinh) tối qua đem sáo vào nhà xác thổi suốt đêm cho ông nghe. Thối xong nó tặng luôn chiếc sáo và nói từ nay nó sẽ không còn thổi sáo cho ai nghe nữa đâu.

Thế là tôi thu xếp việc nhà để vào ở luôn trong bệnh viện, và tôi cũng mang cả mo kinh Phật vào tụng niệm cho anh tôi, vì lúc đó tình hình lộn xộn, các vị sư



cũng khó mà vào được nhà thương.

Từ đó, mỗi đêm chính quyền phải nhờ bác sỹ Phiêm vào nói với chị Tam tôi là phải đưa đám ngay. Chị Tam chỉ khóc, nói lúc sống chồng tôi cũng chẳng có tội gì hết, nay chết lại bắt phải chôn gấp là sao. Họ cứ hỏi thế bà còn đợi ai. Chị nói phải đợi đưa con dâu của chúng tôi (Nguyễn Tường Việt) ở Pháp về.

Từ hôm anh tôi tự hủy mình, đêm nào chính quyền cũng cử người đến áp lực chị tôi và gia đình dài dài như vậy. Ngay đêm đầu, chính quyền đã đòi hỏi một toán bác sỹ nhà thương đến khám và mổ xác anh tôi xem anh tự tử bằng chất gì.

Buổi sáng hôm sau, tôi và cháu Triệu - con thứ ba của anh tôi - vào xem lại xác anh tôi. Cô cháu mới vạch tóc đầu anh tôi thời thấy có vết mổ và họ còn mổ bụng đem ruột gan ra ngoài khám nghiệm. Ôi ! Anh tôi ruột thì ngay thẳng, óc thì nặng về yêu quê hương đất nước, thể thôi. Khi xem đến bàn tay anh tôi thời thấy họ bôi mực đen nhem. Lúc đó cháu Triệu mới để ý đến. Cháu nói có thể họ lấy dấu tay xem có phải ông Tam chết chứ không phải người khác chết vào đấy. Tôi nói phải kiếm cái gì lau sạch tay cậu cháu, chứ để hai bàn tay đen bẩn như vậy mà chôn không được.

Lúc đó kiếm đồ lau sạch tay anh tôi cũng khó, vì chỉ con cháu trong nhà mới được vào nhà xác. Tất cả mọi người thăm viếng đều không được vào quay phim khi liệm xác anh tôi.



Họ còn thu thanh cả tiếng khóc lóc kể lể của chị Tam tôi, lúc sống thì cấm đường, lúc chết lại khó để khi chôn cất, rồi lại bắt chôn gấp không cho con trai bên Pháp về dự kịp.

Tôi và chị Tam chứng kiến cảnh liệm anh tôi và đóng đinh quan tài cho chặt mà lòng đau như cắt. Liệm xong, gia đình định chôn anh vào ngày chủ nhật mà chính quyền không cho. Về sau bác sỹ Phiếm thấy chính quyền một ngày ba, bốn lần đưa phái đoàn đến giục giã, có cả ông Đồ trưởng, mới khuyên chị Tam tôi làm đám tang anh tôi vào ngày thứ bảy vậy.

Cuối cùng đám tang anh tôi vào ngày thứ bảy, vậy mà chính quyền còn ra lệnh học trò phải đi học cả thứ bảy, chắc vì sợ học trò đi biểu tình. Thế mà đến giờ đưa đám, rất đông học sinh đã đợi ở cửa nhà xác. Khi xe tang tới, họ còn theo vào và không cho nhà đòn chuyển linh cữu ra. Tất cả sinh viên học sinh đều khiêng áo quan ra đường cái đặt lên xe tang. Công an cảnh sát cố chặn họ không cho trèo lên xe tang mà không được. Nhiều học sinh trèo lên ngồi cả trên nóc xe. Gia quyến phải cho họ mang vòng hoa phúng điếu bỏ xuống để lấy chỗ cho sinh viên ngồi.

Xe tang đến chùa Xá lợi thời ngừng lại và chỉ được mang đi ảnh anh Tam vào chùa thôi. Đến cửa chùa lại có một số đông học sinh chờ ở đó sẵn cùng vào chùa theo. Hai học sinh bung một cái khay trên để nhiều băng đen. Mỗi người lấy một băng cài lên ngực áo.

Trong chùa đèn nhang thơm ngát, đã có tới 50 vị sư



đứng xếp thành hình vòng tròn hướng vào di ảnh rất là trang nghiêm. Tất cả đều bắt đầu tụng kinh. Tối hôm trước, tang gia đã cố xin một giờ cầu siêu tại chùa và tuy chính quyền không cấm được nhưng chỉ cho có nửa giờ, viện cố ông Tam có đi chùa bao giờ đâu mà bấy đặt làm lễ ở chùa. Song có người nói là tuy ông Tam không đi chùa, nhưng bà cụ sinh ra ông là đạo Phật đã đi tu nên chính quyền đành phải chấp thuận.

Trong chùa các vị sư vẫn thân nhiên cầu siêu kéo dài thời gian. Các vị cũng biết chế độ ông Diệm là Công giáo ác cảm với Phật giáo. Các vị cũng biết khi đó Phật giáo đã xuống đường đấu tranh sau khi Thượng tọa Thích Quảng Đức tự thiêu trước anh tôi ít lâu.

Tất cả gia đình con cháu đều xuống xe tang vào chùa hết, chỉ còn tôi và cháu Tuấn có ý ngồi lại để trông quan tài. Bao nhiêu câu đối các đồng chí mới cũ đều treo đầy cả xe tang, và trên quan tài còn phủ lá cờ đỏ vòng xanh sao trắng. Mấy người công an định bắt bỏ xuống, nhưng cháu Tuấn không chịu phản đối, nên họ cũng không dám. Lúc đó tôi mới dặn cháu cứ ở trên xe trông nom để tôi vào chùa dự lễ cầu siêu.

Tuy nhiên, vì người dự đông quá, vòng trong vòng ngoài, tôi không sao len vào trong được. Tôi phải đi vòng vào phía sau, gặp nhà sư thấy tôi mặc quần áo tang nên dẫn tôi vào trong chùa. Tôi thấy hầu hết các vị sư đều ở các chùa xa tụ họp về, còn chỉ có vài vị là tu ở chùa Xá Lợi thôi.

Sau khi làm lễ cầu siêu xong, mọi người lại chen



nhau lên ngồi trên các xe chở tang quyến. Các sinh viên học sinh ngồi đầy cả trên nóc xe chở quan tài cũng vẫn chưa hết người. Tôi nghĩ bụng giá biết dân chúng đi đưa đám đông đảo như vậy thời chắc đã phải thuê thêm vài xe chở nữa, may ra mới tạm đủ.

Tôi nhìn lại phía sau, thấy các sinh viên học sinh người đi xe đạp người đi xe máy cũng chạy theo sau hợp thành một đoàn thật dài, và công an cảnh sát dù muốn cũng không cách nào cản được giòng người cuộn cuộn.

Hai bên hàng phố vắng tanh vắng ngắt, vì cảnh sát đã bắt các nhà phải đóng cửa và không ai được phép ra đường, suốt quãng đường đám tang đi qua từ nhà thương Grall đến nghĩa trang Giác Minh. Cảnh sát ngăn cấm cả tại các ngõ, và khi nhiều người đổ ra xem đám tang lớn chưa từng thấy này, thời công an đứng gác đã bắt dân chúng phải ngoảnh mặt vào trong chứ không được ngoảnh ra xem.

Hai bên xe tang có hai xe cảnh sát kèm chặt mà họ lại chạy rất nhanh cốt cho các người chạy theo sau không chạy theo kịp. Xe đòn sọt cảnh sát nên cũng phải chạy nhanh cho kịp các xe hộ tống. Châu Tuấn đã bảo người tài xế xe tang nếu anh không chạy chậm lại tôi sẽ tố anh xuống đường và tôi sẽ lái lấy.

Quả nhiên xe tang chạy chậm lại, các xe Cảnh sát cũng phải chạy chậm theo. Đoàn xe tang đến cửa nghĩa trang Giác Minh thời hai xe Cảnh sát tính làm liều húc vào đoàn xe đạp xe máy, nhưng họ đã vọt lên chạy



thẳng vào nghĩa trang. Hai xe Cảnh sát đã phải dừng lại bên ngoài nghĩa trang giữ trật tự.

Trong nghĩa trang khi đó đầy chật người dự. Đến lúc hạ huyệt, ôi thôi, họ chen nhau vì ai cũng muốn nhìn thấy quan tài lần cuối. Con cháu tang quyến đã bị dạt ra vòng ngoài. Mãi về sau, ban trật tự mới dọn dẹp được một chỗ để ông Thanh Lãng đọc diễn văn.

Khi đó ai cũng rơi nước mắt, đều cùng buồn rầu thương tiếc nên rất im lặng. Chỉ nghe tiếng khóc của chị Tam thật ai oán não lòng.

Sau khi hạ huyệt được mồ yên mả đẹp, mọi người ra về hết, chỉ còn tôi ở lại sau, vì tôi phải vào chùa lễ Phật và cầu khẩn Phật từ bi cho hương hồn anh Tam tôi được về cõi Phật.

Tôi cũng nhờ sư bà ở chùa là Đức Hậu cùng thờ một tổ với mẹ tôi làm lễ cho và có thể ra về yên lòng. Lúc ra khỏi nhà tổ, tôi thấy lính vũ trang đầy bốn chung quanh nhà chùa, nên tôi rất ngạc nhiên. Sư bà Đức Hậu mới cho tôi hay là họ tới phục kích từ chiều hôm qua. Sư bà cũng chỉ ở trong chùa tụng kinh đầu đám ló mặt ra ngoài.

Tôi chờ lính tráng về hết mới ra mộ anh Tam tôi ngồi khóc một hồi lâu rồi mới ra về. Thế là tôi đã vĩnh biệt anh Tam thân yêu như vậy.

Sau này mẹ tôi cũng chôn ở nghĩa trang Giác Minh vì ở đó đức Tâm Châu dành chỗ cho các vị tu hành mai táng để còn xây tháp. Mộ mẹ tôi chưa kịp xây tháp thời



Cộng sản lên. Bây giờ Cộng sản bắt các mộ phải dời đi chỗ khác hết, trả đất trả chùa cho họ, nên năm 1991 do họ thúc giục quá, con cháu đã phải bốc mộ lên đem hỏa thiêu bỏ các nắm tro vào các bình sứ gửi vào chùa Kim Cương đường Trần Quang Diệu Sài Gòn. Thế là nào mẹ, nào anh Tam, anh Cả, chồng tôi, chị Long, cháu Thư, cộng là 6 người bây giờ để cả ở chùa, dù sao cũng được nương nhờ cửa Phật.

Virginia, tháng 6 năm 1994



THỜI LOẠN LY

Sau khi vợ chồng tôi bán căn nhà gạch trên đê Yên Phụ, vì vẫn thích được sống bên Hồ Tây nên chúng tôi tìm mua lại được một căn nhà gỗ vùng Quảng Bá, rời ra chõ thuyền về dựng lại tại xóm Riu Yên Phụ.

Nhà cột gỗ soạn tròn lợp ngói nền làm rất chóng, có một tháng là xong. Mẹ tôi lên chơi thấy tôi đang làm, Mẹ tôi lại la là năm nay không được tuổi làm nhà. Tôi nói thưa mẹ cái nhà cũ con làm thật xem tuổi cúng lễ cẩn thận thế mà tự nhiên cũng phải bán, nên nay con không xem ngày giờ gì hết, cốt sao có nhà ở ngay là tốt nên con mua nhà cũ về dựng lại cho tốt. Nhưng Mẹ tôi cũng lo nên đi coi ngày và nhờ người cất nóc nhà giùm. Ấy thế mà nhờ ông già thợ mộc được tuổi lên bỏ nóc hộ, thế nào ông cụ bước xuống hụt chân bị què mất ít ngày không đi làm được, tôi phải cho tiền thuốc.

Nhà vách gỗ nhỏ xíu thế mà tiền lại hết nhiều hơn cái nhà gạch, hết những tám ngàn năm trăm đồng, cái nhà cũ bán được có sáu ngàn năm trăm đồng. Từ ngày tôi làm cái nhà này thì gặp nhiều biến cố. Anh Long



phải ra đi, trước ngày đi anh có xuống chơi với tôi vì từ ngày hợp tác với Việt Minh, nhà bảo canh gác cẩn thận lắm, tôi không lên lần nào cả. Hôm anh xuống chơi, tôi thấy anh không vui vẻ như mọi khi nên tôi hỏi anh liệu có phải ra đi không, anh lại tưởng tôi hỏi cho tôi, anh nói cô cứ ở đây không phải đi đâu. Tôi đáp dạ vâng em thì đã vậy, em hỏi anh có phải đi không. Anh nói vì tôi chắc chắn là phải đi, nhưng chưa rõ là ngày nào nên xuống chơi thăm cô. Tôi cũng buồn rầu chẳng biết nói sao. Hai anh em nói chuyện vắn vơ một lúc, anh ra về tôi đưa anh ra ngõ mới thấy hai người thanh niên có súng đứng gác bên ngoài.

Tôi thấy bóng dáng người anh nhỏ nhắn đi trong ngõ hẹp, hai bên hàng lưới phơi giậu, tôi buồn rầu trở vào. Ai ngờ lần đó lại là lần anh em tôi xa cách mãi mãi. Ít ngày sau, lại tới người em thứ bảy của tôi xuống chơi, các cháu thấy chú đến đưa thì nắm tay, đưa lục túi kêu sao lâu chú không xuống cho cháu kẹo. Chú cười nói ừ chú cho, chú thò tay vào túi lôi ra mấy viên đạn, chú bảo kẹo đây cho mỗi đứa hai cái. Chú Bảy là em út nhất. Hồi chú còn học thuốc, chú hay về ở với chúng tôi vụ hè nên các cháu mến lắm. Khi tiễn chú ra cổng cũng thấy hai người đứng gác có đeo súng lục. Được ít lâu chú cũng qua Tàu và ở bên ấy lấy vợ có được sáu đứa con, hiện làm bác sĩ ở tỉnh Quảng Châu, vợ thì dạy học, hiện còn kẹt bên ấy chưa biết ngày nào chị em mới gặp lại nhau, thế là ba anh em đều ở hải ngoại cả.

Anh Cả vẫn làm ở sở giấy thép, anh Hai làm sở canh nông vẫn ở Sài Gòn. Từ ngày tôi bán nhà không



về Cẩm Giàng được, tôi biết rõ Mẹ tôi không hề thương tôi thật tình và tôi cũng tự tình ngộ nên về vụ sang tên nhà tôi cũng cương quyết không thể chiều theo ý của Mẹ tôi được. Không phải là tôi có ý cố chiếm đoạt đâu, tôi chỉ muốn giữ làm của chung cho tất cả họ Nguyễn sau này. Tôi cũng không rõ là Mẹ tôi nghĩ như thế nào mà chỉ muốn đòi riêng cái nhà xây thôi, nên cái trại trừ cái nhà gạch ra thì cũng chả có cái gì đáng tiền cả. Có hai mẫu đất và cái nhà ánh sáng cũng chả đáng gì. Mẹ tôi chắc cũng rõ là chúng tôi chỉ tha thiết cái nhà để ở, nay tôi cũng đã làm lại được ngay rồi, tuy nhà cây nhỏ hẹp, vợ chồng tôi cũng lấy làm mãn nguyện, không hề than phiền bao giờ cả. Còn ở trại thì tôi cũng không để ý tới thóc lúa như trước nữa, sau này Mẹ tôi tin dùng mấy thằng người nhà và một bác quân gia là bác Nho. Bác ấy trước là con nuôi từ bé không biết cha mẹ ở đâu, sau lớn lên bà Nội gả cho anh Nho ở huyện được bốn người con, ba gái một trai. Chồng bác ta chết nên mấy mẹ con đều về làm cho chị Tam rồi lại về ở với Mẹ tôi.

Mẹ tôi bị phản

Hai mẹ con bác và hai vợ chồng người cháu kêu bác bằng cô cùng về ở cả trại. Các anh tôi cũng quý bác ấy lắm vì là người làm lâu năm từ khi thầy tôi còn nhỏ, nên vì thế mấy mẹ con cô cháu lợi dụng lòng tin của mẹ tôi. Bà thương cho nhà cửa thóc lúa, cho ở nhà có người đến đóng thóc cứ việc bán. Mẹ tôi đi khỏi nhà là nó thông đồng nhặn gọi người vào đánh bạc, giết chó



giết gà ăn rồi nói là chết. Mẹ tôi lấy thuốc bắc về bảo bác Nho sắc thì lại bỏ vị mã tiền vào, Mẹ tôi uống vào lại đau thêm. Mẹ tôi phải lên Hà Nội chữa bệnh, nào tôi có biết gì đâu. Nhà tôi thì chật hẹp, các cháu thì đông, cứ phải để riêng một cái giường chiếu sạch sẽ để Mẹ tôi nằm, các cháu không đứa nào được đến. Ban ngày tôi phải đuổi các cháu ra góc đa sân đình mà chơi, còn chồng tôi thì cũng đi luôn, biệt đến khuya mới về, người làm đứa nào cũng sợ Mẹ tôi lắm.

Mẹ tôi cứ đau đi đau lại hoài, cứ khỏi lại về được ít hôm thì đau, lại lên. Nếu không nhờ được thằng người nhà ở cũ tên Dư, anh ta vào làm cho Mẹ tôi từ khi mới lập trại, anh ấy hiền lành ngay thẳng, thật thà thế mà tội nó cũng làm khó để nên anh ta tức mình xin thôi ở nhà, nên mới dò biết chúng nó lộng hành quá, bán thóc lấy tiền lại hạp sòng bạc tại nhà. Cho nên anh mới biên cho tôi một lá thư kể hết là kho thóc tội nó bán gần hết rồi, mà ai có nói thì Mẹ tôi cũng không tin, vì Mẹ tôi lại sai chúng nó bắc thang lên coi xem và chúng nó nói thóc vẫn y nguyên. Mẹ tôi đâu có trèo lên coi được và tội nó lấy bùa ngải gì yểm nên nói gì Mẹ tôi cũng nghe. Vợ chồng tôi có nói còn bị la nữa, Mẹ tôi bảo chồng tôi là tại anh ghét chúng nó nên anh nghĩ chúng làm bậy chứ tôi có thấy gì đâu. Tôi cũng giận Mẹ tôi nữa, thư biên lên thế này mà Mẹ tôi còn không tin.

Tôi nói với Mẹ tôi, bây giờ con bàn thế này, ngày mai mẹ về, con cho cháu Tuấn nó theo về coi như về chơi, rồi Mẹ sai chúng nó đi mỗi đứa một việc, để cháu Tuấn nó lấy thang trèo lên coi thì biết ngay thật hư.



Nếu không có vợ thóc thì coi như không có chuyện gì, và nếu có thì cũng lờ đi, không chúng nó biết chúng nó sẽ trốn hết. Mẹ cho cháu Tuấn lên ngay để anh Hoàn về sẽ vào thầy Huyện thưa và bắt ngay.

Đến khi cháu Tuấn lên coi thì kho lúa đã hết ba phần rồi. Mẹ tôi cho cháu về ngay sáng ngày hôm sau, chồng tôi vào thưa quan Huyện, cho ngay bốn người lính ra bắt được thằng con bác Nho, còn thằng người làm gọi bác ấy bằng cô thì không hiểu sao nó trốn thoát. Tôi chỉ xin tha cho bác Nho không bị bắt thôi, sau đem xử mỗi đứa phải bốn tháng tù. Còn bác Nho, Mẹ tôi mắng cho một trận rồi cũng cho về không nuôi nữa. Sau được tin, hai vợ chồng thằng cháu bác Nho xuống Hải Phòng làm ở sở xi măng, rồi Nhật qua bỏ bom, hai vợ chồng đều chết cả, thật trời bất dung gian.

Mẹ tôi lại cho tìm anh Dự người làm cũ lên, đó mới là người làm trung thành. Anh ta đông con, nhà nghèo lắm, sau Mẹ tôi cấp ruộng cho cày cấy và cho luôn hoa lợi. Từ năm đó Mẹ tôi cũng không có đong thóc nữa, chỉ còn ít hoa lợi thóc trâu bò cũng đủ tiêu. Mẹ tôi kêu chú Bấy về, Mẹ tôi bảo năm nay chú cũng đã ra trường rồi thì chú muốn lấy ai để Mẹ lo cho xong. Chú nói con định còn lâu con mới lấy vợ và sau này con định lấy ai, con sẽ lo lấy, Mẹ khỏi bận tâm đến nữa, cứ coi như con đã có vợ rồi.

Mẹ tôi quy y cửa Phật

Mùa lúa tháng mười, tôi và mấy cháu về coi gặt, Mẹ



tôi bảo hai chị em ở nhà coi thóc lúa, mai bà cùng đi với ông Hội là em ruột Mẹ tôi đi sang lễ chùa Đào Xuyên bên Hưng Yên có giỗ tổ, tất cả các sư ở các nơi đều về vui lắm. Mẹ tôi đi năm ngày, hôm đó trời hơi lạnh, buổi trưa mấy chị em con cháu đều ngồi cả ở sân, tôi thấy có một bà sư đi vào, vì đội nón nên không rõ mặt. Hai chị em vội đứng dậy, tôi nghĩ có lẽ sư bà ở dưới chùa Muống ở Hải Dương lên chơi, vội chạy ra đón. Lúc đến gần, người bỏ nón ra mới rõ là Mẹ tôi thì hai chị em đều ngơ ngác và cũng lấy làm ngạc nhiên nữa. Vào trong nhà, tất cả con cháu người làm đều lên chào mừng và ngắm bộ áo nâu sòng. Sao Mẹ tôi mặc áo nâu tôi thấy có vẻ tiên phong đạo cốt như trút bỏ hết phàm trần.

Tôi mới là người lấy làm lạ nhiều nhất vì Mẹ tôi thích mặc quần áo đẹp, lúc nào cũng điem dúa. Hồi tôi còn ở nhà, phải lo quần áo cho Mẹ tôi thật là khó khăn, tôi cũng ví như con gái Nhật lo chăm sóc cho ông chồng vậy, đi tắm phải lo xếp sòng áo xong phải vào kỳ cọ. Trưa hè Mẹ tôi ngủ phải lo nhổ tóc bạc hoặc đọc truyện, đọc được một lúc thì Mẹ tôi ngủ, lại phải đọc lại, cứ đọc đi đọc lại hàng mấy lần một khúc khiến tôi đến thuộc lòng. Trời cao trong đẹp, tôi chỉ muốn chạy ra cánh đồng ngồi ngắm ruộng lúa mà cũng khó vậy thay. Không có việc gì thì Mẹ tôi cũng sai gọi luôn luôn, nên lòng tôi đã nguyện nếu sau này tôi có con gái, không bao giờ tôi bắt con gái tôi phải làm hầu tôi như tôi bây giờ.

Tôi đã giữ đúng lời, bây giờ tôi có bốn đứa con gái,



khi còn ở nhà hay đã đi lấy chồng, sống áo tụt tôi lo lấy, bốn đứa con gái chưa hề hầu tôi cái gì, từ sống áo đến tắm gội tôi đều làm lấy. Chuyện thì tôi tự coi, tự đọc và tôi cũng không thích ai đọc cho tôi nghe, như vậy nó cũng mất hay đi. Tôi đã giữ đúng lời. Năm nay tôi 66 tuổi rồi, còn có thể tự làm lấy bao nhiêu năm nữa đây. Tôi vẫn thường cầu Phật từ bi gia hộ cho tôi được khỏe mạnh mãi mãi, đừng bắt tôi thất lời hứa nguyện. Mẹ tôi khó khăn bao nhiêu thì tôi lại quá dễ dàng bấy nhiêu, và tính tôi xưa nay vẫn giản dị, nhất là vấn đề trang điểm thì tôi lại mù tịt, ngay cả cho tôi và tất cả mọi người. Tôi mà nói chuyện cùng ai, người ấy đi rồi hỏi tôi về cách ăn mặc và đồ trang sức họ đeo trên người, thì tôi lại càng không biết nữa. Có nhiều khi tôi cũng cố nhớ xem, song vì mãi chú ý đến câu chuyện của họ hoặc mình còn phải nghĩ câu trả lời nên cũng đều quên cả. Nhưng còn vấn đề tiền chợ thì tôi lại có thể nhớ lâu lắm, tôi đi chợ mua bán về dịp Tết hoặc ngày giỗ rất là nhiều thứ. Về nhà bạn có khi cả hàng tuần tôi mới vào số thì tôi lại có thể nhớ rõ từng món, và ghi đúng số tiền đã mang đi.

Có lẽ nhờ vậy tôi mới viết được hồi ký, tôi nhớ rõ từng chi tiết, ngay bây giờ tôi cầm bút viết lại, tôi còn nhớ rõ như in hồi đó, nhiều đoạn tôi cảm động đến rơi nước mắt, tôi như người sống lùi lại hàng năm mươi năm iện. Vì lý do Mẹ tôi đi tu bây giờ Mẹ tôi mới kể là từ năm thầy tôi mất đi, Mẹ tôi đã ước nguyện là khi nào nuôi cho bảy đứa con được trưởng thành và trai gái có vợ có chồng tất cả thì Mẹ tôi đi tu. Nhưng cũng chưa



rõ thế lệ tu ra sao vì thấy các vị chân tu đều tu từ bé cả, còn như mình bây giờ thì đâu có thể làm tiểu ai được, mà làm tiểu thì thấy cũng cực khổ quá, mình làm sao được. Nên Mẹ tôi bàn với người em ruột cũng muốn đi tu đã lâu, và có quen biết nhiều vị sư nên mới biết là có thể tu được, vì sư nói từ đời nhà Lý Nhân Tông, đạo Phật được thịnh hành từ vua cho đến dân. Cho nên sau khi vua băng hà thì các cung tần mỹ nữ theo vào lăng tẩm hương khói, thờ phụng người đi tu nên nhà chùa mới đặt ra lệ riêng cho các vị đến ở chùa tu gọi là tu bán.

Thế cũng thế pháp là xuống tóc quy y, cũng theo học kinh kệ từ tiểu lên tới thượng tọa, cũng ba xe pháp ba áo cà sa, chỉ những khóa lễ hoặc học hạ là phải ngồi dưới, dù mình đã lên đến sư bà rồi cũng phải ngồi dưới sư bác hoặc chú tiểu. Còn ở chùa có thể mình cúng một số tiền vào nhà chùa để mình ăn khỏi phải làm, và khỏi ăn vào cửa thập phương. Tiền cúng thì mang lổi, vậy thế nên hai chị em mới nhất định tự đưa tiền nhờ các vị may áo sống rồi đợi ngày giỗ tổ thì có các vị cao tăng nhiều tuổi từ 70 đến 80 về dự thì mới xứng để hai cụ quy y.

Xong còn phải lễ sống bốn vị đó chứ chúng tôi còn ít tuổi không dám vì sợ con cháu can nên hai chị em lặng lẽ làm, không cho con cháu biết. Nên từ đó Mẹ tôi thế pháp rồi, Mẹ tôi cũng tính tu tại gia. Mẹ tôi sẽ xây một cái chùa ngay ở trại để thờ Phật và sớm hôm kinh kệ, chỉ những khóa học hạ thì mới lên chùa ba tháng thôi.



Chiến tranh bùng nổ

Xây đến chiến tranh bùng nổ. Anh Tam, Long, Bách đều chạy qua bên Tàu hết, anh Cà tôi làm ở sở giấy thép bị Việt Minh lên nắm chính quyền bắt giam, cả ông đốc lẫn ông phó vì vụ sở mua dây đồng của Nhật nên bị giam ở sở Mật Thám. Anh Cẩm tôi ở Sài Gòn ra Hà Nội, hai vợ chồng và đứa con trai mới tám tháng mà tiền thì không có. Anh Hai tôi làm ở sở Canh Nông tại Sài Gòn cũng phải chạy ra hậu phương mất mấy tháng, lúc về người Pháp đi hết, họ cho anh ấy lên làm giám đốc sở Canh Nông tại Sài Gòn, có một cái biệt thự để ở nữa. Anh ấy nghĩ mấy anh em ngoài Bắc đều chống Pháp cả mà nay mình lại về làm cho Pháp thì sao được, nên anh tôi xin từ chức và có người bạn giúp cho vé tàu để ra Hà Nội. Ai hay, khi anh Hai tôi về tới nơi thì chẳng còn gặp lại anh em nào cả, nhà báo nhà in thì nhường cho Đảng, sau bỏ đi cũng tan hết. Anh chị tôi lại xuống cái nhà mà chú Sáu ở trước, rồi đến tôi ở bãi Phúc Sá, vào ở ít lâu, tôi vào làm nhà ở xóm Riu thì nhà này chị Tam vẫn giữ cho các cháu xuống ở hè. Mẹ tôi phải đem tiền lên cho anh chị ăn, chả lẽ cứ ngồi ăn không hoài đâu có được, nên anh nghiên cứu làm phần học trò viết.

Mẹ tôi bàn nên mở nhà in. Mẹ tôi bỏ tiền mua máy, mấy anh em chung nhau vào, anh Hai một phần, Mẹ tôi cho thím Sáu tiền chung một phần, còn tôi thì vừa làm nhà rồi nên hết tiền. Mẹ tôi bảo bán hai mẫu ruộng đi lấy tiền chung vào. Mẹ tôi về kêu người mua



ruộng, có người mua ngay, nhưng chị Tam tôi lại muốn mua nên khi thành giá rồi hai mẫu bán được bảy nghìn, tôi lại phải để cho chị Tam tôi mua. Thế là xong xuôi cả, chỉ còn đợi mua mấy in nữa là xong.

Việt Minh nổi dậy

Vụ lúa năm đó thì ở thôn quê Việt Minh còn trong bóng tối nổi dậy bao nhiêu, những người thành tích bất hảo hoặc những giới lao động phu kéo xe phu vác gạo nổi lên, có một nhóm cầm đầu có súng đạn vào bắt quan Huyện trói lại. Chúng ngồi ăn rồi ném xương xuống đất bắt ăn như là chó vậy. Sự việc này tôi cũng nghe người ta chứng kiến kể lại thôi chứ mắt tôi thì không thấy, mà làm sao thấy được. Còn chức Tri Huyện thì do họ bầu lên là thằng con ông Thu xưa làm phu vác gạo, tôi biết rõ ông ta từ khi Mẹ tôi còn cần gạo. Sau nhờ người vợ buôn bán khá có làm căn nhà xây ngay giữa chợ bán tạp hóa, khi tôi còn nhỏ đã thấy rồi. Sau từng nhóm đi đến các nhà giàu bắt mở kho thóc ra rồi cho những người nghèo đến tha hồ gánh. May từ năm mấy thằng người nhà ăn cắp, Mẹ tôi cũng thôi buôn thóc gạo nữa nên trong nhà cũng chả có hột gạo.

Mẹ tôi thấy xôn xao như vậy nên định sang ẩn thân bên chùa, vì sáng ra thấy chữ viết ngoài cổng trại : “Nhà này là nhà Việt gian Nguyễn Tường Tam”, người nhà định xóa, Mẹ tôi bảo cứ để nguyên đó. Rồi cách ít ngày thì có một nhóm người tới nói là xin mẹ tôi cho



mượn nhà để làm trụ sở, Mẹ tôi vui vẻ nhận lời ngay, xong rồi Mẹ tôi mới thông thả nói Mẹ tôi chỉ ngại là nhà này là nhà Nguyễn Tường Tam Việt gian có để ở ngoài cổng. Mẹ tôi nói e như vậy thì không tiện lập trụ sở thôi chứ nhà thì để không có ai ở đâu.

Bọn họ ra về là ngay ngày hôm sau Mẹ tôi lên Hà Nội bảo tôi về mà thu thóc, còn Mẹ tôi sang thẳng chùa Đào Xuyên. Tôi về đến nơi thì năm đó lúa chín muộn chưa đâu gặt hái cả, nhà cũng không có gạo ăn. Gia đình thím Sáu thì Mẹ tôi đã làm riêng cho thím năm gian nhà và cho vốn buôn bán riêng rồi, thím cũng không tiền không gạo. Tôi phải cho anh người làm đi các làng xem có ai gặt sớm thì mượn ít thùng lúa về ăn. Vú em ở với thím Sáu từ lâu, hồi chú Sáu còn sống, vú đã mách tôi là hình như thím thân cận với nhóm thanh niên bóng tối lắm. Khi cụ đi rồi thì hay đem nhau ra đây họp bàn gì bí mật lắm và mợ Sáu phải đài thọ ăn uống nên ngay tiền bà cho làm vốn cũng tiêu hết rồi, nói cho cô biết để cô phải cẩn thận lời đi như không biết chuyện gì. Nếu không sợ họ bắt đấy, mấy hôm nay cô về họ không dám tới đó.

Hôm sau tôi vào trong nhà bên ngoại thì cô tôi cũng thì thầm dặn dò có biết thím Sáu làm gì cũng mặc đừng có nói, và thu thóc lúa mau mau rồi lên Hà Nội đi, đừng ở đây lâu. Tôi thật sự cũng chả biết rõ, cho đến một hôm, mấy thằng con trai tôi đi ra thửa ruộng sau nhà xem họ gặt lúa, và bị mấy thằng lớn nó bắt nạt định đánh, nó gọi tôi ra xem ai thì ra mấy đứa con anh Học ngoài ga, con anh Hai Suối xưa mổ heo. Anh ấy



trước vẫn vào mượn tiền trước Mẹ tôi để mua thịt sau vì nghèo không có đủ vốn buôn. Mỗi khi bố con nó thấy tôi về ga là chào hỏi hoặc mang sách hộ vào nhà, mà nay nó thấy tôi mặt nó cứ vênh lên. Tôi mắng sao mấy đứa mày lại định đánh con tao, tao vô mách bố mẹ mày bây giờ, mấy đứa chơi ở ruộng nhà chứ sao chúng bấy dám đến bắt nạt nó. Mấy đứa còn nói ngang nữa, tôi cũng giận, tôi chửi om xòm.

Sau có anh Lý Trưởng làng Nguyên Lãi chạy ra mắng chúng nó, bây giờ chúng nó mới chịu đi. Vào nhà anh Lý mới nói rõ cho tôi biết là Việt Minh bóng tối đương lan tràn mạnh lắm, đi đâu toàn kéo theo những bọn du thủ du thực để làm mưa làm gió. Anh ấy còn nói với tôi rằng thôi cô đừng bận tâm chuyện nhỏ mọn ấy làm chi, tôi cũng định ra trình cụ biết và nói cụ lên Hà Nội ở, chứ ở đây bây giờ nguy hiểm lắm. Tôi nói cụ đã sang chùa rồi, còn tôi cũng về thu thóc xong thì cũng đi, có gì thì anh lên báo cho tôi biết là tôi cũng đi ngay. Không khí cũng khó thở lắm, thóc mới gặt về chưa phơi. Thím Sáu cấy được ba sào lúa nếp ở vườn sau tốt lắm. Thím nói em làm gạo rồi biếu anh chị một thúng để nấu bánh chưng, nếp này thơm và dẻo lắm chị ạ. Chong nửa thúng gạo thì đi vay thịt, ra chợ mua chịu chưa được ăn bát cơm lúc nhà thì một hôm không có xe lửa Hà Nội xuống làm tôi lo quá, có thể trên Hà Nội đánh nhau rồi chăng.

Ngày hôm sau có tàu là tôi bỏ cả thóc lúa giao lại cho thím Sáu, tôi vào trong mấy người em họ vay tiền rồi tôi đi ngay. Chồng tôi cho biết đã có nhiều người



chạy về quê rồi nên mợ không lên thì tôi cũng định về đón, bảy giờ nhân thế cho tất cả chúng nó về bên bà nội trước đi, tôi ở lại lúc nào cần tôi sẽ về sau. Thế là tôi lại lo thu xếp đồ đạc, thì có gì đâu, ít sống áo và chăn màn thế là xong.

Tản cư về Quê Nội

Về quê nội thì gần, đi xe điện về tới Hà Nội rồi thuê xe tay về tới cổng làng. Bà Nội thấy các cháu về đông đủ, lấy làm mừng lắm. Quê nội là làng Bằng, bên kia sông Đào, nay là Quang Tó, nơi đất trồng vải nhãn ngon có tiếng. Khi xưa có thứ vải thường, các quan giữ mua hết để biếu vua, đến nay cũng còn lưu lại được ít cây.

Họ không có bán chỉ để biếu thôi, nên hàng năm chúng tôi vẫn được ăn thứ vải đó. Bà Nội cho cháu gánh ra nào vải mít, quả đặc biệt bánh mật đỏ thật ngon, bánh bột lọc trắng thơm như bông lài và kẹo vùng ròn tan gói trong lá chuối khô. Các con tôi được về quê nội là thích lắm, tuy bà Nội cũng nghèo, hàng ngày làm đậu khuôn bán và nuôi heo. Thôn ruộng vườn ở làng đó hiếm đất lắm, ai có ba mẫu là giàu lắm rồi. Các cháu về là bà Nội đi chợ, được bao nhiêu lãi là mua quà cho các cháu ăn hết. Hai bên bờ sông Đào trồng toàn là vải rất mát và sạch, ruộng trồng đậu hòa lan, những luống cải hoa vàng tươi trong gió mát. Tôi mong là đừng xảy ra đánh nhau lan về vùng quê này để mấy mẹ con bà cháu được sum họp mãi thế này, nhưng

đâu có được. Hàng ngày người ta chạy về lữ lượt, người xe hơi, kẻ xe kéo, kẻ gồng người gánh, người nọ họ người kia.

Đánh ở đâu, ai đánh ai rồi mà phải chạy, họ bảo cũng chả biết rõ, phải đi là đi. Tôi cũng nóng lòng chả hiểu sao mà chồng tôi thì không thấy về. Tôi chỉ sợ đánh nhau to gần tỉnh quá rồi cũng phải chạy thì lạc nhau mất, nên tôi gọi mấy cháu cho bà Nội, tôi ra tìm về và thu nhặt thêm đồ đạc đem về. Gặp chồng tôi vẫn tin tưởng chưa có đánh lớn đâu, tôi đã thu xếp trên nhà in xong rồi. Tôi cũng định về bên anh Cẩm thì Mẹ tôi đã cho người nhà sang đón anh chị lên chùa cả rồi. Trên chị Tam thì đã cho tất cả về bên quê ngoại rồi, còn chị Tam đem cau lên gởi trên Hàng Bồ cho hiệu Tàu xong chị cũng về quê. Chị Tam ở Phương Dục thuộc về phủ Trường Tín, cũng tỉnh Hà Đông.

Thế là kẻ chạy về nội, kẻ về ngoại, chứ Cẩm Giàng đâu có ai dám về nữa. Chị Tư tôi cũng cho các cháu chạy về bên quê ngoại luôn, chỉ có chị Cả tôi không chạy vì còn kẹt anh Cả tôi vẫn bị giữ ở sở Mật Thám nên chị chưa đi thôi. Nhà quê vui hẳn lên, nhà nào cũng có bà con anh em về ở chật ních, chợ bán chả thiếu thứ gì. Hàng đậu bà Nội làm không đủ bán, chả bù với trước kia lợ thợ có mấy hàng bày bán ế chẳng ai mua, chiều đến mấy bà lại mua đổi cho nhau khỏi đem về ăn trừ bữa. Kẻ ở lâu, người ở tạm năm ba ngày lại ra đi nữa, đi xa hơn, tôi cũng chưa biết đi về đâu nữa đây.



Gia đình chúng tôi cũng ở quê nội được hơn một tháng, sau thấy bộ đội về đóng đây bên làng nên chồng tôi bàn là phải đi ngay. Có người bạn ở làng Văn Giáp cũng thuộc về phủ Trường Tín, cách quê chị Tam có mười mấy cây số thôi. Chúng tôi nói cho Nội của các cháu hay, Nội khóc không cho đi, sau tôi phải trình bày những nỗi hiểm nguy nếu họ biết bên nhà tôi, nên Nội phải cho đi. Vợ chồng con cái lại gồng gánh ra đi, gia tài có hai gánh mà thôi. Cũng gần nên tôi đi bộ, chỉ thuê có một xe cho bố nó và đứa nhỏ, và để đồ đạc. Mấy mẹ con tôi và vú em bế đứa con gái thứ sáu đi bộ đến quán Gánh, nơi có bánh đây ngon nổi tiếng, mấy mẹ con ghé vào, tôi còn đứng chọn mua mấy đôi guốc thì mấy bay đến, mọi người mạnh ai nấy chạy. Tôi chỉ kịp bước qua đóng guốc, vội chui vào gầm giường nhà người ta, bất kỳ nhà ai.

Mấy bay tới bắn xuống một loạt đạn như mưa rào rồi bay đi, mọi người nấp kín bấy giờ mới lộ ra. Tôi nóng lòng không rõ vú em và thằng con trai lớn nó núp ở đâu, lúc thấy nó tay vẫn cầm cái bánh đây ở trong rặng tre đi ra theo sau là vú em meo máo khóc làm tôi hết hồn, tưởng có bị thương gì chẳng. Hóa ra vú ấy sợ quá, bảo thằng con trai tôi núp mà nó không sợ cứ đứng khơi khơi vừa cầm bánh đây ăn, vừa xem mấy bay, làm vú ấy lo sợ nên khóc thế thôi.

Cũng may hôm đó chỉ có một người đàn ông bị đạn xệt sơ ngón tay thôi, thật hủ vía ! Vú em thì sợ quá vừa đi vừa khóc, và còn la tôi là mợ không đi mau đi, lại còn vừa đi vừa cười. Tôi nói vú cứ bế em đi trước, đi



thế nào cậu cũng đón ngay bên đường, không sợ lạc đầu, tôi vì bụng to đầu có đi nhanh được, chắc lúc đó vú mới nhận ra nên không giục tôi nữa. Đi độ một tiếng đồng hồ thì tới chỗ tôi ngụ nên đã thấy chồng tôi đi ngược lại đón, vì cũng lo sợ cho chúng tôi, không biết ra sao. Thấy đủ chúng tôi rồi mới nói đẩy mợ cứ hà tiện tiền xe đi, tý nữa vì sự hà tiện mấy đồng bạc chả bố.

Người bạn quen giới thiệu gia đình tôi tới ở nhờ nhà mụ Be, bà ta góa chồng, được hai người con trai lớn lấy vợ ở riêng rồi, còn có hai mẹ con ở một cái nhà xây năm gian. Bác bàn ba gian nhà giữa để thờ, hai đầu hai buồng nhà có hiên rộng bà ta nhường cho tôi một gian bên bàn thờ, một cái giường tôi trải thêm cái ổ rơm nữa là vừa ấm lại đủ chỗ nằm. Vì hồi đó đã có lệnh cho tất cả các làng đều phải tiếp đón đồng bào tản cư, và phải giúp đỡ họ mọi phương tiện vì có phải ai cũng có quê gần để mà chạy về đâu, đến các làng quê mà giúp cho nhà ở là tử tế lắm. Tôi nhờ bà đi mua giùm củi về đun, đi chợ mua gạo hộ cho, còn chồng tôi hay sang nhà người bạn ở xóm trên hội bàn đèn rất là nhàn nhả. Nếu chiến tranh không kéo dài và tiền đem đi được nhiều thì đây thật là cuộc đi nghỉ mát vùng quê. Cá tôm rất rẻ, thỉnh thoảng mấy ông lại chung nhau con chó uống rượu, tốn ít tiền mà lại ngon nữa. Hàng quà vừa rẻ lại vừa ngon, bánh khúc có năm xu một cái, sồi trắng thơm bao bọc viên bột xanh nhân đậu mỡ nóng hổi.

Chợ quê mưa rét, đứng khoác áo tôi mà ăn mấy cái bánh nóng thật ngon tuyệt, ăn xong lại mua mười cái



đem về cho các con, hoặc bánh rán trong chảo mỡ sôi cũng thơm ngon chả kém, hoặc vào ăn bát bún riêu cua đồng chiêm cũng nổi tiếng vừa béo vừa vàng. Khi tôi ở nhà thật sự ít có ăn quà, nay chạy giặc, nhờ có được ít tiền ruộng định chung nhà in nên có mà ăn. Chắc chỉ chạy loanh quanh năm ba tháng chi đó rồi về, có gì mà lo, ai ai cũng tưởng như vậy cả. Tôi ở nhà mẹ Be được hai tháng thì Tết ngay ngày cũ, ra cổng làng thấy lũ lượt ở Hà Nội chạy về qua làng thì đón hỏi tin tức, họ nói dân Hà Nội chạy trước còn gồng gánh đem theo đi được, ai chạy sau ra tay không, nên phải bán bớt quần áo đồng hồ bút máy đi, lấy tiền ăn đường tìm về quê quán. Tôi cũng đành ở đâu biết đấy thôi, chứ không sao liên lạc với các gia đình được.

Tết đến nơi rồi mà vẫn còn thấy người chạy đi. Trông về Hà Nội nhiều đêm thấy sáng rực trời và có khi nghe thấy tiếng súng nữa, nhưng ở làng đây vẫn thấy ung dung, các nhà đã mua lá gói bánh chưng. Bà chủ nhà rủ, bà có gói bánh cho các cháu ăn không, tôi nói ở nhà Tết nào tôi cũng gói nhưng bây giờ lấy thùng đâu mà luộc. Bà chủ đáp rằng tôi cũng gói mà tôi có thùng to, bà cứ gói đi tôi thức tôi đun cho, gói ít cái bánh, nếu bình yên thì ăn mà nếu có phải chạy thì ta đem bánh theo càng tốt. Thế là bà ấy đưa đi chợ mua lá, mua thịt về, cũng ăn Tết đàng hoàng. Sáng ba mươi tôi cũng làm cỗ cúng ông nội ông ngoại các cháu, xong vợ chồng con cái cũng chè chén. Đó là cái Tết đầu tiên tôi ăn Tết tha hương và xa trại Cẩm Giàng, nghĩ cũng buồn, không biết giờ này mẹ tôi và các anh chị các



cháu lưu lạc phương nào. Nhà tôi cũng may có mấy người bạn tốt mời về đây, và hết sức giấu không cho ai biết tông tích chúng tôi.

Một tối có bộ đội về làng và có ban ca kịch nên dân làng mời các thiếu nhi ra giúp vui. Họ cũng biết hai đứa con trai lớn của tôi trước là hướng đạo, sau khi Việt Minh lên nắm chính quyền thì đổi vào ban thiếu nhi, nên hôm đó cũng ra đình hát giúp vui. Đến màn kịch ông Nguyễn Tường Tam lấy hai triệu của chính phủ trốn đi, và là Việt gian bán nước thì hai thằng con tôi lên trốn về. Nó khê kể chuyện cho tôi nghe nên chồng tôi lại bàn phải ra đi, để xem đi về đâu và có ai quen thì hơn. Vì quê nội ở Văn Đình cũng gần, chồng tôi thử về xem có yên không thì cho các cháu nhân dịp này cũng nên cho biết quê nội luôn thể.

Đi Văn Đình cũng trên con đường đi về làng quê chị Tam ở, nên tôi cho thằng cháu lớn theo để cháu vào nói với bác Tam gái cho xin nốt số tiền ruộng để ăn, không gần hết tiền rồi. Chồng tôi chỉ đưa cháu tới cổng thôi, rồi đi luôn chứ không ghé vào. Còn cháu vào gặp bác và gặp luôn cả bác Cẩm cũng tá túc ở đấy, rồi bác cho biết là khi ở Hà Nội đánh chiếm hết rồi, làng Yên Phụ cũng chạy đi hết. Bác muốn chạy đi mà không có lối, vì làng Yên Phụ có một con đường độc đạo, muốn đi phải có thuyền vì chung quanh là hồ cá. Sẵn nhờ mấy người tự vệ ở làng, đêm mới lấy thuyền đánh cá chở cả gia đình đi qua hồ xuống mạn Thụy Khê, thuyền nhỏ nên có cái xe đạp cũng phải bỏ lại, mang theo có một cái hộp đựng đồ để chứa xe, còn mùng mền chăn gối



thì bỏ lại hết, tiền cũng không có nên không thể chạy sang chùa được, nên phải vào chỗ chị Tam ở.

Gia đình bị khủng bố

Đêm đó công an họ tới bắt chị Tam và thằng cháu lớn mười lăm tuổi, cùng người em ruột chị Tam, và định bắt cả người anh Cả, nhưng vì ông ấy hiện làm chủ tịch nên thôi. Họ bắt luôn anh Cẩm, thấy là anh ông Tam nên cũng bắt luôn, chứ anh Cẩm tôi thì có dính líu gì đảng phái đâu, vừa ở Nam ra anh em ly tán hết cả, có gặp mặt ai đâu. Thật là ma đưa lối quỷ dẫn đường chứ nếu cứ ở bên chùa với Mẹ tôi rồi giận chồng mới bằng con trở lại Hà Nội, lúc đó còn yên ổn. Không may ngày đó Mẹ tôi lại về Cẩm Giàng thu nốt thóc lúa đem về gởi bên ngoại, nếu không Mẹ tôi đâu có cho đi. Chị ấy về Hà Nội được mấy hôm thì sai thằng cháu sang đón anh tôi, nói dối là thằng bé đau nặng, mà anh Cẩm hiểm, được có một mình nó nên quý lắm.

Hai đời vợ trước đều chết và mấy đứa con cũng chết hết, nên anh lại vợ vãi sang ngay mới biết không phải con đau, nhưng vì vợ không chịu được cảnh ở chùa cơm chay dưa muối cực khổ. Về Hà Nội thì có còn ai đâu mà tiền cũng không có, chỉ còn ít gạo mẹ tôi đem ở quê lên thôi, nên lúc chạy mới không có tiền. Ở bên chùa thì Mẹ tôi đã nói với sư ông bị họ bắt làm chủ tịch kháng chiến, cấp cho anh Cẩm tôi một cái chứng minh thư tên khác rồi, không biết hoảng hốt thế nào mà lại đưa cái thẻ Nguyễn Tường ra nên họ mới bắt chứ ở đó



có rất đông người ở tỉnh về ở chật nhà, họ có bắt ai đâu. Bắt ai đã có lệnh trên phủ rồi, người em chị Tam cũng là người trong đảng gì đó nên họ mới bắt chứ. Sau này Mẹ tôi biết tin, người chỉ thờ dài và than nó bị bắt là tại vợ nó, thật là quýt làm cam chịu, đang ở Sài Gòn sung sướng thì về Bắc mà làm gì, làm Mẹ tôi phải lo đủ thứ mà đến nay xảy ra như vậy thì thật là cái oan nghiệp, còn biết tính sao.

Sáng hôm sau hai bác cháu về chỗ tôi ở, chị Hai Cẩm trông thấy tôi là òa ra khóc từ ngoài cổng, tôi phải ghé tai nói ở đây tôi phải giấu hết chị đừng nói gì cả, coi như người họ xa thôi, chứ họ biết là họ bắt hết. Hôm sau chị hỏi tôi có tiền không, cho chị để đi theo xem họ bắt anh dẫn đi đâu, tôi nói tiền cũng hết rồi, chúng tôi cũng chưa biết sống ra sao đây. Thôi đây sang chùa cũng gần, vậy chị qua cho cụ biết và xin tiền đi theo anh, còn cháu và con vú thì chị để đây, em chạy đâu cháu chạy đó chứ qua bên chùa có trẻ con ở cũng bất tiện. Thế là chị ấy cũng giận dỗi mang theo cả con đi luôn, tôi cũng mừng, nếu không lấy gì mà nuôi thêm hai miệng ăn đây.

Lúc chồng tôi ở Vân Đình về cho biết, ở quê không được, vì những người ở đó là toàn ở Hà Nội cả, họ quen biết mình hết e khó giấu. Chỉ có mấy đứa cháu kêu bằng chú thím là họ nhất định giữ hai cháu lớn, nói là chú cho hai em về ở với chúng cháu, sẽ để các em theo học và đỡ cho chú thím, sau nữa cả họ còn có mình chú sinh được mấy em để nối giòng họ Cát sau này, nên ở chia ra nhớ có sự gì, mất chỗ nợ còn chỗ kia.



Các cháu nói nghe cũng cảm động, thời loạn ly nuôi được miệng ăn đâu phải dễ, nhưng chồng tôi đâu có chịu xa các con. Nên mấy hôm sau tôi với thằng cháu thứ hai trở lại chỗ chị Tam tôi bị bắt, thăm các cháu và xem tin tức chị ra sao. Tôi vào nhà thấy vắng hoe, không khí lạnh lùng, tôi ngồi trên nhà khách mới được con cháu lớn anh Tam và vợ của người em chị Tam đã bị bắt, nói chuyện cho tôi biết là bộ đội nó canh gác dữ lắm, cô có cần bảo gì cháu thì bảo rồi ra về ngay thì hơn.

Tôi mới kể chuyện tôi bán đất cho chị Tam và chưa lấy tiền, nên bảo cháu có tiền thì đưa cho tôi. Cháu nói tiền thì không có, chỉ có cau và ít thùng dầu lạc ăn thôi. Tôi đành bảo cháu đưa cho thùng dầu và ít tấm vải nâu, tôi bảo cháu cố bán cau bán dầu đi giúp cô. Cháu hẹn độ mười hôm nữa, cô cho em Dũng sang là cháu đưa, chứ cháu không thể ra khỏi cửa được vì họ theo dõi. Hai cô cháu đang ngồi nói chuyện thì bộ đội họ tới hỏi tôi ở đâu đến làm gì, tôi nói tôi là cô ruột của cháu đây. Khi còn ở Hà Nội, tôi có gởi chung tiền buôn cau với chị Tam, nên chúng tôi chạy hết tiền sang lấy thì mới biết tin chị ấy bị bắt rồi, nên tôi ngồi đợi người nhà ra chợ mua thùng về đựng dầu, vì không có tiền nên phải lấy dầu. Chốc họ lại vào giục, tôi bảo ông muốn tôi đi ngay thì làm ơn ra chợ kêu cô ấy mang thùng ngay cho tôi, chứ xe tôi cũng đợi tôi ở cổng làng để về chứ tôi ở đâu làm gì.

Lúc nó đi gọi hộ, người em dâu chị tôi mới nói tôi sợ họ bắt chị quá. Tôi cười nói họ bắt anh chị tôi cùng



cháu tôi, bây giờ có bắt tôi thêm nữa nhờ chính phủ nuôi hộ, tôi khỏi lo đói nữa. Mà tôi đang đói thật sự. Từ sáng tới giờ, họ cũng không dám mời tôi ăn cơm. Bà mẹ chị Tam ở ngoài tỉnh mến tôi lắm, cứ nhận tôi làm con nuôi mà nay tôi thấy cụ ở sân nhà dưới, biết có tôi ở trên này mà cũng không dám lên hỏi. Than ôi, đảng phái thù hận chém giết nhau, mình có làm gì đâu, chỉ biết ăn và để thôi. Lúc đó tôi đang mang bầu đứa thứ bảy nên họ cũng ngăn cái bụng tôi luôn, bắt nhốt rồi làm sao đây.

Lúc cô Ân, em gái chị Tam đem thùng gỗ về đóng dầu xong, xách dùm tôi ra xe là họ cũng theo sát luôn, khi tôi lên xe ra tới đường cái họ mới trở vào. Một khi mà mình cũng là nhân vật quan trọng được người ta tiếp đón chu đáo vậy, đúng là tiếp đón thời loạn lý, không trách chằm ngôn đã nói đói bụng thì đầu gối phải bò. Đường thì kẻ hở ngang đường từng quãng, xe đi được một khúc lại xuống để xe không sang, thùng dầu và người lại xách sang sau. Tôi thì bụng to đi bộ cũng cực, mà ngồi giữ thùng dầu chỉ muốn tung nút ra vọt dầu hết xuống cho đường trơn để đi hơn. Nếu đi thẳng thì chỉ hết một giờ là đến, mà đi xe như vậy mãi tới tối mịt mới về tới nhà, cả tôi với người phu xe đều thở dài ngao ngán.

Hôm sau tôi cho bán thùng dầu và mớ vải cho mấy bà hàng xóm, lấy tiền đóng ít gạo cho cháu ăn chờ lấy thêm tiền lại vào đồng chiêm. Người ta nói đồng chiêm lấy lợi lắm và không có đường cái lớn, Tây nó không thể đổ bộ được, đỡ lo hơn, thế là lại có màn gồng gánh



ra đi nữa đây, biết ngày nào được về cái nhà bé nhỏ bên Hồ bình yên. Được mười hôm, tôi và thằng cháu thứ hai sang, lần này đi bộ chả thèm đi xe nữa. Đến gần làng, tôi ngồi ngoài mô đất ở cánh đồng, chỉ cho thằng con tôi mặc áo nâu quần đùi, tay cầm mấy bông hoa cỏ như là đứa bé trong làng ra chơi. Tôi bảo cháu đi rẽ qua bụi tre mà vào chứ đừng qua cổng trước, có bộ đội họ gác, nếu ai có hỏi thì con cứ bảo tôi là Dũng con bác Tín, người có đứa con cũng cùng tuổi cùng tên.

Tôi ngồi ngoài cánh đồng mà cứ phập phồng lo ngại, chả biết lần này có tiền chưa. Độ nửa giờ, tôi thấy cháu đi ra tay không, tôi đã thất vọng. Lúc đến gần tôi, cháu mới nói chị Thư đưa cho năm nghìn, tôi mừng như chết đuối vớ được cọc, và chị dặn cô cố tiêu hà tiện chứ chị cũng phải tàn cư đi nay mai và sẽ đi xa lắm, thôi hai mẹ con đi khỏi chỗ này cho mau.

Thế là vợ chồng con cái lại lên đường, khi đi hai gánh, bây giờ còn một gánh là chân màn quần áo mà thôi. Đi qua bao cánh đồng chiêm lụt lội, đường toàn bờ ruộng, tôi phải chống cái gậy không sợ ngã, thằng con lớn thì chống em bé để vú em gánh đồ, được cái cũng gần, độ hai mươi cây số. Đi qua làng Ngọc Nữ, tên thì thật đẹp nhưng bản ơi là bản, hình như không có cầu tiêu, đường làng đường đất chỗ lồi chỗ lõm, nhưng làng nào cũng có nhà thờ thật lớn. Tôi nghĩ bụng đâu có cần nhà thờ, giá đem những viên gạch đỏ mà lát đường làng có phải bao đời kiếp con của chúa khỏi lận lộn khổ cực không, và tổ chức có cầu tiêu công cộng cho hợp vệ sinh, chứ ở dơ dáy thế này lúc bệnh dịch chết



thì cầu chúa, chúa cũng đành bó tay. Tôi nghĩ thầm thế thôi chứ họ biết được ý nghĩ trong đầu tôi thì chắc họ đuổi tôi đi tức khắc.

Làng Hồng là làng tôi trú ngụ, chẳng biết hồng đây là hồng hách hay hồng gỉ, sau mới biết tên thật là làng Thường Cung cơ đấy. Họ đem tôi vào ở nhà bà Côi cũng góa chồng, cũng có một trai một gái y như bà Be, nhưng nhà bà này nghèo, nhà tre lợp rạ ba gian. Nhà trên nhường cho tôi, còn ba gian nhà dưới bà ấy ở gian buồng, còn hai gian ngoài để khung cửi dệt vải vì làng này có nghề kéo bông sợi và dệt vải, còn ruộng thì ít thôi. Nhà nền đất sân cũng đất luôn, có hai cái giường tre bé nhỏ, tôi nằm nếu thẳng chân chắc thò ra ngoài đường luôn, được cái tôi hay nằm co nên cũng không sao. Trời về tháng giêng hầy còn lạnh lắm, nên tôi phải nhờ người làm cho mấy tấm gianh là lấy rạ kết vào che thành như tấm liếp để lên giường, trải chiếu lên trên nằm ấm lắm, và trải thêm một ổ rơm cho hai vú em nằm nữa là yên ổn.

Nhà cửa ở đó có cái chợ nhỏ của làng, năm ngày mới họp một lần, chỉ có cá, tôm, cua, rau và quả thôi. Tôi mua mớ cá giếc độ năm hào đem về kho với tương đen, lót rạ ủ kỹ đem ra ăn dừ cả xương. Cua đồng cũng rất rẻ, đem về nấu canh hoặc rang với cà chua, ăn cũng ngon như cua bể vậy, thỉnh thoảng mới ăn thịt. Tôi thì cứ chung cà chua với tương đen ra ăn với rau diếp, độ năm xu một rổ ăn sao cũng ngon ghê. Tôi mua gạo nếp để thổi xôi hoặc mấy gánh khoai lang đồ đầy góc nhà để luộc ăn, vì ở nhà quê không ăn sáng, ăn cơm khoảng



chín mươi giờ rồi chiều ăn năm giờ cho sớm, vì đèn dầu tối lắm, đến tám giờ ăn xôi hoặc khoai.

Bà chủ nhà này thật chân quê chất phác, bà chưa ra khỏi làng từ bé đến giờ, chưa hề biết xe lửa kéo ra sao, Hà Nội thế nào. Bà rất hiền, cả ngày chỉ dệt vải thôi. Có người con gái lấy chồng ở xóm trên, được hai đứa con, nhà cũng khá. Chị ấy cũng lanh lợi, cũng kéo sợi, dệt vải ngay phiên chợ làng bên kia sông. Con chị ấy đưa tôi sang mua gạo và các thứ cần dùng, chợ bên ấy đông đảo trù phú hơn bên này, bán bông, sợi vải, đủ cả. Mua gạo chị ấy gánh về hộ, rồi mọi người bảo tôi mua thóc để, tôi cũng mua mấy gánh để dành. Tối đến, mấy đứa con tôi nó cũng đóng kịch múa hát chơi, vì trước chúng có đi Hướng đạo mà bà Côn cũng xuống xem, bà vui cười quá sá. Tôi thấy bà nghèo quá đi nên tôi hay biếu xôi, khoai, cá kho hay bát canh cua để bà ăn, cứ khen ngon. Bà không ngờ người ở tỉnh sang trọng như chúng tôi mà biết đủ thứ, lại còn ngon hơn người nhà quê. Từ bát canh chua cá bổi, đến bát canh cá nâu chua rất rẻ tiền và rất ngon, lại sang ếch rán dòn hoặc nấu với rọ mừng sẵn có. Nhà bà có hai đồng rạ, tôi đun hết mà đưa tiền bà không chịu lấy, nói nhà có rạ cũ để cũng chẳng làm gì.

Cứ ăn rồi ngồi nhìn nhau, rồi lại ăn, chuyện cũng chả có mà đọc, nên thỉnh thoảng tôi sang chơi nhà bác Vĩnh Thịnh là bạn của chú Sáu hồi xưa, đây là quê của bác ấy. Lại có hai vợ chồng anh Ba Miến, trước trông nom bên nhà in Phong Hóa cũng hay về ở nhờ, hai bà bày ra kéo bông thành sợi rồi thuê người dệt nên cũng



vui. Họ cũng rủ tôi buồn nhưng tôi không quen nghề và vốn cũng chẳng có, vài nghìn bạc để đóng thóc gạo mà thôi. Tôi cũng chưa biết ăn hết số tiền này thì tính sao đây.

Đi thăm Mẹ

Cuối tháng Giêng, tôi với thằng cháu lớn sang chùa định đón cụ qua bên này. Hai mẹ con đi một ngày đường mới biết là nhầm, cũng chùa Bối Khê, nhưng chùa Bối Khê sự cụ ở là ở làng Phúc Anh cơ. Đến nơi trời đã tối rồi, chỉ sợ ở điểm canh đầu làng họ hỏi giấy tờ là đi tìm ai. Tôi nói là có một người cô đi tu ở tỉnh chạy về đây nên tôi sang thăm, họ cho người đưa vào chùa. Đến lúc vào, tôi hỏi rõ ra mới biết là nhầm nên tôi nói với sư bà cho mẹ con tôi ngủ nhờ đây một tối, sáng mai tôi đi sớm mà nhà chùa nhất định không chịu.

Tôi nói cửa Phật mở rộng mà, trong lúc này các nhà tư gia còn mời đón các gia đình vào cư ngụ, hướng chỉ là cửa chùa. Sư bà sai ni cô ra nói với tôi là ra trụ sở mà ngủ, thằng con trai tôi bảo thôi, ra trụ sở cũng được đi mộ. Hai mẹ con bước thấp bước cao ra tới chỗ điểm canh, tôi trình bày cho mấy anh thanh niên ngoài đó hay. Mấy anh nói ngoài này trống trải lắm mà tôi lại có mang, ở ngoài này sao tiện, vậy tôi nên vào chùa ngủ. Tôi nói sư bà nói nếu không có người ngoài này đưa vào thì sư bà không dám cho ngủ. Mấy anh bảo phải đưa tôi vào, vì lúc bấy giờ trời đã khuya, tôi lại lạ đường nên khó đi. Tôi nói cảm ơn rồi lại theo các anh



trở vào chùa, các anh kêu sư bà lấy mền cho chúng tôi đắp tử tế rồi ra điếm, sư cô đem hai cái chiếu ra nói nhà chùa không có mền. Tôi xin chén nước uống rồi đi ngủ.

Thế là hai mẹ con phải nhịn đói mà ngủ chứ nhà chùa cũng chẳng hỏi han chi, ấy là mình cũng con cháu người tu hành trong một pháp môn mà đối xử thế. Suốt đêm tôi không ngủ được, vừa đói vừa lạnh lại không quen đắp chiếu, kín đầu hờ chân. Sáng sớm tôi trở dậy, uống ngụm nước lạnh buổi rồi lên lễ Phật và gửi lời chào sư bà. Tôi nói với sư cô cầu Pháp Tổ độ trì cho nơi đây được yên lành mãi mãi, không phải cơ cực như chúng tôi đây. Tôi đi lên đến bờ đê trời còn trong sương mù, hơi lạnh dưới sông bốc lên, hai mẹ con đi gần nhau cho ấm. Đi tới sáng rõ mới thấy một hàng bánh cuốn, lạnh ngắt cũng phải ăn qua loa cho đỡ đói. Đi đến chín giờ mới có hàng bún riêu nóng, hai mẹ con lại vào ăn và hỏi đường tới chợ Đa Nguu có chùa Bối Khê. Đi trên bờ đê xong lại rẽ xuống ruộng bắp và khoai mì tươi tốt, cứ vừa đi vừa hỏi, lúc thì rẽ trái, khi rẽ phải, có khi đi lộn tới một quãng mới trở lại vì người ta nói lộn.

Tôi cũng chịu, người nhà quê sao họ tài thế, tôi thấy đâu cũng giống đâu thế mà họ không lạc. Đường vắng vẻ dù có muốn hỏi thăm cũng chẳng gặp ai để mà hỏi. Đi đường có nhiều cảnh thật đẹp, hai mẹ con lại ngồi nghỉ chân ngắm cảnh, nghĩ có thể suốt đời mình chỉ có qua đây một lần thôi, vì lúc về lại đi con đường khác. Mãi tới trưa mới tới chợ Đa Nguu, hai mẹ con tôi vào chợ



ăn quả trừ cơm. Chợ này đông đảo vì các làng chung quanh đây đều là dân rất giàu ở Hà Nội về. Người Phố Kiến bán thuốc bắc cùng các hiệu làm bánh cốm bánh dẻo cũng đều quê ở đây. Nhiều nhà hai tầng, vườn hoa cây cảnh như ở tỉnh, đường lát gạch, xe hơi vào tận cổng. Tôi gặp chị bạn xưa cùng học thêu máy với nhau, chị hỏi tôi chạy đâu mà sang chợ. Tôi nói tôi chạy lên Thường Tín, nay sang chùa Bối Khê thăm bà cô tôi tu trước ở Hà Nội rồi chạy sang chùa đây. Chị nói hai mẹ con ăn quả đi rồi chị trở lại đưa chúng tôi vào chùa, cũng gần đây thôi.

Chị đưa tôi vào chùa, mẹ con gặp nhau mừng rỡ quá. Tôi nói tôi đi lạc mất một ngày đường và kể sự sự bà đối đãi với tôi, ai cũng chê trách. Tôi lên chào hỏi sư bà tại chùa rồi lên lễ Phật, tôi vẫn đóng vai là cháu thôi, sợ mọi người biết. Đến trưa, hai mẹ con vào phòng, tôi mới đem chuyện chị Tam, anh Cẩm ra kể. Mẹ tôi bảo là Mẹ tôi cũng đã phải lo từ trước rồi, thay tên đổi họ và bao nhiêu giấy tờ Mẹ tôi cũng đã đốt hết đi. Mẹ tôi sang chùa nhờ sư ông che chở cho, tuy là phe bên kia họ bắt ông làm chủ tịch kháng chiến, song riêng lòng thì tất cả các sư bên này đều quý mến các anh nên Mẹ tôi mới sang đây ẩn thân. Sư ông thấy bộ đội trên tỉnh về luôn luôn, sợ nhận diện được ra Mẹ tôi nên mới cho sư Bác đưa qua bên này tạm trú ở đây. Nếu có sự gì xảy ra thì đây cũng thuộc vào quyền chùa Đào Xuyên, có gì thông tin được ngay, sư bà ở đây người cũng đức độ lắm.

Tôi nói tôi sang có ý mời Mẹ tôi sang ở bên tôi, có



mẹ có con, có bà có cháu, chứ nay các anh đã bị bắt và đi xa hết. Chị Tam có cháu Việt còn nhỏ mà họ cũng bắt nên chồng tôi lo, cho tôi sang đón Mẹ tôi về ở với chúng tôi rồi liệu cách tìm về, chứ chạy mãi lấy tiền đâu mà sống. Mẹ tôi cũng nói hôm Mẹ tôi ở bên chùa về trại cũng tưởng bán được thóc lấy thêm tiền để tiêu, ai ngờ không có ai còn nghĩ đến mua thóc làm gì, nên Mẹ tôi lại cho gánh gởi vào trong bà Giáo, chứ để ngoài nhà e họ lấy làm trụ sở rồi họ cũng lấy hết đi. Đến lúc Mẹ tôi sang chùa thì thấy vợ chồng con cái anh Cẩm đã theo vợ về Hà Nội rồi, Mẹ tôi vội cho ngay thẳng Dư qua đón sang chùa. Nó sang đến cầu Gia Lâm thì họ cấm nên nó lại quay về cho Mẹ tôi biết. Anh Cẩm có làm sao thật là tại người vợ Sài Gòn, hết đàn bà rồi sao mà lấy người vợ vừa dữ vừa ăn hoang, chả biết một tý gì về nội trợ.

Mẹ tôi thương con, đưa bao nhiêu tiền, anh ấy cũng đưa cho vợ hết. Ai lại anh ấy đi công việc, chị cho anh ấy ăn bát cơm chiên, chồng vừa đi khỏi chị sai con vú đi mua phở về ăn, con cũng chả cho ăn. Chị biết anh ấy quý thẳng bé nên hể nói gì, cứ đem thẳng bé ra đánh đập, con người như thế đâu có thể lấy lời lẽ mà nói được.

Hôm chị bằng con về đây, còn bù lu bù loa khóc lóc, Mẹ tôi cũng phải ngọt ngào mà dỗ dành chị nỗi hung rồi kể hết ra thì thân Mẹ tôi cũng chả yên. Hôm chị đi, Mẹ tôi cho ít tiền cũng kêu ca, Mẹ tôi phải thề là Mẹ tôi cũng thật hết rồi, chị mới chịu đi. Mẹ tôi nói thôi Mẹ tôi cứ ở đây, dù sao cũng có người nâng đỡ cho và Mẹ



tôi đi tu rồi, ở chùa là hợp lý hợp cảnh chứ sang tôi ở lại gọi thêm sự hồ nghi dưới con mắt họ. Tôi thì tháng sáu sanh rồi, thôi có chuyện gì tôi cho hai cháu nó sang thăm mẹ tôi cũng được, vì trẻ con họ ít để ý hơn.

Hôm sau tôi về, Mẹ tôi đưa tôi ra khỏi cổng làng, lúc bấy giờ Mẹ tôi mới khóc như mưa như gió vì trong chùa Mẹ tôi phải nén lòng, sợ họ nghi. Tôi cũng không còn biết phải tính sao, đi cũng không đành lòng, ở lại cũng không được, thôi trăm sự đều cầu mong đức Phật che chở cho Mẹ tôi, đã bỏ hết ăn ngon mặc đẹp đổi lấy muối dưa nấu sòng, chả lẽ nay tuổi già lại vào vòng tù đầy nữa hay sao. Tôi và đứa con trai lại theo con đường khác trở về, đi hết một cánh đồng nhìn lại vẫn còn thấy hình bóng áo nâu lẩn trong bụi tre già. Thật đúng là thời ly loạn, xưa sao đầm ấm một nhà, giờ sao ly tán như chim lạc đàn. Hai mẹ con cứ cố đi vì sợ tối không về kịp nhà, phải đi qua đò ở bến Mễ. Qua bên kia là bờ đê trời đã về chiều rồi, họ chỉ cho lối đi trên đê, sang bên kia thì về nhà kịp.

Hai mẹ con định đi lên đê thì có hai người lính cản lại không cho lên, nói là khúc đê đó máy bay của Pháp hay tới bỏ bom, nguy hiểm lắm, phải đi vòng lối dưới, qua một giây nhàn rồi mới được lên đê. Tôi nói bây giờ cũng sắp tối rồi, chắc máy bay nó không tới nữa đâu, cho tôi qua chứ đi con đường dưới e không kịp về tới nhà. Người lính họ ngần ngại, song vì thấy tôi bụng to nên họ bằng lòng cho tôi qua. Tôi vừa lên tới mặt đê, đi được một quãng ngắn thì hai chiếc máy bay ở đâu xuất hiện, tôi chạy vội vào bụi tre nằm chúi đầu vào ẩn,



không còn dám mở mắt ra coi nữa. Thằng con trai tôi nó ngồi chồm hổm nhìn lên trời, lấy làm thú vị lắm. Chốc chốc nó lại gọi tôi, nói rằng không sợ vì nó đang bắn phá ở dưới sông bên kia cơ. Tôi nghe từng loạt đạn như xé tai, nếu chẳng may có viên đạn nào lạc bầy vào tôi thì lại hối là không nghe người lính họ đã cảnh. Sau khi máy bay đã đi xa rồi tôi mới lên mặt đê, thấy người ta ở hầm hố chui lên, gọi nhau ới ới. Thì ra những người ở chân đê gần sông, họ đã biết và đề phòng cả rồi, có gì đâu, khúc sông này hẹp và nông nên bộ đội họ lấy tre cắm ngang sông để ngăn tàu Pháp.

Lần đi thăm mẹ tôi về, sau khi sanh đứa con gái út, đội tôi đã khỏe mạnh, gia đình tôi hồi cư, trở lại Hà Nội. Vợ chồng tôi biết nấn ná mãi ở nông thôn, tung tích sẽ bị lộ và Việt Minh sẽ có thể bắt chồng tôi như đã bắt anh Cẩm và chị Tam.

Năm chúng tôi về Hà Nội là 1947 và thế là sau một thời gian tản cư tao loạn, gia đình nhỏ của chúng tôi lại tiếp tục sống khá yên ổn tại Hà Nội, mãi cho đến 1954 thì kéo nhau vào Nam lập nghiệp, làm lại cơ đồ.



VỀ QUÊ

Gia cảnh

Tôi nhớ năm đó tôi đã 17 tuổi. Nhà ở Hậu Giám gần Văn Miếu. Căn nhà xây có lâu của người Pháp xây cho người Pháp ở, thành còn một căn mẹ tôi thuê cho bà nội tôi. Anh Long làm tại kho bạc, và vì chưa đủ tuổi vào trường Cao Đẳng nên anh Hai Tường Cẩm đang học về Canh nông phải đi vào Saigon, rồi phải đi về vùng quê, tôi chỉ còn nhớ nơi có tên Bô Lô Ven thôi, rồi anh bị nước độc mắc bệnh hen suyễn mới xin về Hà Nội để chữa bệnh. Trong hai năm chích bao nhiêu thuốc Tây, anh Tư Long chích lấy, vô ống thuốc để từng rổ mà cũng không khỏi. Sau mẹ tôi nghe nói có ông lang ta ở tỉnh Thái Bình đã ngoài 70 tuổi. Cụ lang nể mẹ tôi lắm mới chịu lên Hà Nội bắt mạch cho thuốc. Anh Hai cũng nể mẹ tôi nên chữa thêm thuốc ta trong hai năm nằm bệnh viện Phủ Doãn. Từ từ rồi khỏe lúc nào cũng không biết, song anh vẫn phải nằm bệnh viện sở mới cho nghỉ, thành mẹ tôi sắc thuốc rồi cho anh người nhà mang vào cho anh uống.



Uống đều như thế có hai tháng thì anh khỏi hen, chứ cơn hen anh có cử suốt cả đêm ngày chả ai ngủ được, nhưng thương anh nên không ai kêu than. Sau khi anh khỏi, anh xin vào Saigon vì nghe nói trong đó nóng quanh năm, không có lạnh như ngoài Bắc. Mẹ tôi cũng lo phải cho anh người làm đi theo để lo cơm nước và sắc thuốc bổ cho anh uống. Bấy giờ tôi mới rõ là thuốc tả cũng hay, tại không mấy người biết mà thôi.

Mẹ tôi vẫn lo cho anh Hai. Sau người làm biên thư về cho mẹ tôi hay khi anh nằm ở bệnh viện có quen một cô y tá. Sau cô ta theo anh vào Nam mà anh giấu mẹ, sợ mẹ tôi không bằng lòng, nhưng, sự thực mẹ tôi rất lo cho anh, giá anh có nói chắc mẹ tôi cũng lo cưới vợ cho anh. Có lẽ anh cũng còn ngại trong 2 năm ốm đau, bao tiền lương lo vào việc chữa bệnh hết cho anh, đâu còn tiền để cưới vợ.

Nhà tôi lại càng vắng vẻ khi sau đó một năm anh Tư tôi vào làm Tòa án tại Đà Nẵng. Mẹ tôi sợ anh buồn nên lại cho em Sáu tôi đi theo cho vui, vì tuy em đã đỗ trung học nhưng ít tuổi chưa vào Đại học được.

Bấy giờ anh Tam đã có vợ và một con gái. Bà nội tôi trông nom hàng cau cho chị Tam. Sau khi ba anh em ra đi, mẹ tôi rời căn nhà nhỏ ở đường Đỗ Hữu Vị, thuê mỗi tháng 60 đồng. Hàng tháng còn phải tiếp tục trả cả tiền thuê căn nhà tây nên cảnh nhà túng thiếu. Các anh đã đi xa tôi buồn nhất, vì anh bếp cho nghỉ, xe kéo bán, anh xe cho về, tôi trở lại việc bếp nước, hết thời phong lưu.

Em út Tường Bách lúc này mới 10 tuổi, vẫn còn đi học. Còn anh cả tôi vợ mới mất, lại phải đi dạy học mãi tận Hà Giang. Mẹ tôi lại lo anh buồn chơi bời bậy bạ, nên lại lo tìm vợ khác cho anh.

Mẹ tôi có bà bạn già, bà cụ huyện Thành hay lui tới nhà tôi chơi. Cụ hay đến bất thành hình nhiều khi làm tôi hết hồn. Nhà nhỏ hẹp chỉ có hai căn, bên ngoài tiếp khách, căn trong để hai mẹ con tôi ngủ. Nhà có cái sân nhỏ, cái bếp nhỏ và lại hướng Tây nên buổi chiều mặt trời chiếu vào nóng hừng hực mà chả biết đi đâu.

Sau này tôi mới rõ, hóa ra cụ huyện Thành hay đến chơi để dò xét xem mặt tôi. Các cụ ngày xưa kén vợ kỹ thế. Tôi đâu có biết, vẫn ngây thơ và vẫn lễ phép một thừa hai bẩm, thế là các cụ chịu lắm. Bấy giờ gia đình tôi lại có phần nghèo túng lại, ngày tôi chỉ có lo hai bữa cơm và cũng chẳng đi đâu hay có việc gì làm.

Bà cụ thấy anh cả tôi nghĩ hè về nhà cũng hiền lành lại trắng trẻo đẹp trai hơn anh hai, nên một hôm nói với mẹ tôi để tôi làm mai một cô này cho cậu ấy. Cô này cũng góa chồng chưa có con, mới lấy chồng được một tháng thời chồng chết, con gái ông Hàn Phúc ở Hàng Gai, nhà có máy in chỉ lớn kém có nhà in IDEO. Mẹ tôi nói lấy vợ cho cháu là cho có vợ đi theo, con người hiền lành để trông nom, có đức chữ của cái mà làm gì. Để rồi tôi bảo cháu nó đi coi mặt. Tuy cô ta trông cửa hàng bán sách của gia đình, cứ vào mua sách coi mặt để thói, mà anh cả bảo cô Năm đi coi mặt hộ tôi, cô ưng là được rồi. Tôi không chịu, cái em là con



gái nhìn nó khác mắt con trai chứ. Mẹ tôi giục hoài anh mới chịu đi coi mặt. Coi về anh nói cô ta nhỏ nhắn xinh xắn cũng được thôi.

Thế là bà cụ mới tìm một bà bạn quen đánh tiếng hộ, thời hai ông bà Hàn đều bằng lòng ngay. Mẹ tôi hỏi ý kiến bà nội tôi. Bà nội tôi nói lúc nào cũng mong có cháu dâu để có nhiều chất cho vui nhà. Từ khi chị cả tôi mất đi cùng với đứa con, bà nội tôi cứ thương tiếc hoài.

Nhà gái thách cưới bánh cốm, bánh xu xê, tiền mặt là 500 đồng bấy giờ còn bạc đồng, chè rượu, hai con heo quay, rượu, cùng 20 xe kéo đón dâu cũng như hồi đám cưới anh Tam. Mẹ tôi nói tưởng là hai bên rổ rá cộp lại thời đơn giản, ngờ đâu cũng như cưới con gái, nên đã có ý định bỏ cuộc nhưng bà nội tôi không chịu. Mẹ tôi lại đi vay tiền bà ba Hòe, di ruột của chị Tam. Bà Ba đứng ra lo giúp cho 500 đồng bạc bao giấy đỏ đưa lại cho mẹ tôi.

Rồi lại còn phải đi mượn cái nhà khác rộng rãi. May có bà Phủ mới xây dành cho con trai lấy vợ, nhưng nó còn nhỏ nên bà bằng lòng cho thuê 40 đồng một tháng. Tiền thuê quá nhiều nhưng khó tìm nhà khác. Nhà cũng ngay phố hàng Bè gần Cầu Gỗ, tuy rộng rãi nhưng thiếu đồ đạc. Bà Hàn Thông rất thân với gia đình tôi cho mượn hoành phi câu đối chậu cảnh.

Thế là gia đình thành có nhà cửa rộng rãi, đồ đạc sang trọng cứ như nhà giàu vậy. Tôi nghĩ hơi buồn vì



chỉ là cái giàu giả tạo, đồ đạc đi mượn, nhà đi thuê có phải của mình đâu. Cũng vì anh cả lấy vợ giàu nên phải cho xứng với nhà gái.

Khi đón cô dâu về cũng thấy mang theo hai cái (rương) hòm da đen có khóa đồng, trên phủ nhiễu đỏ. Khi cô dâu về mở hòm ra lấy 500 đồng bạc bọc giấy điều đưa trả mẹ tôi. Tôi nghĩ bụng có thể chứ. Nhà gái giàu nổi tiếng Hàng Gai đâu cần đến số tiền này. Mẹ tôi đem trả bác Ba. Tôi để ý thấy trong hòm chị dâu có cái két nhỏ, mở ra thấy vài trăm đồng bạc, ít quà biếu bằng bạc. Tôi cũng nghĩ mẹ tôi không màng tiền bạc, giá đặt nhiều hy vọng vào cuộc hôn nhân này chắc sẽ phải thất vọng mà thôi.

Anh Cả tôi bỏ dạy học thi vào ngành Pháp làm ở Bưu điện. Thời đó phải giỏi lắm mới thi đỗ nổi vào ngành công chức Pháp và lương rất cao, 180 đồng một tháng, hơn cả lương tri huyện chỉ có 140 đồng.

Sau hai tháng về làm dâu, chị Cả xin ra ở riêng, nói là bố mẹ cho cái nhà ở Hàng Tre để chị ở và làm chỗ buôn bán. Mẹ tôi cũng thuận, nhưng chỉ bảo ở lại thêm một thời gian trông nom nhà cửa để mẹ tôi vào Huế cảm ơn Hội các vị quan đã giúp anh Tam học bổng sang Pháp học. Luôn tiện mẹ tôi vào Saigon thăm anh Cẩm, qua Đà Nẵng về thăm quê Hội An. Tôi cũng được đi theo mẹ tôi về thăm cả bên quê nội lẫn quê ngoại.

Chị Cả tôi về sau buôn bán đầm đàng và sinh cho



anh tôi đến 11 đứa con, đều thông minh học hành đỗ đạt thành tài cả. Bà nội tôi nếu còn sống đến khi đó chắc rất vui lòng vì cháu chất đồng đảo.

Chuyến về quê nội Hội An

Trước hôm mẹ tôi đi, tôi thấy chú Sáu và anh Hoàn tới nhà. Tôi cũng chẳng để ý, chỉ thấy anh Hoàn cầm một chén trà hương mời mẹ tôi và nói “Mẹ nhận con là rể xin mẹ uống chén trà này”.

Tôi đứng ở xa chỉ thấy mẹ tôi uống trà rồi hai người đứng cười. Tôi chả nghe rõ câu chuyện và tôi cũng không muốn đi lấy chồng. Tôi nghỉ thôi chuyện đó cứ để đó, tôi còn thích được đi Saigon, được về quê Hội An là mừng rồi. Từ bé tôi nào được đi đâu bao giờ.

Về đến quê, mẹ con tôi ghé thăm anh Ba người tàu, con trai của cô ruột tôi. Anh nói có thằng con trai đang học tiếng tàu, hay thấy các anh em nhà tôi đều học giỏi đỗ đạt, nên anh nhất định gửi nó ra ở với các anh để học thêm tiếng Pháp. Tôi nghĩ chẳng biết nó có chí học được không hay lại chỉ chơi bởi thêm mang tiếng. Mẹ tôi sợ cô tôi buồn nên cũng phải nhận cho cháu theo về Hà Nội.

Năm đó mẹ con tôi về Hội An thăm quê. Như tôi đã có nói, cô tôi kêu là cô Ủ vì cô lấy Tàu. Ông Ủ đã mất từ lâu, cô chỉ có một trai tức anh Ba. Anh ấy cũng chỉ có một con trai và hai người con gái, tức là cô Lành và cô Ngoan. Cô chị tên Lành hiền lành thật, còn cô em



tên Ngoan lanh lợi hơn.

Máu mủ họ hàng có khác. Tôi từ bé đến nay đâu gặp cô, chỉ nghe bà nội tôi kể chuyện thôi, mà nay cũng có cô cháu cháu thật thân thiện. Hôm nào cô cũng hỏi “cái Năm” hôm nay có ăn cơm gà không ? Tôi lại cười vang vì tôi tưởng là ăn cơm với thịt gà. Đúng tôi là con bé nhà quê miền Bắc, cái gì thấy lạ cũng cười. Mấy cháu gái giải thích cơm gà là hấp con gà trên gạo, nước gà chảy xuống ngấm vào cơm rất ngon. Người tàu thường nấu ăn như vậy, thế là tôi cũng khen ngon. Cô tôi cũng hay ăn hến nấu với bí đỏ và nói hến ở sông này ngon có tiếng, nhưng tôi không thích món này lắm.

Năm tôi về thời còn được gặp bác Cửu Đôn là con thứ ba cụ Huyện, nhưng là con bà cả. Bà cả ở lại Hội An không theo cụ Huyện ra Bắc làm quan trấn nhậm tại huyện Cẩm Giang. Bác Cửu có vợ và 11 người con, nay sống nhờ vào bà mẹ vợ có nhà ở phố buôn cau khô, nhưng bao nhiêu tiền lời nuôi đàn con đông đúc không đủ. Sau phải bán cả căn nhà đi làm vốn buôn bán. Bác Cửu có một người con gái độc nhất lại gả cho học trò nghèo.

Tất cả các chuyện đều về họ hàng gần, nay đều do cô Úi kể cho mẹ con tôi nghe. Hai mẹ con tôi nghe cô tôi kể chuyện gia đình giống họ rất thú vị, còn tôi cứ cười hoài vì thấy họ hàng thật lớn và đông đảo.

Ngày hôm sau, cô tôi sai cháu Lành đưa tôi qua thăm cho biết mặt bác Cửu gái. Bác cho gọi tất cả các



cháu ra chào. Tôi cứ tưởng chúng còn nhỏ tuổi, ai ngờ các cháu lớn hơn cô đến cả mười tuổi. Chúng vòng tay chào cô mà cô cũng chỉ biết đứng cười chẳng nói được câu nào.

Sau đó bác bảo đưa cháu gái đã 25 tuổi đưa tôi vào chào bà. Bà đây tức là mẹ bác Cửu Đôn, vợ cả của cụ Huyện. Hồi cụ Huyện đổi ra ngoài Bắc làm quan thời cả hai bà cả và bà hai đều không chịu đi theo, vẫn ở lại quê Hội An. Sau cụ Huyện mới lấy bà vợ thứ ba, tức là bà nội tôi người gốc Quảng Trị cũng đẹp.

Cụ Huyện hiền hậu như một ông đồ vậy, làm quan thanh liêm có giòng nên cũng nghèo. Dân có biểu xén gì phải đi vào cổng sau. Cụ bà cũng hiếm, sinh được có một thầy tôi, đặt tên là cậu Anh, nhưng là con một nên cũng chẳng có em nào cả. Sau thầy tôi cùng đi học một thầy đồ với mẹ tôi nên mới lấy nhau sinh được 7 anh em chúng tôi. Mẹ tôi là con gái một ông Lãnh binh gốc gác ở Huế, cũng đổi ra Bắc làm việc ở huyện kề bên Cẩm Giang. Ai cũng khen cụ Huyện lớn tuổi con độc cháu đàn là rất có phúc.

Cách mười năm sau, anh Tư Long tôi đổi về làm quan Phán đầu tòa tại tòa án Đà Nẵng, hồi đó còn gọi là Tourane. Bà nội tôi đi theo trông nom anh và nhân tiện về thăm quê ở Quảng Trị. Lại một lần nữa tôi được cùng mẹ tôi trở lại quê nội ở Hội An. Phong cảnh vẫn như xưa. Cô tôi, cô Ủ, vẫn tròn như cái chuông úp. Cô cháu gặp nhau mừng mừng tủi tủi. Năm đó tôi đã lớn nên được cùng ngồi nghe hai bà trò chuyện trong

họ ngoài làng, kẻ còn người mất, lúc cười lúc khóc.

Nhà chật hẹp tôi phải nằm ngủ với hai cháu trong căn phòng nhỏ như cái tủ gỗ. Tôi phải kể chuyện cổ tích cho chúng nghe và không dám ruỗi thẳng chân sợ làm đồ đạc đổ xuống ào ào. Ở chơi được mười ngày, trước khi về tôi được đưa vào dinh cụ Tiến Sĩ. Cụ Tiến Sĩ có lần được vua cử sang cống bên Tàu. Khi về cụ được vua phong làm Thượng Thư. Cụ rất hay chữ nên về sau xin vua cho nghỉ về dạy học, và đi ngao du sơn thủy thăm khắp danh lam thắng cảnh. Cụ có nhiều học trò đỗ đạt thành tài.

Cụ sinh được hai người con trai, một làm tuần phủ một làm tri phủ. Nhà thờ cụ rất đẹp, tiếc là con cháu nghèo nên chia nhau ở chung quanh nhà thờ, chỉ dành căn giữa thờ cụ. Đất nhà thờ cũng rộng rãi nhưng con cháu bán hết đất chung quanh, và cũng lại bán luôn khu đất mặt tiền nhà thờ. Người mua dùng đất xây nhà ở, không trách con cháu cụ Tuần không ai cất đầu nên nổi.

Mẹ tôi cũng biết qua địa lý. Mẹ tôi còn nói tôi phải gọi con cháu cụ Tuần là bác Nghè. Tôi tưởng Nghè là do thi đậu, mẹ tôi lại nói Nghè là các con cụ được phong chức là Nghè ở trong nhà để cúng lễ. Khi còn tại chức, cụ Tuần tham nhũng nên có nhiều vàng. Khi gởi tặng bà con một lọ mắm, lúc ăn mắm hết mới thấy vàng dưới đáy.

Còn bên cụ Phủ là ông em lại quá thanh liêm. Cụ



Phủ chỉ gửi tặng bà con mỗi nhà một tảng đá xanh rất đẹp. Tôi cũng đã thấy một tảng đá xanh này tại nhà bác Cửu Đôn. Cụ Phủ làm quan thương dân như con. Có năm nhà vua bắt trai tráng trong làng đi phu hết, không có đàn ông ở nhà làm ruộng, nên cụ làm sớ tâu vua miễn cho dân. Vua không thuận, cụ buồn quá treo ấn lên cổng Phủ, từ quan về làng dạy học. Trong khi đó cụ cũng dò xét biết được 15 vị quan tham nhũng nên cũng dâng sớ lên vua. Nhận được sớ tâu, vua biết cụ là người thanh liêm nên sai quan đi thanh tra, thấy đúng sự thật.

Trong sớ của cụ Phủ lại cũng có tên của cả ông anh ruột Tuần Phủ. Nhà vua cách chức 8 ông quan bị tội nặng, còn thì giáng cấp hoặc đổi đi xa. Ông Tuần Phủ anh bị giáng 3 cấp. Thế là kể từ đó hai anh em bất hòa với nhau. Ông anh chửi ông em là đến anh ruột nó cũng không từ.

Hai anh em ruột bất hòa đến độ con cháu hai nhà cũng bất hòa luôn. Mới đầu con cháu còn thờ chung ba bố con ở một nhà thờ, sau vì sự xung đột đó nên con cháu cụ Phủ phải góp tiền xây một nhà thờ riêng. Riêng con cháu cụ Huyện, vì cụ đổi ra Bắc nên không tham dự vào sự bất hòa này trong họ.

Riêng cụ Phủ, sau được nhà vua phục chức cũ vời ra làm quan, nhưng cụ xin từ chức rồi bỏ quan trường về dạy học tại quê nhà. Học trò cụ đỗ đạt nên danh phận, nhà vua phong cho cụ làm Đốc Học cả tỉnh Quảng Nam nên sau này trong họ ngoài làng vẫn cứ gọi chúng



tôi là cháu chất cụ Đốc.

Lần về quê thăm nội này, mẹ tôi được cô Ù kể lại mới biết rõ ngọn ngành về bên họ chồng. Tôi cũng còn nhớ từ nhà thờ đi một quãng có một cái cầu Nhật Bản họ làm bắc qua một cái mương nhỏ, trên có mui che chắn rất đẹp, nhưng vào hồi đó hồng mắt chẳng ai sửa lại chỉ còn cái cầu không, bốn góc có hai con chó và hai con khỉ ngồi. Người xưa vẫn hay thấp nhang cúng ông cầu bà quán phù hộ cho đi lại mạnh chân khỏe tay.

Hồi lính Đại Hàn sang đã lấy bốn con chó đá cũ đi, thay vào bốn con chó khác. Chẳng biết các con chó Nhật này lưu lạc tận đâu. Lính Đại Hàn cũng còn vào chùa lấy đi mấy pho tượng cổ người Nhật mang sang hồi xưa. Sau nhà chùa biết, nên còn mấy pho đem giấu kín sau bệ thờ mới còn.

Mãi về sau khi tôi được con trai tôi dẫn về thăm lại quê Hội An thời Cộng Hòa, ghé thăm chùa, nhà chùa mới mang ra cho tôi coi. Lại còn ba tấm bia đá khắc tên cụ Tiến Sĩ đề thơ và ghi sự tích xưa, tiếc là bằng chữ nhỏ và không có bản dịch sang tiếng Việt, nhưng vì gắn vào tường nên vẫn còn. Chính phủ Cộng Hòa phong chức cho cụ Phan Khắc Sửu trông nom lăng tẩm và khảo cổ. Cụ đang tìm người để đọc dịch và chép ra thời Cộng Sản nổi dậy. Bấy giờ dân đói đến đá cũng chẳng còn. Thời Hậu Cộng Sản thời nước Việt Nam thành bãi sa mạc, trên núi trong rừng đá cây vật liệu cũng chẳng còn.



Chuyến về quê ngoại Huế

Sau đây là trên bước chân tôi về quê năm mới có 17 tuổi, được theo bà ngoại ông cậu về quê bên ngoại ở Huế. Ôi, mình ở Bắc đã cho là nghèo mà quê bên ngoại còn nghèo hơn. Bà ngoại tôi về thăm ông Cai, em ruột ông tôi ở Huế. Từ xe hỏa xuống, cậu tôi đưa ra bến thuê đò. Đối với tôi cái gì cũng lạ, tiếng nói khó nghe, quần áo thời bên trắng bên chàm. Ở Bắc quả thật tôi không thấy ai ăn mặc như vậy.

Các thuyền nhỏ cứ nhao nhao mời ông xuống ghe tôi, ghe tôi sạch sẽ rộng rãi, làm tôi cứ đứng cười lẫn, cười rử ra. Bà ngoại tôi đâu có để ý câu họ mời, vì ngoài Bắc gọi là thuyền chứ tiếng ghe là tiếng tục tũ mà sao mấy người liên bà cứ dùng để mời khiến tôi cười.

Sau cậu tôi mới rõ tôi cười là vậy làm cậu tôi cũng phải cười theo. Tôi sợ nhất phải đi thuyền, mà tôi đâu biết có đường đi xe tay về tận làng được, tuy đi xe phải đi bộ một quãng, còn đi thuyền ghé vào bờ là đến nhà ngay.

Về đến làng ở ven sông, bà ngoại tôi còn nhớ đường, nên cụ đi thẳng vào nhà. Tôi thấy nhà là nhà tranh xiêu vẹo. Vào nhà bà ngoại, tôi thấy ông em chồng ngồi đưa cái nôi ru cháu. Nhà chẳng có bàn ghế chỉ mớ.

Hai chị em gặp nhau khóc òa. Ông Cai có một người con trai. Hai vợ chồng đi làm ruộng chiều mới về. Bà

con hàng xóm biết tin kéo nhau sang mừng, chuyện trò ríu rít tôi chẳng hiểu được câu nào. Đến chiều cậu mợ tôi đi làm ruộng về định đi nấu cơm, nhưng bà cháu nói đã ăn ở dưới đò rồi.

Mợ tôi nói ngày mai là ngày đi thăm mộ cho tốt, nhân bác về cháu bảo tất cả bà con họ hàng cùng đi thăm mộ, vì cậu mợ là trưởng họ. Sáng hôm sau, mợ tôi dậy sớm thổi một nồi cơm rất lớn, xong đổ ra rá cho nguội để ăn, bày ra một chồng bát một bó dưa, trái chiếu ra giữa nhà. Cơm chỉ có muối mè và cá khô nướng.

Trời sáng, tôi thấy con cháu kéo đến, đứa nào cũng vác cuốc lên chào ông Cai, sau chào mừng bà ngoại tôi rồi kéo nhau ngồi vào ăn cơm. Tôi thấy có tới 20 cháu họ xa gần. Ăn xong kéo nhau ra chạp mộ. Tôi cùng bà ngoại và cậu tôi vàng hương ra lễ. Ông Cai ở lại nhà trông cháu.

Mộ đều để ở ruộng, mộ nào cũng đắp như cái ngai chung quanh, mộ ở giữa. Mỗi năm lấy đất ruộng đắp thêm lên thành cái mộ chiếm hết một góc ruộng. Riêng tôi thăm nghĩ hèn chi đã nghèo lại nghèo thêm. Mộ càng ngày càng to rộng thêm, ruộng lúa càng ngày càng hẹp đi, vừa mất đất vừa mất ruộng. Tuy nghĩ thế chứ tôi đâu dám bàn, sợ mọi người cho tôi là bất kính với tổ tiên. Tôi cũng chỉ nói xa xôi là ngoài Bắc ở nhà quê hay có bãi đất rộng chỉ để cỏ cho trâu bò ăn và để chôn những người chết, ít có chôn ở ruộng vì sợ nước ngập về vụ cấy lúa hàng nửa năm mới cạn. Nếu để mộ ở



ruộng thời phải xây gạch chung quanh và bất tiện cho vụ lúa.

Đắp và sửa sang xong mấy mộ tổ tiên, mọi người ngồi nghỉ uống nước vối. Tôi ngắm ra cánh đồng xa xa đều thấy từng lớp mộ đắp cao như núi, tôi mới bảo cậu tôi ngắm xem đất ở đây đẹp quá. Cậu tôi cười nói không phải các gò đồng đất chấu thấy là có tự nhiên đâu, mà đó cũng toàn là các mồ mã, họ có ruộng họ đắp lên lâu ngày cao thành đồng.

Tôi lại nghĩ bụng người chết ở xứ Huế này được trọng vọng hơn cả lúc sống nhiều. Lúc trở về nhà, tôi ngắm ông chú tôi quá nghèo suốt ngày ngồi ru cháu để bố mẹ nó đi làm ruộng ngoài đồng. Tại có bà ngoại tôi về chơi, nên cậu mợ tôi phải ở nhà trông con để ông chú tôi có thời giờ rảnh nói chuyện với bà ngoại tôi và đưa cậu tôi đi thăm bà con.

Tôi thấy đi đâu ai ai cũng nghèo như cậu tôi vậy thôi. Tôi có hai người cô, trong Huế kêu là o. Một o thời nghèo sống một mình không con cháu, còn một o giàu thì có cửa có nhà, nhà có bàn ghế, nhưng chi họ này lấy chồng theo đạo nên nhà có thờ chúa. Tôi cũng thấy bà tôi đưa o ba đồng để xin cái lễ cho ông chú họ. O có thết chúng tôi một bữa cơm có cá có thịt tử tế, đó là vì o được coi là người giàu nhất làng.

Ở nhà cậu mợ tôi, tôi được mợ tôi cho ăn cơm gạo dô sao ngon thế. Tôi nói mợ cho cháu ăn gạo dô vừa rẻo cơm vừa ngọt, vì hôm sau mợ tôi lại cho tôi ăn gạo



trắng. Mẹ tôi nói sợ bà cháu ở tỉnh thành ăn gạo trắng quen, nên mẹ phải đi mượn gạo đó. Còn cháu thích ăn cơm gạo đỏ thì nhà có cấy lúa thứ gạo đỏ ăn quanh năm mà. Tôi nói đùa là nhà cháu cũng nghèo như mẹ, nên cháu ăn cơm gạo đỏ quanh năm, nhưng ở Bắc gạo đỏ không dẻo và ngon như gạo ở đây. Thế là từ hôm đó tôi ăn cơm được nhiều.

Một hôm tôi ghé sang nhà ông cậu cũng ở gần nhà mẹ Cửu. Ông cậu cũng vui vẻ mời ngồi, rồi gọi người con trai đưa tiền cho nó bảo đi mua rượu. Khi rượu đem về, ông rót ra hai chén đưa mời tôi một chén. Thì ra ông cậu mua rượu đãi tôi, thật quý hóa. Tôi thưa với cậu biết là ngoài Bắc đàn bà con gái không biết uống rượu. Cậu cho cháu xin chén trà.

Tỉnh tôi hay đi lang thang khắp làng. Ai cũng nhìn tôi như người ở xứ nào lạc tới. Tôi có hỏi chuyện, họ cũng không hiểu chỉ cười thôi. Làng cũng nhỏ chỉ độ 20 nóc nhà mà một nửa làng theo công giáo. Làng không có lũy tre bao bọc như ở ngoài Bắc và cũng toàn nhà nghèo như cậu mẹ tôi. Có một cái nhà thờ nhỏ và ông cha xứ mà không thấy có chùa.

Ở chơi với cậu mẹ tôi được mười ngày, bà ngoại nói còn phải ra Huế vào chơi với ông Cai cũng là em họ bà ngoại tôi, rồi dẫn cậu tôi vào nội thành Huế và cung vua.

Từ chỗ chúng tôi ở nhà ông Cai đi bộ đến Thành Nội cũng khá xa. Bà tôi năm đó còn khỏe mạnh. Đi qua



thôn Vỹ Dạ cảnh trí cũng đẹp và có vẻ giàu sang. Cậu tôi nói đây là nơi những người giàu có về làm nhà ở để nghỉ mát.

Đến Huế tìm đến nhà ông cậu họ là em họ bà ngoại tôi. Ông ở ngay trong nội thành. Ông cậu tôi lúc trẻ cũng có làm việc nước, có ở trong bộ, nay về hưu nên vẫn được ở trong Nội. Ông cậu tôi có căn nhà nhỏ ba gian, cũng ở giữa thờ tổ tiên và ông có hai bà vợ. Bà cả còn khỏe, tôi đến nấu chè đậu ngự mang bán, còn bà hai ốm yếu nằm ở nhà. Trong nhà có một tấm phản làm bằng 4 tấm gỗ dày ghép lại. Tối đến hai bà cháu nằm ngủ ở đó. Ông cậu tôi đưa cho tôi một cái gối vuông để gối đầu, tôi đầu có gối được nên xếp tạm mấy cái áo làm gối. Tấm phản với bốn tấm gỗ ghép lại không đều, tôi nằm đau cả lưng, lại ước chi có cái ổ rơm như ngoài Bắc nằm vừa êm ái vừa ấm áp.

Đêm tối im lặng như tờ. Chỉ nghe tiếng hàng xóm giã gạo bằng cối. Hai người cầm hai cái chày, cái này lên cái kia xuống. Tiếng giã gạo, tiếng hò nghe thật buồn bã. Sáng ra cậu tôi đưa tôi vào coi cung vua, song vì tôi không mặc quần trắng nên không được vào nội thành, chỉ đứng ở ngoài hồ Tịnh Tâm ngắm hoa sen cũng đẹp lắm. Sau đó chúng tôi đi chợ Đông Ba cũng vui. Còn các món ăn ở chợ thời tôi chẳng ăn được món nào, vì món ăn quá cay.

Qua cầu Tràng Tiền sang bên kia là khu Pháp ở và làm việc, tòa công sứ, tòa án kho bạc, đều cao sang cũng như ở Hà Nội vậy. Trở về nhà, bà ngoại bảo tôi đi



chơi đi mai về. Tôi còn ít tuổi lại rút rút nên cũng chẳng dám đi đâu một mình.

Tôi hỏi còn ba hai nằm ở đâu, bà Cả mới đưa tôi ra sau nhà. Hóa ra ông Cai làm cho bà Hai một cái sân như cái chuồng gà vậy. Tôi cũng đến gần chào bà thì thấy bà không dậy được, chỉ nằm hời ở chầu đấy à. Tôi thấy bà người bé nhỏ như đứa trẻ con và nghĩ chắc bà sống chẳng còn bao lâu nữa, con cái chả có. Sao tôi nghĩ thương bà Cai hai quá, chắc lúc trẻ bà cũng đẹp, bây giờ thì ốm nằm đấy.

Ông Cai hốt phân bò phân trâu để một đồng trước cửa. Tôi hỏi ông có vườn trồng cây à, vì cứ tưởng giống như bà ngoại tôi cần phân heo nước tiểu để trồng cây cảnh. Ông đáp để ông dùng phân đó nay mai trát lại cái tường nhà. Cháu không biết đâu, phân này trộn với đất trát vách tường vừa bền vừa ấm. Tôi nghe mà thấy hãi, và nói ở ngoài Bắc nhà cháu cũng vách tre trát bùn lấy ở ao lên, rồi lấy rơm băm nhỏ ra trộn với xi măng trát mỏng ra ngoài, để khô quét vôi trắng cũng đẹp như tường gạch vậy.

Ông Cai chỉ nói mỗi xứ mỗi khác. May quá ông chưa trát tường vì có bà ngoại và cậu tôi đến chơi, ông còn phải tiếp bà con lo cơm nước. Dù ở tại nhà ai bà ngoại tôi cũng đưa tiền, ở đây là bà Cai để đi chợ mua thức ăn. Bà cháu tôi vì ở ngoài Bắc đã ba đời rồi nên quên hết món ăn ở quê hương. Thật ra bà ngoại tôi cũng không có tiền nhiều để đi đâu cũng chia năm sẻ bảy, ở chơi lâu chỉ còn đủ tiền vé trở về.



Rồi cảnh chia tay, chị em con cháu cũng ngậm ngùi. Bà ngoại tôi theo chồng ra Bắc cũng đến 60 năm, nay trở về bà con ở quê cũng nghèo và bà con tôi ở Bắc cũng không khá giả hơn bao nhiêu.

Thế là sáng hôm sau bà cháu tôi đi xe lửa về Hà Nội. Tôi nghỉ miên man và mong lần sau có vào Huế sẽ giàu sang hơn. Thăm quê như thế này chỉ thêm buồn cho tôi thôi, nhưng tôi cũng biết thêm được nhiều cảnh, nhiều người. Khi bước chân về đến nhà tôi, thời tôi mới rõ nhà tôi tuy lúc đó cũng nghèo nhưng nghèo mà sang. Trong bếp có vại cà, có lu mắm, trong buồng có thạp gạo đầy, ngoài sân có đồng củi, vậy là no đủ lắm rồi. Trong nhà tuy cũng là nhà tranh vách đất, song còn có cái bàn với bốn cái ghế, lại có hai bộ giường nằm, chứ đâu đến nỗi phải trải chiếu nằm ra đất, mừng cũng chả có, chịu cho muỗi hút máu.

Từ buổi đi thăm quê về tôi mới nhận thấy nhà tôi còn sung sướng hơn họ hàng ở quê cả nội lẫn ngoại nhiều. Chỉ chờ các anh học thành tài, một anh đi làm là trả hết nợ nần. Nghĩ ngợi tôi vẫn thấy sao quê ngoại xứ Huế nghèo đến như vậy, sống suốt đời như cậu mợ Cừ tôi, con cái còn bé, trông mong vào mấy sào ruộng và đi làm thuê cho nhà có nhiều ruộng. Tôi vẫn nhớ mãi cảnh quê ở Huế với sông Hương cát trắng và tiếng hò vọng quốc ai oán, và cảnh nghèo hèn lam lũ của họ hàng tôi tại miền Trung, mãi mãi trong đời.



ĐỜI NGƯỜI ĐÀN BÀ

Hồi đó vợ chồng tôi thuê được một căn nhà ba gian ở đầu làng Yên Phụ.

Nhà tranh vách đất cổng tre, thật hợp với cảnh hồ nên thơ của Hồ Tây. Đường trước mặt là hồ sen, đường sau lưng hoa nở thơm ngát. Ai ở trên phố xuống chơi cũng khen là đẹp và mát. Gió Hồ thổi suốt ngày. Tôi có cô em họ ở nhà quê lên chơi, gặp lúc trời có trăng sáng, cảnh hồ về đêm tuyệt đẹp, cô ấy ngồi ngắm trăng đến sáng không ngủ. Cô nói em cũng ở nhà quê, cũng thường ngắm trăng, nhưng trăng ở Hồ này sao nó đẹp lạ lùng ; sao chị vội đi ngủ, chị không thích trăng sao ? Tôi trả lời cô rằng chị cũng thích lắm, nhưng chị đã ở đây lâu lắm rồi và ngắm mãi cũng phải đi ngủ, có khi cháu bé lại khóc đòi ăn thì vào là cũng ngủ luôn, ngại chả dậy nữa. Và lại thức khuya cũng phải có bạn nói chuyện, chứ ngồi một mình với sóng nước nó cũng có đơn lăm sao cô à.



Một hôm chị cả tôi xuống chơi. Thấy cảnh nhà tôi túng thiếu quá, chị nói chị mở xưởng cưa cũng lắm việc lắm, và độ một tuần chị lại phải lên Việt Trì đón mưa cây, cũng phải vắng mặt vài ngày. Ở nhà không có ai trông nom buôn bán được, và chị cũng không dám nhờ người lạ. Chị nói cô thật thà và chăm chỉ, vậy cô lên trông nom với chị, lời chị sẽ chia đôi cho cô. Cô không cần bỏ vốn. Cô chưa biết xem gỗ, chị bảo cô sẵn hoặc nhờ chú chỉ dẫn cho một tuần là biết liền hà. Chị có xe nhà, sáng sớm chị cho nó đón cô, hoặc trưa cô ăn cơm với chị, chiều về cũng được.

Tôi nghe nói mừng quá, như chết đuối vớ được thuyền. Tôi nói để tối em nói cho nhà em hay, rồi mai em lên trả lời cho chị biết. Chiều anh ấy về, tôi đem câu chuyện ra nói, anh ấy nhất định không chịu. Anh nói mợ có kiếm thêm được bao nhiêu tiền đi nữa, về nhà này dù mâm cao cỗ đầy, tôi cũng đập đổ ; tôi đâu có cần những thứ đó, tôi cũng còn kiếm được tiền đủ sống, tôi đâu có cầu mong hơn. Tôi nói thế nào là đủ sống, cảnh nhà cái chiếu không có để nằm, cái chăn không đủ ấm. Con như thằng Tuấn, nó đòi một xu để mua kẹo, khoai tẩm đường mà không có, nó ngồi nó khóc, mình cũng khóc luôn. Con bé con nuôi thì cả ngày cứ mò trai bắt ốc lên rồi nấu cháo ăn ; ấy là món quà độc nhất là mình có thể ăn no ăn chán được thôi. Nay nếu mình kiếm thêm được một tháng mấy chục bạc, trước nhất là sắm chăn chiếu bát đĩa đồ dùng trong nhà, rồi sắm đến quần áo cho các con. Chứ mình cứ phải đi xin những bộ đồ cũ của mấy anh đem về cất



may lại cho chúng mặc. Mình đi qua hiệu Gô-Đa thấy mấy bộ đồ trẻ con sao mà đẹp thế, nhưng làm gì có tiền mà mua được. Đứng nhìn kỹ kiểu họ may rồi về cố nhớ lại để sửa những bộ đồ cũ cho các con nó mặc, vậy mà cũng đẹp ghê. Các bác thấy lại tưởng là may ở Hiệu nào.

Như thế mà anh ấy không chịu cho mình đi bán hàng, làm chị Cả lên xuống mấy lần cũng không được, sau chị ấy phải cầu viện cả Mẹ. Mẹ từ Cẩm Giàng lên bảo anh ấy cũng không nghe. Có lẽ anh ấy sợ mình lên đấy rồi mình đi theo mấy người Nhật mất, vì cây phần nhiều bán cho Nhật. Anh ấy ghen quá, làm khổ mình và làm khổ các con nữa. Chuyện buôn bán không thành, mực sống càng ngày càng eo hẹp hơn, tôi cũng đành ngồi chờ.

Trại Cẩm Giàng

Một năm còn có một vụ lúa tháng mười là tôi được về trại Cẩm Giàng trông gặt lúa. Nói là trông gặt nhưng mẹ tôi cũng có nhiều ruộng đầu, có vài mẫu thì cũng cho người ta cấy lấy thóc thôi. Mẹ tôi cũng cho các làng họ vay ít thóc và có mười con trâu bò cho nuôi. Đến mùa cho người nhà đi lấy thóc rồi gánh lấy về, chứ đợi họ gánh lên thì chủ nợ khác họ lấy mất. Cho nên mấy mẹ con tôi về có khi cơm cũng phải nấu lấy mà ăn, trời mưa còn phải lo cất thóc rồi biên sổ xem ai trả ai thiếu. Tôi thích nhất là được đi các làng đòi nợ. Nói là đòi nợ cho có việc đó thôi chứ tôi chả đòi ai cả. Mình cũng



nghèo, cũng công nợ đầy thôi. Thấy họ mà thương, cày cấy vất vả quanh năm. Được ít lúa đem về nhà, chưa kịp đập kịp phơi đã thấy bao người chủ nợ đem người đến để chực súc đi. Nào còn thóc thuê, thóc thuê trâu, có khi trả hết chưa hết nợ rồi lại đi vay lại. Cứ mười thúng lúa vụ này đến vụ sau phải trả thành mười bốn hoặc mười lăm, phải phơi khô quạt sạch, gánh lên trả hẳn mình rồi mới được vay lại. Năm nào được mùa còn khá, năm nào mất mùa còn phải cầm bán bớt ruộng đi mà bù, nên càng ngày càng nghèo đi vì ngoài lúa ra không còn nghề gì khác.

Cả một làng chỉ có hai mươi ba nhà là khá, không công nợ, đủ ăn thôi. Mẹ tôi cũng ít cho vay thóc, chỉ có thóc ruộng thóc trâu bò thôi. Minh đi để thấy cảnh làng quê, thấy họ còn cực khổ hơn mình nhiều, đó cũng là nguồn an ủi.

Ngày giỗ là mình bận nhất. Nào lo xếp dọn bàn thờ, đi chợ mua các thứ, rồi soạn bát đĩa cho phơi khô. Người nhà lo quét lá sạch sẽ trong vườn từ gốc cây bụi cỏ, và bắt heo ở các nhà cho nuôi đem về. Chiều đến, ông lý Cui lên xem nấu những thứ gì để mua. Tôi chỉ lo nấu có bốn mâm cỗ cúng theo kiểu Hải vị bống vây bào ngư để cúng và khách tỉnh ăn. Tôi còn làm bánh gấc là thứ bánh làm bằng bột quả gấc, bột nếp và đường nhân đậu xanh với mức bí trông đẹp như mặt trời. Ngày 22 tháng 10 là hai bố con ông lý Cui đã gánh dao chầy lá lên để bó giò, mổ heo nấu nướng cả đêm để sáng sớm độ bảy, tám giờ là các làng họ đã lũ lượt lên ăn cỗ rồi ;



nhà quê họ ăn sớm lắm.

Nhà mẹ tôi làm theo kiểu ánh sáng chỉ có hàng hiên bốn chung quanh nhà. Có ba phòng : một khách, một giữa để thờ, một là phòng ăn nên khách nhà quê ngồi chật hết ba gian nhà ngang, còn thì trải chiếu khắp cả chung quanh hiên cứ năm người một cỗ. Các bà ngồi với các bà, các ông ngồi riêng, họ ăn uống rất thật thà không kiểu cách. Tôi chạy đi chạy lại xem các mâm thứ gì thiếu bảo mang thêm. Ăn xong xới chè nước trắng miêng cau trầu là họ thích nhất. Tha hồ các bà ăn mang về cho những người ở nhà. Có năm, mẹ tôi bắt làm bánh xu xê, bánh cốm để họ đem về. Đi ăn cỗ trên cù cổ mà về có miếng phần là quý lắm. Ăn xong là lần lượt lên chào mẹ tôi rồi rủ nhau về, làng nào đi với làng đó. Khách các nơi ăn xong ra về rồi các anh chị ở Hà Nội mới về. Người đi xe lửa, kẻ đi xe hơi ; về chiều lại đi ngay vì nhà báo bận. Ăn uống xong, mấy mẹ con ngồi uống trà nói chuyện. Còn tôi và thím Sáu hết lo cho mọi người ăn xong lại phải lo pha cà phê cho các anh. Chú Sáu uống cà phê thì phải do thím Sáu pha mới được.

Tôi lo trông mọi người thu dọn thức ăn, đưa biếu ông lý Cui táo cam, một đĩa xôi và cái chân giò. Ông lại gánh chày cối về, sang năm lại lên làm giúp. Ai ai cũng vất vả vì phải nấu cỗ cả đêm đến sáng mới xong, nhưng ai ai cũng vui vẻ, mặt mũi hồng hào, đây là vì men rượu mà. Đến chiều mọi người sửa soạn lên tỉnh, lại bánh trái gọi biếu cho các cháu đi đường ăn. Chỉ có gia đình



tôi và thím Sáu là ở lại về sau. Đến trước khi giỗ hàng tuần thì sau khi giỗ hàng tuần cũng mới đi được. Bát đĩa đã vào chạn, nồi niêu đã vào kho rồi mà mẹ tôi vẫn chưa cho tôi đi. Đợi khi chồng tôi lên đón lần nữa tôi mới về được. Thật là nhiều mà ăn chẳng được bao nhiêu. Đã vậy tôi còn hay bị mẹ tôi la nữa chứ, cái gì cũng có Năm. Tôi thường phải thức hai ba đêm liền. Nào lo làm bánh, nào lo cho con ăn, còn các cháu nữa chứ, vì mẹ chúng đâu có ở lại.

Tôi và thím Sáu phải lo cho tất cả, nhất là Tết thì chúng tôi bận lắm. Có năm tôi và thím Sáu còn đang nuôi con mọn. Trời về Tết gió lạnh cắt da mà cho con bú xong lại phải trở dậy sửa soạn mâm cỗ cho kịp để cù cúng giao thừa. Mà sai một tý là bị mẹ tôi la, nên năm sau chú Sáu không cho thím ấy về nữa. Chú bảo tội gì mà về phải làm nhiều quá trong khi mấy bà ấy chỉ việc ngồi ăn mà lại còn được cù cụng chiều nữa. Chú nói chú cũng sẽ không về trước nữa. Tôi cười nói chú thì được, chứ chị thì anh Hoàn đã nhận là ở rể rồi. May mà không phải ở cùng với mẹ, một năm có mấy cái giỗ và ngày Tết mới phải về thôi. Sang năm nói chị Cả cho bếp nó về làm đờ cũng được, không mẹ buồn.

Thế là chỉ còn một mình tôi, cho tới năm có chuyện bánh chưng xảy ra. Năm nào thì gia đình tôi cũng về từ 20 tháng Chạp để lo gói bánh chưng. Tôi gói các thứ bánh lớn xong, thế nào cũng gói mấy cái bánh nhỏ tý gọi là bánh muối cho mấy đứa nhỏ con tôi và con chị Tam. Năm nào tôi cũng phải lên đón mấy cháu đó về,



Tam bận bán cau, chiều ba mươi Tết mới lên
 được. Tôi gói xong còn thừa gạo nếp mà thiếu lá, nên
 tôi dán tất cả vào một cái bánh to hơn những cái
 tương nhưng xấu xí, có gạo có đậu mà hết thịt, khỏi
 phải làm dầu.

Sáng hôm sau, từ sớm tôi đã phải chọn năm mươi
 cái bánh nào vuông vắn đẹp nhất để đem lên bàn thờ
 cúng, vì có bánh chung rồi thì không có thức ăn khác
 như mọi bữa. Mấy cháu con chị Tam xuống bếp thấy
 bánh chung, chúng nó reo lên : “Cô cho chúng cháu ăn
 bánh với !” Tôi đáp : “Ừ, có cái bánh vết nổi, để cô
 mang bánh lên cúng rồi cô bóc bánh để trong phòng
 út Sáu cho các cháu vào đó mà ăn, nếu không sẽ bị
 bà la”. Tôi bóc bánh và mang một nắm dừa để sẵn
 trong đó. Chồng tôi đi vào thấy bánh cũng chưa dám
 ăn, lại quay xuống bếp hỏi tôi bánh có ăn được không.
 Tôi bảo ăn được chứ, tôi bóc cho các cháu ăn sáng đó
 mà, cậu ăn đi rồi kêu các cháu vào cho chúng nó ăn.
 Anh ấy vừa quay vào độ năm phút thì mẹ tôi ở phòng
 khách bước vô trông thấy có một mình nhà tôi ngồi ăn
 một cái bánh to tướng. Thế là mẹ tôi quay xuống bếp
 nét mặt hầm hầm quát : “Cô đã đem bánh lên cúng
 chưa mà đem ra ăn rồi”. Tôi nói ngay rằng bánh đã
 đem lên bàn thờ từ sáng rồi, cái bánh vết thúng này con
 bóc để các cháu ăn sáng đây ạ. Chúng nó còn đi chơi
 chưa về ăn thôi. Mẹ tôi hừ, gói cái bánh thật ngon cho
 chồng ăn trước, rồi mẹ tôi quay lên.

Song tôi thấy chồng tôi cũng đi ra luôn, cái bánh vắn



còn nguyên. Từ lúc đó chồng tôi cũng bỏ cơm luôn không hề ăn uống gì nữa, nói là đau răng. Còn tôi thì tôi vẫn phải ăn, chứ không ăn dỗi lấy sữa đầu cho con bú, và lấy tiền đầu mua ăn, nhưng bánh chưng thì tôi cũng không hề đụng tới. Và nhìn thấy bánh là tôi nghĩ tủi thân lại khóc, thím Sáu gạn hỏi mãi tôi mới nói chuyện cho thím nghe. Tôi bảo tôi là con gái mà mẹ tôi còn nghĩ như vậy, nếu là con dâu như thím thì nghĩ sao, hai chị em nằm trong ổ rơm khóc đến sáng.

Mồng một Tết tôi vẫn lo mọi công việc đầy đủ để vui vẻ như thường. Đến sáng mồng hai Tết, như mọi năm, vợ chồng con cái tôi xin phép về để làm cơm cúng ông nội các cháu. Tôi sửa soạn quần áo vào va-ly rồi lên chào mẹ tôi. Mẹ tôi bảo lấy gạo nếp, đậu xanh và bánh về mà cúng. Tôi nói dạ thôi năm nay trên ấy con cũng đã mua đủ cả rồi. Nói thế để có cớ từ chối, chứ bây giờ về tới nhà là trống trơn, chẳng có gì là Tết cả. Nhưng lòng tôi đã buồn thì nhìn cái gì tôi cũng thấy chán, chán như chưa từng chán như thế bao giờ. Tôi là con người rất chịu đựng. Khi nhỏ đã từng chịu đựng mấy đứa em khó tính và bà mẹ nghiêm khắc mà tôi rất sợ ít khi dám dằn mặt. Để làm cái gì hồng là bà cụ cốc lên đầu mắng nhiếc đủ điều. Tôi chỉ nhờ vào tình thương của bà nội tôi thôi, cái bánh cái kẹo gì bà nội tôi cũng giấu bớt cho tôi. Đã không được đi học, phải ở nhà thôi nấu để nhường cho mấy anh đồ cao làm lớn, sau này vợ con các anh hưởng. Còn mình lấy chồng nghèo thì mình cũng đã chịu cực khổ rồi.



Chồng tôi ghen quá đi thôi, không cho tôi buồn bán làm ăn gì để kiếm thêm cho đời sống đỡ cực, với con mắt khinh khi của mọi người, và cho tôi khỏi phải bao giờ xin mẹ tôi cái gì cả. Tôi vẫn phải cố giấu cái túng thiếu, không bao giờ dám than phiền với ai. Anh ấy còn có ba đồng bạc trong túi, đã nghèo mà đánh bạc lại hay thua. Tôi không nhận một thứ gì của mẹ tôi cả. Chắc mẹ tôi cũng rõ là tôi giận nên lúc tàu đã chuyển bánh, anh người làm xách lên một cái giỏ nói là cụ bảo đưa cho cô. Tôi chưa kịp nói gì là anh ấy nhảy xuống rồi tàu chạy. Tôi trở về căn nhà tồi tàn nhỏ bé của tôi. Sao mà tôi thấy mến cái nhà của tôi thế. Cảnh Hồ Tây lưu luyến tôi nhiều hơn bao giờ hết. Tôi lại sống êm đềm bên cạnh chồng con, đành an phận quên đi những nỗi buồn đau. Cảnh hồ vẫn đẹp, mấy đứa con tôi vẫn nô đùa vui vẻ như chưa từng biết cái gì là giàu nghèo, nhưng lòng tôi đã định.

Tết năm đó tôi ăn Tết tại Hà Nội, cũng mừng một Tết tôi mới về. Mẹ tôi giận tôi lắm nhưng biết tính tôi khảng khái và cương quyết nên không nói gì tôi cả. Mẹ tôi tập hợp tất cả các anh tôi lại, tôi còn nhớ rõ, anh Tam, anh Long, chú Sáu, anh Hoàn chồng tôi. Mẹ tôi bảo "Vì có mình cô ấy là con gái nên tôi không gả cho ai mang đi xa. Vì anh không có cha mẹ, tôi ưng cho anh ở rể, sao mà năm nay lại cấm không cho cô ấy về". Tôi lặng thinh để chồng tôi trả lời: "Dạ năm nay không về là tự cô ấy, con cũng chả rõ tại sao. Nhưng nay mẹ và các anh đã bảo như vậy thì Tết năm sau lại về như cũ". Anh Hoàn nói vậy là rất khôn ngoan, vì chuyện giận



hờn này chỉ có tôi và mẹ tôi biết mà thôi. Chứ đem ra kể thì cũng khó nói quá và nó cũng tầm thường, con người vì miếng ăn uống... Tôi buồn không phải vì sự ăn uống nhưng những ý nghĩ sai lầm làm vẩn đục lòng tôi không ít. Không rõ mẹ tôi nghĩ sao, mẹ tôi muốn giữ tôi ở lại gần mà đối xử với tôi như thế thì như càng đẩy tôi đi xa hơn. Mấy năm sau tôi dè dặt hẳn đi. Về thì tôi vẫn về, nhưng mẹ tôi cho các cháu ăn thì ăn, phần nhiều tôi cũng gạt đi. Cho ăn gì ăn nấy, tôi không còn cái thú hào hứng như trước nữa.

Tiền bạc thóc lúa của mẹ tôi cũng hững hờ bảo sao làm vậy. Mẹ tôi bảo đi chợ xong về tôi cũng tính từng đồng còn thừa mấy xu tôi cũng đem trả. Còn tôi muốn mua quả bánh, tôi vào vay của cô em họ để mua cho các con tôi ăn. Một hôm trời mưa, mẹ tôi không cho đi chợ mua thức ăn. Mẹ tôi xuống dọn chạn thấy có ít cà muối đã khảm, mẹ tôi bảo đem kho với tương ăn ngon lắm, luộc thêm ít rau muống ăn với cà kho. Tôi nghĩ tuy nghèo thật nhưng mấy đứa con tôi vẫn có thịt mới ăn cơm chứ tôm cá chúng nó cũng ít có ăn, nhưng tôi cũng chẳng dám nói gì. Đến lúc dọn cơm ra, ba đứa con tôi đều bỏ bát kêu không có thịt. Tôi bảo ăn đồ đi con, trời mưa gió làm gì có chợ mà mua, nhưng chẳng đứa nào chịu ăn cả. Sau mẹ tôi phải sai người nhà ra hàng giò chả ở ga mua cho cháu được năm xu chả, ba đứa chia nhau ăn dè mới đủ bữa cơm, lòng tôi lại càng buồn hơn nữa.

Tôi nghĩ bụng bây giờ giá các anh các chị tôi về thì



ôi thôi bắt gà làm thịt, ba bốn người làm chạy láng xăng hỏi các cháu ăn gì. Nhưng các anh tôi đâu có thích ăn gà, chỉ thích ăn cá chép thật tươi rán hay nấu canh chua. Các anh nói sao ở trên ấy nhà bếp nó cho ăn cá không được ngon. Mẹ tôi bảo cá chép ở sông sen này ăn ngon có tiếng và tươi nữa. Còn anh cả tôi thì chỉ thích ăn lòng lợn ở chợ gần nhà. Anh nói ăn ở đây nó ngọt và ngon chứ lòng lợn ở Hà Nội ăn thì dòn nhưng nhạt chả có ngon. Mẹ tôi bảo để mua lòng sống về nhà làm chứ mua sẵn ngoài chợ thì bẩn. Các anh tôi không chịu, bảo làm thế nó mất hương vị đi. Cho nên khi nào về là chị tôi cũng lên ra chợ mua luôn cả bộ lòng mà người ta đã luộc rồi đem về tha hồ ăn. Chứ mẹ tôi cái gì cũng chê, cũng hà tiện quá nên chính mẹ tôi cũng chả ăn. Có khi đói chả biết mua gì ăn, bảo luộc hai quả trứng. Nhà thì trứng người ta cho cả trăm trái, đem bỏ muối để ăn dần.

Càng ngày mẹ càng thất chặt nên tôi cũng hết hào hứng, thấy đối với mình như muối chanh vắt nước. Khi ở nhà bao công lao xây dựng, đến nay mình có nói gì thì mẹ lại chữi "tôi nói cái gì cô cái cái đó, còn ai nói gì cô cũng im". Mình nghĩ xưa nay, chỉ có mẹ là mình phải chịu chứ trên đời này chưa có ai mình nhịn được, kể cả chồng cũng vậy. Mỗi lần mình sanh, mẹ mới cho được mười đồng bạc. Ấy thế là nhiều lắm chứ chẳng bao giờ thăm con gái đẻ mà cho được ký thịt hay ký giò bao giờ. Bao giờ có cho thì lại hay nói nên mình cũng chả thiết. Ăn cơm với mắm chung mình vẫn thấy ngon như thường, trời cho ăn được nên chỉ cần gạo thôi.



Trong khi mình thiếu thốn như vậy, anh Cả nhờ chị ấy buôn bán thêm nên nhà năm bảy vú em vú già, thằng bếp, ăn uống cao lương mỹ vị. Anh Long thì nhà vợ giàu, xe hơi nhà lầu, con các chị ấy đâu thêm cho chơi với con mình. Tụi nó đứa nào cũng đen như con thuyền chài, vì ở bên hồ gió nhiều và tắm lội nước tối ngày. Ba tháng hè chỉ có chú Bách xuống ở cho mát để học. Tôi để chú ở gian phòng khách cho yên tĩnh. Chú mang về một lô sách để chật một bàn. Ngày thì chú đi chơi, đêm chú mới học. Một tháng mẹ cho chú ấy bảy đồng tiền ăn cơm, ba đồng để ăn sáng. Chú về ở với tôi, chú bảo em đưa bảy đồng cho chị để nấu cơm cho em ăn.

Thấy chú cũng khó ăn, nên có đĩa thịt là hai vợ chồng không dám ăn, chỉ nhường cho mấy chú cháu ăn. Vậy mà đến tháng chú xin tiền, mẹ chỉ đưa ba đồng thôi, còn bảo để tiền chợ tao đưa cho chị. Đến khi mẹ lên, mình hỏi xin để mua thức ăn, mẹ bảo trừ vào tiền gao cô nợ tôi. Tiền nợ từ bao giờ, bây giờ mẹ không cho thì con lấy đâu mà nấu cho chú ấy ăn. Sau khi mẹ về rồi, tôi kể cho chú ấy nghe, chú cười bảo mẹ kỳ quá. Thôi để em nói với mẹ, em không ăn cơm ở nhà chị nữa, cơm cực quá không có gì ăn, em ăn ở trên phố, chỉ tối về ngủ thôi. Có một hôm hai vợ chồng tôi đi lên chị Cả chơi, chị giữ lại ăn cơm. Lúc về nhà có chị Long xuống thăm, hai chị em ngồi nói chuyện trong bóng tối. Tôi hỏi chú Bách sao không thấp đèn lên mà ngồi tối vậy. Chú nói em ngồi đợi trăng lên nên không thấp đèn.



Lúc chị Long ra về rồi chú mới phá ra cười nói là nhà đã hết đầu mà em cũng hết tiền đành phải ngồi tối chứ biết sao. Hai chị em lấy làm thú vị vì câu chuyện ấy mãi. Sau này mỗi khi thấp ngọn đèn đầu lên là tôi lại nhớ đến người em trai xa cách tôi đến ngàn vạn dặm bên góc bể chân trời bao giờ mới gặp lại nhau.

Chồng tôi mê cờ bạc

Hồi đó ở làng Yên Phụ, người ta cứ gọi chồng tôi là ông Hoàn báo, vì ở trong làng cũng có ông Hoàn giáo dạy học. Chồng tôi khi ấy làm chủ bút báo Phụ Nữ chứ chưa có làm báo Phong Hóa. Gần nhà có một bà góa phụ nhờ chồng tôi đứng ra kiện bên nhà chồng bà ấy định chiếm đoạt căn nhà gạch của bà ta. Nhà nghèo, không có tiền đưa thầy kiện và cũng thiếu nhiều giấy tờ bằng chứng nữa, nên bà nhờ chồng tôi đứng ra lo. Bà ta hứa nếu thắng kiện sẽ bán căn nhà rồi chia đôi tiền cho vợ chồng tôi.

Chồng tôi đi lo được đầy đủ giấy tờ và người chứng đem ra tòa xử lấy lại được căn nhà cho bà ta. Chỉ còn ngồi đợi người mua nữa là có tiền, cũng được độ sáu bảy trăm bạc, lúc bấy giờ là lớn lắm, một lạng vàng chỉ có sáu mươi đồng thôi. Tôi mừng quá, ước mơ đầu tiên là mua một tạ gạo và vài tạ củi, chiếu chăn quần áo cho các con. Nghĩ đến là thấy thêm quá rồi mà cái nhà ấy bán mãi không được. Năm đó mấy anh tôi làm báo một mội rủ nhau lên Chapa nghỉ mát. Mấy anh nhờ một ông bạn có hiệu chụp hình trên ấy thuê hộ cho căn nhà



có cả đồ đạc rồi về mời mẹ tôi đi nghỉ mát một thể, cho các cháu đi và bắt tôi đi luôn. Tôi không phải mất một đồng nào, mẹ tôi và các anh cho hết. Nghỉ đến cũng đã thấy thích. Mẹ tôi cho cả người nhà đi theo để thổi nấu ăn cho đỡ tốn.

Bốn mẹ con tôi, một người làm, và bên anh Tam ba đứa con và một người làm đều đi xe lửa hạng bét. Còn mẹ tôi và tòa soạn đi hạng nhì có phòng ngủ nên đi chuyến tàu đêm vì nhà báo có cạc đi mất nửa tiền thôi. Rồi thấy chồng tôi lên, tôi đã mừng chắc là có tiền đưa cho tôi. Chồng tôi đưa cho tôi một đồng bạc, tôi hỏi chữ nhà đã bán chưa. Chồng tôi nói “Bán rồi, mình được năm trăm, nhưng tối hôm qua ngủ ở Lào Kay tôi đánh bạc thua hết còn có bốn mươi đồng bạc thôi, để đây tôi đánh gỡ. Tôi nghe xong tướng ngắt xiu lền, ôi bao nhiêu hy vọng tiêu tan, mèo lại hoàn mèo. Cầm đồng bạc trong tay, tôi đưa trả lại cho chồng tôi “Đây giữ lấy mà làm vốn gỡ”. Tôi đi ra bờ suối ngồi nhìn rặng núi Si Pham xa xa hôm nay mây mù phủ kín, giòng suối như ngừng chảy. Tôi chỉ âm thầm buồn bã thôi chứ còn biết than thở với ai, với mẹ tôi cũng phải giấu. Tháng sau anh Tam lên đón mẹ tôi về trước, còn chúng tôi bằng bè nhau về phải ngủ lại Lào Kay một tối đợi tàu ở Chapa. Xuống Lào Kay cũng chả khác chi ở trên tiền mà xuống trần, nó nóng bức oi ả quá.

Thằng con nhỏ tôi nó lại đi tước, sáng hôm sau lên tàu về thăm người nhà lại nồn mưa nên tôi bắt nhịn ăn từ chiều hôm trước. Khổ về thằng con tôi nó đi tước cả



mấy chục lần đến nỗi bao quần áo lót cho nó hết. Trời thì nắng bức trên tàu, đứa nào đứa nấy cứ như là tây đen thì lấy nước đầu mà rửa. Tôi xuống ga đầu cầu rồi nhân thế đưa mấy đứa con chị Tam về. Tôi phải tạm trú lại một đêm để tắm rửa và mượn quần áo thay tạm để sáng hôm sau mới dám về Yên Phụ. Không thì người ta cười vì đi nghỉ mát gì mà như dưới đất chui lên vậy. Về nhà thấy cửa đóng im lìm, đứa con nuôi nó cũng đi đâu mất nên tôi cậy cửa vào nhà thì thấy rêu phong cỏ mọc như nhà liễu trai mấy năm không có người ở. Đẩy cửa bước vào thì mùi mốc meo ẩm ướt đưa lên tận mũi. Trong bếp không có lấy một hạt gạo, không có lấy một cái củi thì lấy gì mà sống đây. Nhà đột từng vũng nước, còn cái đèn bão hôm vội đi để trên mặt bàn tôi có dẫn đứa ở treo lên vẫn thấy để nguyên chỗ cũ rỉ sét, thầy tớ đi đâu biệt. Ôi chỉ còn biết kêu trời mà thôi.

Tôi dành bắt tay vào việc ngay. Vào nhà ôm hết mùng mền chăn chiếu, cái phơi cái đem xuống hồ giặt liền, dù không có com phải nhện dãi cũng được. Rồi tôi quét mạng nhện giăng đầy dưới gầm giường, bàn ghế cái gì cũng có, thậm chí cả cột nhà cánh cửa. Mấy va-li đồ đem về còn nguyên đó vì có chỗ nào để được đâu mà giở ra. Đến trưa mới thấy chồng tôi đi đâu về ghé qua một chút, tôi la ngay rằng nhà cửa gì mà không bảo chúng nó dọn dẹp để như nhà hoang vậy. Chồng tôi trả lời rằng ở nhà con ở nó đi chơi cả ngày chả thấy nó đâu, mãi đến tối mới thấy cô ả về. Tôi phải mất mấy ngày nhà cửa mới được như cũ và tự bảo là từ nay có đi



ngiht mát thì mình phải có đủ tiền, chứ đi kiểu này thì không đời nào.

Xưa nay tính tôi vốn đã không ưa cờ bạc, ngay cả trong ngày Tết, mọi người chúi đầu vào đám bạc thì tôi đi ra vườn ngắm cây cối. Bảy giờ thì chẳng những tôi ghét đánh bạc, mà tôi còn thù nó đến muôn đời. Suốt bao nhiêu năm tháng tôi chỉ ngồi nhìn ra hồ vì chỉ cảnh hồ là an ủi ta được mà thôi. Mẹ tôi cũng đã ghét tôi vì tôi còn phải có bốn phận lo cho con chiếm hết ngày giờ rồi còn đâu mà có thể lo từ cái quần cái áo, nhổ tóc sâu hay đọc truyện suốt trưa hè cho bà. Ngày bận bịu, tối đến còn phải lo chuyện sổ sách chả được một phút nào ngồi không. Đi chợ mà có ghé vào cửa hàng mấy đứa em họ ngồi chơi một chốc về cũng bị chửi là cô vào hầu mấy mẹ hai mẹ ba cô trong đó, không về mà làm thì ai làm cho. Lấy chồng thì chồng lấy cố ghen tuông ra mà hành hạ, không cho buôn bán làm ăn thì chẳng đủ ăn đủ mặc. Tôi sinh ra đời chỉ để mọi người bắt nạt mà thôi, có một ngày nào đó tôi hết sự ràng buộc chẳng còn sợ ai nữa.

Tôi ở căn nhà đó được hơn một năm thì vì cũ quá và qua một trận bão tường gần đổ mất, nên hai vợ chồng chủ nhà nói tôi tìm căn nhà khác để họ phá bỏ căn này đi làm lại căn nhà gỗ ba gian. Ông chủ nói rằng sẽ xây nhà bếp và cả cầu tiêu nữa, chứ nhà bây giờ không có cả cái nhà vệ sinh. Nhà xây lại sẽ để cho vợ chồng tôi ở, vì ông chủ thích chúng tôi ăn ở sạch sẽ dù là căn nhà tre tời tàn. Và lại tuy nhà tôi tàn nhưng lại



trông ra hàng cây liễu bên hồ nên vẫn đẹp, làm ông chủ càng thấy ái ngại mỗi lần xuống chơi. Nhà tôi tìm được căn nhà một tầng ở vườn dâu Yên Phụ nhưng lại thuộc tỉnh Hà Nội. Tôi dọn lên ở được mấy tháng thì nhà họ làm xong, tôi định dọn về vì tôi vẫn thích cảnh hồ hơn, thì chú Sáu xin tôi nhường lại cho chú. Nhà chú đang ở bây giờ họ lấy lại cho con họ ở, mà chú lên phố thì nóng quá chú ấy ở không được, còn tôi thì đã ở quen và các cháu đi học cũng tiện.

Tôi thích trở lại Hồ Tây lắm, nhất là nhà mới làm cột gỗ vuông ba gian, hai gian làm phòng khách, một gian làm buồng, thật hợp ý tôi. Nhà có hàng hiên rộng suốt ba gian, tha hồ ngồi ngắm hồ và cái cổng tre lối xưa. Tôi đã định không nhường, nhưng trông thấy thân hình chú Sáu gầy ốm và chú thích cảnh hồ còn hơn cả tôi nữa nên tôi đành ưng thuận. Biết đâu ba bốn năm sau chú mất đi ở căn nhà đó, mà bây giờ tôi không nhường cho chú thì tôi sẽ phải ân hận sau này. Thế là đã hai lần tôi nhường nhà cho chú ấy.

Chồng tôi làm báo Phong Hóa

Đạo này chồng tôi về làm quản lý báo Phong Hóa do anh Long tôi tổ chức, lại kêu thêm người bỏ cổ phần vào mua thêm máy in. Chính anh Long tôi trông nom tiền bạc vì trước kia tin người bị họ thụt két, tỷ nữa thì mất cả vốn. Giấy in sách báo lúc bấy giờ cũng khan hiếm nữa, phải có giấy phép do chính quyền phát cho, nên vợ chồng tôi đi ngoại giao và nhờ tính tình mềm



dèo nên xin được nhiều giấy phép hơn nhà báo khác. Mỗi lần như thế thì anh Long tôi lại bớt cho chồng tôi một ít giấy đem bán chợ đen kiếm thêm, chứ lương thì ai ai cũng lấy đồng đều, chỉ có 30 đồng một tháng. Đi dạy học thì được 40 đồng một tháng, nhưng vì vấn đề anh em trong nhà không hợp tác với nhau, không tin nhiệm nhau nên để người ngoài người ta ăn chặn. Anh Long tôi khéo dùng người, chồng tôi về làm ngoại giao cũng giỏi vì xưa đã làm chủ bút qua bao tờ báo, tuy chẳng tiếng tăm bằng tờ Phong Hóa nhưng cũng nhiều người biết tiếng, hưởng chỉ anh em lại cùng hợp tác với nhau.

Người ta trông vào anh Long tôi làm việc rất thẳng thắn, tiền bạc rất phân minh cẩn thận, anh không để ai khuất tất được một xu. Cho nên sau một năm, công việc nhà in phát đạt, in sách rồi lại in thêm ngoài nữa, thợ làm ngày làm đêm. Hàng trăm người thợ, hàng trăm trẻ con bán báo có tiền giúp thêm gia đình chúng. Chồng tôi vì thế cũng để dành được hơn một trăm bạc, mua được một miếng đất nhỏ bên khu Nhà Bò Yên Phụ, gần chỗ tôi ở cũ khi mới xuống làng.

Chỗ này sát ngay đê, không có hồ nhưng thôi cũng được, có đất thì sẽ có nhà, lòng tôi chỉ ao ước mua chiếu chăn và tạ gạo thôi mà còn không được nữa là hy vọng có được nhà, thật quá sức tưởng tượng. Khi tôi xuống coi thì đất bé tí, chỉ bằng cái sân con thế này thì làm nhà sao được, nhưng chồng tôi bảo thế mà đo ra cũng được 80 thước. Người chủ đất thấy tôi chê hẹp



nên nói tôi có mua thêm thì ông ấy bán bớt nửa lô dưới này, nhưng tôi thấy sân quá chật đất đầu mà đổ. Đương chủ tính xây nhà còn thiếu tiền, thì chị Cả tôi bảo để chị giúp gỗ cho vì trên xưởng cũng còn nhiều gỗ lăm, làm hết bao nhiêu thì xuống lấy. Chị ấy bán chịu cho vợ chồng tôi, lúc nào có thì trả cũng được, vậy là đỡ rồi.

Nhà đương làm thì bà Mai bên cạnh có chồng làm thư ký cho hãng gạch của Pháp mách tôi vào lựa mua gạch, vì chủ chánh bên Pháp họ sắp qua nên hãng phải cho bán rẻ những thứ gạch lát cũ. Tuy là gạch cũ nhưng lại có đủ màu đủ sắc, giá lại có bốn hào một thước thôi, thật đương buồn ngủ mà gặp chiếu manh. Tôi vào mua chọn đủ thứ, gói lại cả gói, chỉ đang sợ không có gạch mà xây thôi, thế là có đủ tiền làm nhà rồi. Cái nhà một tầng hai buồng, lợp ngói lát gạch bóng, lại xây thêm cả lò sưởi nữa. Mấy ông hàng xóm lại là tay thợ giỏi nữa, họ sang làm giúp chứ tôi có xây nhà bao giờ đâu mà biết. Xây xong, tính tất cả hết có 650 đồng ! Trước nhà còn được cái sân nhỏ trồng ít cây hoa và một cái bể đựng nước mưa nữa, cứ như là giặc chiếm bao vậy. Thế là chúng tôi có được căn nhà gạch đầu tiên trên đời.

Hồi đó nhà báo đương phồn thịnh, quá trong ngõ là nhà anh Thế Lữ ở với chị Song Kim nên các anh tôi xuống chơi luôn vì vào nhà tôi rồi đi cổng sau là sang nhà anh Thế Lữ. Mỗi lần anh Tam đến là gọi hai con bành tổ ra, đó là hai đứa con gái lớn của tôi. Bành Tổ là tên con bé gái thứ hai vì ngày mới đẻ nó ra, thấy nhân trung nó dài, mẹ tôi bảo thế là tướng nó sống lâu



lắm đó. Tôi cười bảo cháu sống lâu bằng cụ Bành Tổ, sống tới bảy trăm tuổi lận, nên từ đó anh Tam cứ gọi là con Bành Tổ. Mẹ tôi đặt tên cho là Quỳnh Nga, còn cháu gái lớn thì anh Long tôi đặt tên là Minh Châu, có nghĩa là ngọc sáng vì nó có hai con mắt sáng ngời.

Tôi có căn nhà rồi thì đồ đạc cũng tạm đủ dùng thôi chứ cũng không có gì làm sang. Ăn uống cũng vừa đủ, nhưng tiền thì không có dư vì làm nhà xong cũng thiếu, phải vay của quý nhà báo. Nhà báo có quý tiền để ai có công việc gì cần thì cứ lấy, xong trừ lương trả vào để người sau mượn. Tôi có được căn nhà này phải trả một giá quá đắt, vì khi nhà chưa xây xong, tôi đã bị mất một đứa con trai được mười tháng vào ngày mùng hai Tết. Khi đưa đám cháu bé, tuy là có các anh chị, chú Sáu, chú Bảy nhưng chỉ thiếu có chị Long, có xuống thăm nhưng không đi đưa được. Chú Sáu đã nhân mặt nói con người ta chết mà không đi đưa thì sau con chị ấy chết, ai người ta đến. Câu nói của chú ấy khiến tôi đương khóc cũng phải buồn cười, và mẹ tôi phải bảo ngày Tết mà. Từ vườn dâu Yên Phụ xuống cho đến nghĩa trang Hợp Thiện như từ đầu tỉnh đến cuối tỉnh, mà chú ấy bắt mọi người phải đi bộ hết, chỉ cho mấy đứa nhỏ là được ngồi xe, chú bảo bé cũng là một người. Chú cứ giữ lễ như vậy nên người chú mới ốm o cả đời!

Vì tôi nhường nhà cho chú nên mới nghĩ phải làm cái nhà này, nếu tôi vẫn ở bên ấy thì chẳng ao ước cái nhà nào khác vì chẳng đâu bằng. Chú vẫn sống nghèo như vậy, lúc nào chú cũng ao ước có một cái ghế mây



có nệm ngồi êm ái, hoặc cái ghế có thể nằm hay ngồi cũng được mà cũng chả có tiền mua. Sẵn người bạn thân biếu chú hai cái ghế mây, chú lấy làm thích lắm, ngồi cho tới khi chết. Nhà như vậy nên chú ít tiếp ai tại nhà riêng cả, chỉ có vài người bạn rất thân và anh em trong nhà, còn thì hẹn gặp ở nhà báo. Chú đi hay về, ngay cả hàng xóm cũng không ai nghe tiếng chú ấy nói.

Nhà báo đương thời kỳ phát đạt và nổi tiếng vì hoạt động xã hội lập thành hội Ánh Sáng cho giàu nghèo, hội viên lan tràn đến các tỉnh. Anh Tam tôi cũng hay đi tỉnh này tỉnh khác nên chính quyền Pháp họ để ý, tôi thì không rõ bề trong lập đảng phái ra sao. Sau họ khám tòa báo bắt anh Long và ông Khái Hưng, còn anh Tam tôi thì trên đường đi các tỉnh nên cũng chả biết đầu mà báo tin. Còn chú Sáu và chồng tôi, chắc vì hai người cùng nghiện thuốc nên nó không bắt. Chú Sáu cũng lo, nên cai thuốc lấy rượu để quên và chú đứng lên trông nom tờ báo thay hai anh. Còn anh Tam thì về tới Hà Nội bằng xe người bạn, về tới hàng Than thì cho người em trai chị Tam tới. Tôi đi theo ngay, khi hai chị em vừa bước ra đường là thấy anh đương đi trở tới, vẫn ung dung thơi thới, tôi biết ngay là anh chưa biết tin.

Hai chị em vội báo tin ngay, anh không còn kịp hỏi hơn nữa, chỉ dặn hai chị em đi theo xa xa trông chừng cho anh tới đầu phố Quan Thánh vào cái nhà vi-la là yên rồi. Anh còn nói hai chị em khỏi phải lo và đừng cho ai biết cả. Sao mà may thế ! Trong khi tụi mật thám họ đương lùng bắt mà anh ấy đi khơi khơi ngoài



đường, chứ không, về tòa báo thì chắc cũng bị bắt.

Anh Long và anh Khải Hưng bị giam ở Sở Mật Thám, họ tra khảo mãi mà chả khai thác được gì, họ cho đi an trí vũ bản hai năm vì không có tài liệu gì cả. Sau họ phải về tận Sở Mật Thám Hải Dương và lên trại Cẩm Giàng để khám, vì có hồi anh tôi về ở tỉnh dương để viết văn độ nửa tháng. Thế mà họ cũng để ý. Mẹ tôi vẫn thân nhiên vui vẻ để họ khám, không có vẻ gì sợ hãi chính vì mẹ tôi cũng thừa biết có cái gì đâu. Mà có gì đi chẳng nữa, thì các anh tôi cũng chả dại gì để liên lụy cho mẹ già, có là ngục mới làm vậy. Khi khám xét xong, họ phải làm giấy cam kết chứng nhận là không có gì, mẹ tôi mới chịu. Người Tây mật thám phải khen là một bà mẹ can đảm, có người con bị bắt rồi mà cũng coi như không, họ cũng phục lãn nhưng chỉ vì lệnh trên sai nên phải làm.

Lúc gặp lại anh Tam, hỏi về chuyện hôm đó, anh mới cho biết là anh vào ở ẩn nhà người Nhật, nhờ họ đưa qua Nhật nhưng thấy họ cũng không giúp đỡ gì mình nên anh lại qua Tàu. Tàu lại bắt giữ anh vì họ nghĩ là anh do thám cho Nhật, bởi lúc bấy giờ Nhật và Tàu cũng đương lộn xộn. Bốn tháng sau mới đưa tin được cho ông Nguyễn Hải Thần tới lãnh ra. Thế là tòa báo như rắn không đầu, ai nấy đều lo sợ Pháp bắt. Chú Sáu cũng buồn, sẵn con người đa sầu đa cảm nên cứ mượn chén rượu giải buồn. Chú Bảy giờ còn đương học thuốc năm thứ tư.

Tết năm đó chỉ còn có hai anh em về ăn Tết. Chú



cũng đã yếu rồi nên thím Sáu đã phải đốt một lò than hồng để đón chú, mà chú cũng còn kêu : “Rét quá, giá mẹ xây lò sưởi có phải ấm không”. Đêm giao thừa phải đốt một đồng củi ở buồng hai gian nhà ngang vải chung quanh trại ổ rơm mà chú vẫn kêu lạnh. Tất cả ngồi quây quần đánh bát để đợi Giao Thừa, năm đó tiết trời cũng giá buốt nên thay vì cúng và ăn ngoài sân, cả gia đình đều vào phòng khách. Đứng Giao Thừa, chú bảo đốt trầm lên và đem rượu ra uống mừng Xuân. Rượu rót ra rồi ai nấy đều thấy chú ngồi im lặng lẽ, khóí trầm mờ ảo, tất cả tự nhiên đều im lặng, mỗi người hoài niệm một nỗi niềm riêng tư. Vắng mấy anh như là vắng tất cả. Xuân này mỗi anh mỗi phương, người gốc bể, kẻ chốn rừng sâu, chắc giờ này cũng đương hướng cả tâm hồn về với nhau. Anh em sum họp đã bao cái Tết vui vẻ, nay như chim lìa đàn, con bay về phương Bắc, con về phương Nam, cách biệt từ nay mấy dặm ngàn.

Sau cái Tết đó là chú Sáu bắt đầu yếu. Hôm chú sang chơi nhà anh Thế Lữ rồi qua tới thấy tôi đốt lò sưởi, chú thích quá. Chú nói bên hồ năm nay lạnh quá, chú chịu không nổi. Tôi mời chú qua đây ở, tôi sẽ nhường chú căn phòng khách có lò sưởi cho ấm chứ nhà tôi có tiếp khách nào đâu. Nói rồi, tôi thấy nét mặt chú buồn buồn. Lúc tiễn chú ra cổng, thấy thân hình chú mặc cái áo cẳng dài, người mảnh và cao, chân bước đi như gió thoảng trên mặt đất, lòng tôi tự nhiên thấy buồn nhưng cũng không rõ vì sao. Không thấy chú sang ở, có lẽ chú sợ phiền vì đã hai lần chị đã nhường cho nhà rồi, và lại đời sống chú cũng khó khăn, sang đây sợ



thiếu phương tiện.

Chú đã già yếu nhiều nên tính nết cũng khó khăn, thích yên tĩnh nên tôi có sang thăm chú phải bảo mấy cháu chơi ở ngoài hoặc ra cây đa, hoặc sang sân đình vì chú không ưa trẻ con. Tôi còn nhớ lần đó sang chơi, thấy chú đang ăn cơm, chú mời tôi ăn với chú một thể nhưng tôi đã ăn rồi, chú mới hỏi mấy cháu có qua với tôi không. Tôi bảo : “Chúng nó sợ chú nên ở chơi ngoài sân đình rồi”. Chú bèn nói gọi hết mấy cháu vào đây. Tôi và thím Sáu đều nhìn nhau lấy làm lạ vì đã có lần chú cấm tôi có sang thì để lũ trẻ con ở lại nhà. Thế mà hôm nay chú lại vui vẻ gọi các cháu vào, nào là bắt ăn rồi lại mở tủ sách của chú mà xưa nay các cháu thích lắm nhưng chẳng bao giờ dám mó vào, bây giờ muốn đọc thì tha hồ đọc. Lúc về chú lại cho mượn đem về, hẹn phải giữ cẩn thận rồi đem qua chú đổi cho quyển khác.

Tôi thấy chú cười nói tôi cũng mừng, hay là chú đã hết bệnh rồi nên chú thay đổi tính nết. Ai ngờ là giờ chết, vì theo như các cụ nói thì người dương dễ tính sẽ đổi ra khó, còn người dương khó tính sẽ đổi ra dễ, đó là điềm gở. Được vài tháng sau là chú đau liệt giường luôn, không tới tòa báo được nữa. Chú Bách cũng hằng ngày xuống chích thuốc cho chú, nhưng cũng vô hiệu vì chú đã lao phổi nặng rồi. Mẹ tôi cũng từ dưới trại lên để trông nom chú và người bếp già vì thím ấy đã gần ngày sanh. Chú gầy quá lại kêu đau mình, nên mẹ tôi cho mang cả giường lò xo lên cho chú nằm cho êm.



Thuốc men ăn uống cũng chẳng thấy đỡ, bệnh chú càng ngày càng nặng, chú Bách chích đủ các loại thuốc tốt nhưng cũng đành bó tay thôi.

Mẹ tôi đi coi số cho chú ấy nói nếu có hai con trai thì là tận số. Hôm thím ấy sanh, nói con trai, chú chỉ thở dài nói lại con trai. Mẹ tôi thấy chú phù hai chân biết là khó qua khỏi, nên thím ấy sanh mới được có ba ngày là cho đón về lúc buổi sáng mười giờ. Bé thằng bé con ra cho chú coi mặt, chú bảo trông nó khỏe mạnh đấy. Tôi bắc ghế ngồi bên chú, chú bảo chị cho cái gối cao lên để em ngấm liều, hôm nọ nó chặt mất cành thấp rũ xuống, em tiếc quá. Xong chú nói em nhớ bữa cơm nguội mà hôm em đi chơi về, chị cho em ăn với cá kho và dưa chua, sao mà ngon thế, hôm nào em khỏi chị lại cho em ăn như thế. Tôi cười nói đúng đó chú ạ, mình chỉ ăn ngon vào đúng lúc mình đói thì bữa cơm đó không có gì ăn cũng ngon, chú nhỉ. Chú lại hỏi sắp đến mùa na chưa, em thêm ăn na quá. Tôi bảo tháng sáu hoặc tháng bảy chú ạ. Chú chỉ ao ước một bộ đồ lụa mỏng vài cục áo dài lụa thì Mẹ tôi đã may cho chú để mặc cho mát và nhẹ. Còn các thứ trái cây thì chú thích nhất là na, xoài, dưa tây ướp đá.

Có lần chú Bách đưa cho tôi mấy miếng dưa tây hoặc mấy miếng xoài, thế là quý chị lắm đó. Hai chị em cứ nói chuyện vãn vơ như vậy, đâu có ngờ đến 12 giờ tôi về bên nhà ăn cơm, vừa ăn xong thì hai vợ chồng tôi sang cùng đứng cả bên giường. Chú bảo đỡ chú ngồi lên, anh người nhà một bên, mẹ tôi một bên, sau là



thím Sáu. Thấy chú nói tiếng Pháp với chú Bách, thím Sáu khóc thì chú bảo tôi không chết đâu mà khóc. Chú Bách bỏ bước ra cửa, chú ấy gọi Bách, Bách rất rõ mà chú ấy không quay lại. Tôi và mẹ tôi đều kêu chú Bách, anh gọi này. Chú không quay vào chỉ ngoảnh mặt lại thôi, tôi thấy chú khóc. Tôi chưa từng thấy chú khóc bao giờ. Tôi thấy chú Sáu đuổi hai chân ra, thế là đi luôn, anh người nhà vội đặt chú nằm xuống.

Tôi sung sướng không ngờ, chỉ có chú Bách và Mẹ tôi là biết rõ thôi. Chú đã học thuốc và đã từng chứng kiến nhiều nên chú không dám quay lại khi thấy mình bó tay không sao ngăn được thần chết. Chú lại là người khóc nhiều hơn ai hết, tôi còn phải đi lo báo cho mọi người biết. Mẹ tôi đứng lên lo hết ma chay cho chú xong, mẹ tôi lại trở về trại Cẩm Giàng. Còn nhà báo thì ai trông nom sau khi chú Sáu mất, tôi cũng chả rõ. Gần một năm sau thì anh Long và ông Khái Hưng về trông nom tờ báo. Năm đó cũng là năm Nhật hay sang bỏ bom, mọi người sợ hãi hay chạy về nhà quê và nhà nào cũng đào hầm để trú ẩn. Bên mấy mẹ con thím Sáu thì mẹ tôi đón về trại ở rồi, chứ ở trên này thì lấy gì sống.

Tình mẹ con

Một hôm có người bạn đến chơi, có người bà con ở xa mới đổi về ngờ ý muốn mua căn nhà như thế này, sáu bảy nghìn cũng mua chứ đi thuê mãi chả được. Bây giờ nói đến nghìn là to lắm rồi, nhà tôi làm hết có sáu trăm thôi. Hôm mẹ tôi ở trại lên, thấy mấy cháu hể



máy bay tới là xuống hết cả hầm trú ẩn, nên mẹ tôi bảo cho tất cả các cháu về quê đi. Tôi nói ở đây cũng xa thành phố nên cũng không sợ lắm. Chồng tôi nói có người bạn người ta muốn mua, trả con sáu nghìn năm trăm rồi đấy, nhưng làm ra để ở chứ bán thì ở vào đâu. Mẹ tôi cũng lấy làm ngạc nhiên, sao có thể có người chịu mua đất thế. Sau mẹ tôi bàn hay bán quách đi, đem tiền về hoặc mua ruộng hoặc chung tiền vào nhà in, vì đương gởi cổ phần mà. Mẹ tôi còn nói nếu cô cho hết các cháu về ở hẳn dưới ấy thì tôi cho cô cái nhà ánh sáng cô ở, vì năm đó mẹ tôi đã xây cái nhà gạch trên rồi.

Cái nhà ánh sáng Mẹ tôi đương muốn rời đi, nay cho tôi thì tôi bàn nếu vậy thì con sửa lại ở cho nó ấm hơn. Tôi sẽ lấy một gian đầu xây lên trên có lầu, còn hai gian vẫn để như cũ vì tôi vẫn thích có nhà gác có thể ngắm suốt cánh đồng lúa và mùa nóng ở cao lại mát, ở dưới cứ bị lũy tre bao bọc cản hết gió. Tôi cũng tưởng mẹ tôi vẫn muốn tôi trở về ở hẳn trại cho vui lúc tuổi già. Hai nữa, số tiền bán nhà đem về quê mua được mấy chục mẫu ruộng, giá một mẫu có 30 đồng thôi. Bỏ ra độ một nghìn sửa lại cái nhà, mẹ tôi cho là có nhà ở lại có lợi thóc ăn đủ quanh năm. Tính tôi lại thích ở nhà quê xưa nay, có được chút tiền là như ông hoàng bà chúa rồi, chứ ở tỉnh quanh đi quẩn lại bốn bức tường mãi cũng chán, và may sao chồng tôi ưng thuận. Đúng là dịp may đến, nên tôi là người cuối cùng bằng lòng, thế là nhà tôi nhận lời bán với giá sáu ngàn năm trăm đồng, và làm giấy nhận tiền.



Nhà thì hẹn ở một tháng sau giao lại, vì mẹ tôi bảo nhà có sẵn thuyền chở gạch thì cho họ đem thuyền lên ghé bến Yên Phụ chở hết đồ đạc về. Còn quần áo chăn màn thì tôi sẽ cho người làm mang bằng xe lửa về trước. Người làm cho tôi chúng nó cũng là người Cẩm Giàng cả nên chúng thấy được về ở gần nhà là cũng mừng. Thế là ai nấy đều thích cả. Tiền thì tôi đem mua ngay năm lạng vàng gởi anh Long để trong nhà, anh ấy chỉ xin tôi một ít để sửa nhà. Thôi thế thì xong cả mọi việc, chỉ còn đợi thuyền lên là đem đồ đạc về.

Mẹ tôi hẹn ngày 22 là ngày tốt, tôi đợi cũng chả thấy, mà hạn giao nhà cho người ta cũng đã đến rồi, họ mua cũng cần để ở. Cuối ngày Mẹ tôi mới lên nói là không biết điều gì mà có bầy chim hàng vạn con từ Hải Dương bay theo dọc đường xe lửa, lên tới trại Cẩm Giàng và nhà ga rồi nó lại bay đi nên người ta nói là điềm xấu, sợ Nhật nó bỏ bom. Mẹ tôi vội lên xem cái nhà bên Hồ Tây có ai ở không, Mẹ tôi sẽ cho cả mẹ con thím Sáu lên trên này ở tránh. Tôi mới biết nói làm sao bây giờ, bao nhiêu sống áo đồ đạc thì tôi đã đem về hết rồi, nhà phải trao trả người ta, đi đâu ở bây giờ đây. Sau mẹ tôi bảo ấy là tôi lo thế thôi, chứ chắc là cũng không sao, cô cứ cho các cháu về sống.

Tôi cũng chiều lòng vì nghĩ nếu có chuyện xấu xảy ra thật thì sao người ta chạy đi-cả, mình chạy tới để lãnh đủ thì thật tự đâm đầu vào. Chồng tôi nói thời để tôi xuống phủ Phúc Sá, tôi thấy ở dưới ấy họ làm nhà nhiều lắm để cho thuê. Ăn cơm xong mẹ tôi nằm ngủ



trưa ở bộ ghế phòng khách, tôi cũng cho cháu bé ngủ, còn tôi tự thấy bao ước muốn trở về quê cũ nó cũng tan biến như mây khói, dịp may cũng tan luôn. Hai giờ, chồng tôi dậy ra đi kiếm nhà, tôi trông ra thấy mẹ tôi nằm hé mắt nhìn xong lại vờ ngủ luôn, tôi cũng chẳng để ý. Đến lúc chồng tôi đi độ mười phút thì mẹ tôi làm như chợt tỉnh hỏi chồng tôi đã đi chưa, tôi nói vừa đi xong. Mẹ tôi bảo kêu anh ấy thôi khỏi thuê nhà, mẹ tôi cũng không cần cho mẹ con thím Sáu lên đây nữa, cứ ở chắc chả có sao.

Đến lúc này tôi mới chợt rõ là mẹ tôi đâu có muốn cho tôi về ở, vì khi tôi làm được căn nhà này ở tử tế, mẹ tôi không có sự mừng thành thật như lòng mẹ thương con, muốn cho con được sung sướng. Khi tôi bán nhà rồi bàn sửa lại căn ảnh sáng thì mẹ tôi buông một câu “làm như vậy thì nhà cô lại đẹp hơn nhà tôi”. Lúc bấy giờ tôi không để ý, nhưng nay các chi tiết nối chập lại, tôi mới chợt tỉnh ngộ ra. Đến chiều, chồng tôi về nói đã thuê được căn nhà gạch vừa mới làm xong, chưa có cầu tiêu và đương lát nền nhà độ tuần nữa thì xong. Tôi nói tốt, tôi sẽ xin người mua nhà khất lại một tuần nữa, đồ đạc sẽ đem lên sau.

Từ đó sao lòng tôi nguội lạnh vậy, tôi đâu có tiếc mất nhà, bán thì có tiền có vàng trong tay, chứ có mất đi đâu, nhưng tôi mất đi cái gì hơn thế nhiều.

Tôi mất đi cái tình mẹ con thiêng liêng mà tôi đặt cả cuộc đời tôi từ bé, đến bây giờ dù tôi đã có chồng có con nhưng tôi vẫn kính sợ mẹ tôi như hồi còn bé, mẹ



bảo sao nghe vậy không bao giờ dám nói sai lời. Đến nay tôi mới thấu rõ và cũng có nhiều lý do về sau này tôi mới rõ được. Mẹ tôi thấy tôi buồn rầu nên ngày hôm sau mẹ tôi cũng về trại luôn. Đến hôm tôi phải dọn nhà đi nó mới buồn làm sao, nơi ăn chốn ở, ra vào từ viên gạch cũng đều quen thuộc với tôi. Trước tôi không buồn vì là được về quê chứ bây giờ phải dọn ra ở ngoài bãi, không đèn không nước. Tôi khóc mất mấy đêm, khóc cho nhà, khóc cho tình mẹ con cũng không thành thật, cũng lừa dối nhau. Vì tôi cần nhà ở ngay nên họ muốn cho chóng khô họ phải đốt củi lên hơ nhà.

Mới được nhà trên còn bếp chưa lát, lầy lội, nhất là đi cầu. Sáng ra phải đi hàng giờ mới tìm được chỗ sạch mà ngồi, còn ngoài bãi, chỗ mọi người gánh nước về ăn rửa và giặt giũ, ôi sao mà nó bẩn thế. Phán người bừa trên bờ, nước sông thì đục ngầu, tôi ra có một lần tôi sợ quá. Tối đến thì muỗi đậu mà nhiều thế, hễ thò ra ngoài màn là nó bao vây đầy mặt. Tối đến ngọn đèn dầu mờ mờ, đứa con gái nhỏ tôi nó lại bị đau mắt cứ đòi về nhà cũ cơ làm lòng tôi thêm chua xót. Tôi bảo cố ở hết hai tháng tiền nhà rồi dọn lên phố, chứ ở đây không ở được. Ngày chủ nhật, hai thằng con trai tôi đi họp hướng đạo phải ngủ nhờ giường bác Cả, chứ trời tối mưa lộp độp có về nhà được. Tôi đi tìm nhà thuê mãi mà không có, tôi lại phải lên nói với chị Tam nhường lại cho tôi nửa cái nhà chú Sáu ở cũ, cái nhà đó thì sau khi chú Sáu mất đi họ lấy lại xây nhà gạch, tường cũng xây gạch.



Họ làm xong thì anh Tam tôi thuê để cho các cháu ở hè cho mát, trước giữ lại là tướng Mẹ tôi và thím Sáu lên ở nhưng không thấy. Tôi cũng dự biết là không có lên ở đâu, song anh Tam tôi cũng như tôi đều sợ Mẹ tôi giận nên vẫn giữ. Nay thấy tôi tả tình cảnh ở ngoài bãi khổ quá, và không chạy mau thì lại còn sợ nước sông lên to bị ngập phải đi thuyền. Thế là tôi ở được hai tháng mà nhớ tới bây giờ. Thế mới biết thương những người nghèo, họ có khi phải ở suốt đời như vậy, trong những túp nhà hang chuột tối tăm. Dọn sang đây còn thích hơn bên nhà cũ vì ở ngay hồ, nhà xây cửa kính ẩm áp, có đèn điện, có bể hứng nước mưa, thật đầy đủ tiện nghi. Tôi ở được một năm thì Nhật lại sang bỏ bom Hà Nội, Gia Lâm, mọi người lại chạy về quê. Nhà tôi tất cả các cháu đều về cả rồi.

Anh Tam tôi nói cô ráng cho các cháu về đi và nhân thế cho tôi gởi các con tôi về luôn. Thế là tôi lại sửa soạn đưa con cháu tất cả tám đứa đi xe lửa về. Ra tới ga, lúc lên tàu mới biết là đông chật không thể tưởng tượng nổi. Chồng tôi giúp cho mấy đứa nhỏ lên được chỉ sót hai thằng lớn. Họ để đồ đạc chật kín hết cả lối lên và đứng kín cả bậc lên xuống, thôi thì chồng chất nên tôi phải lo thu xếp chỗ cho mấy cháu bé, còn hai thằng lớn thì chẳng thấy đâu. Tàu chạy, tôi vội bảo chồng tôi còn hai đứa không thấy hãy tìm xem, nhưng tàu chạy nhanh chả còn có thể nhúc nhích đi đâu được. Cứ tới ga đỗ, mọi người lại vất đồ đạc lên bờ cả vào người. Tôi còn mãi lo giữ cánh cửa toa nhất định không cho họ mở ra.



Trời càng ngày càng tối, đến ga nào cũng phải hò hét gào lên, nếu không mọi người không biết để mà xuống. Đến ga Cẩm Giàng, tôi vội lo cho mấy đứa nhỏ xuống trước xong mới trở lên mang đồ đạc xuống được mấy bao, nhưng còn sót lại một bao vì khi xuống thấy lạc mất. Thế là tôi mất hết cả hoa tai, vòng ngọc, đồng hồ, quần áo, khăn bông cùng mấy nghìn bạc mà biết kêu ai.

Vú già bế thằng Thiết con anh Tam tôi, lại mới tôi làm, nào có biết Cẩm Giàng là đâu. Tôi vừa tìm vừa gọi cũng chẳng thấy đâu, lại thấy hai thằng con trai lớn chạy đến tôi mừng quá. Tôi hỏi hai đứa đứng ở đâu mà mợ gọi không thấy, chúng nó nói rằng đứng có một chân trên bực tàu thôi, vì nhiều người họ bám chặt nên rớt mất một chiếc giày. Ôi hú vía ! Tôi mừng quá, cái này mà nó tuột tay lăn xuống đường thì chết, nên tôi nghĩ thôi mất đồ chả cần, thấy con là mừng nhưng lạc mất cháu thì làm sao đây. Lúc tàu chạy rồi mới trông thấy bà vú đứng bên kia đường, hóa ra bà ấy vội đi tiểu nên mình gọi cũng chả thừa. Mà mình có gọi tên bà ấy đâu, toàn kêu tên cháu mình thì bà ấy không thừa là phải. Về tới nhà kể chuyện ai cũng mừng và khen hai chú bé gan dạ. Ở trên Hà Nội, chồng tôi yên chí là chúng lạc đâu mất, đi trình cả quận cảnh sát cũng không thấy. Mấy ngày sau chồng tôi phải về, thấy lại các cháu mới hết lo.

Trong khi đó thì chị Cả tôi có xe hơi đã đưa con cái, vú bố về ung dung từ trước mà chị ấy chả hề đón các

